

## DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2020-2021

| STT | Môn thi | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|---------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1   | Địa lý  | THPT Trần Hưng Đạo             | Phạm Minh         | Thư    | X  | Lâm Đồng              | 7    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 2   | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Cao Nhật   | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 3   | Địa lý  | THPT Hàn Thuyên                | Võ Ngọc           | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 4   | Địa lý  | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Thị Thanh  | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 5   | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trảo Ngọc Thảo    | Vy     | X  | Đồng Nai              | 27   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 6   | Địa lý  | THPT Trần Văn Giàu             | Huỳnh Lê Trúc     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 7   | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Hoàng Văn  | Anh    | X  | Bắc Giang             | 14   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 8   | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Thùy       | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 9   | Địa lý  | THPT Trần Hưng Đạo             | Mai Thái Anh      | Duy    |    | Long An               | 13   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 10  | Địa lý  | THPT Trần Văn Giàu             | Đinh Thị          | Hương  | X  | Ninh Bình             | 7    | 11    | 2002 | NHẤT |
| 11  | Địa lý  | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Thị Lệ     | Huyền  | X  | Quảng Ngãi            | 11   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 12  | Địa lý  | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Bích       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 13  | Địa lý  | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Hoàng Diễm | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 14  | Địa lý  | THPT Trần Văn Giàu             | Nguyễn Phạm Mỹ    | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 15  | Địa lý  | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Thành      | Tâm    |    | Quảng Ngãi            | 1    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 16  | Địa lý  | THCS và THPT Thái Bình         | Nguyễn Trần Thảo  | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 17  | Địa lý  | THPT Bình Hưng Hòa             | Nguyễn Thị Thu    | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 18  | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh          | Đặng Thị Quỳnh    | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 19  | Địa lý  | THPT Tân Bình                  | Nguyễn Triệu Mỹ   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 20  | Địa lý  | THPT Tây Thạnh                 | Trần Lê Phương    | Thảo   | X  | Đồng Nai              | 28   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 21  | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh          | Võ Tường          | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 22  | Địa lý  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa         | Trần Thuận        | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 23  | Địa lý  | THPT Nguyễn Khuyến             | Phan Thảo         | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 24  | Địa lý  | THPT Nguyễn An Ninh            | Ông Trần Hữu      | Nhật   |    | Sóc Trăng             | 10   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 25  | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Thị Phương     | Uyên   | X  | Nghệ An               | 3    | 11    | 2002 | NHẤT |
| 26  | Địa lý  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa         | Nguyễn Phạm Thảo  | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 27  | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Lê Thị Ngọc       | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 28  | Địa lý  | THPT Nam Sài Gòn               | Đỗ Tuyết          | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 29  | Địa lý  | THPT Ngô Quyền                 | Nguyễn Ngọc Tâm   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 30  | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Đào Huỳnh Thanh   | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 31  | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Lê Thị Thanh      | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 32  | Địa lý  | THPT Ngô Quyền                 | Nguyễn Thị Như    | Quỳnh  | X  | Đồng Nai              | 25   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 33  | Địa lý  | THPT Ngô Quyền                 | Nhữ Đào Nhật      | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 34  | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Lê Huỳnh Minh     | Tuân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 35  | Địa lý  | THPT Phú Hòa                   | Trịnh Thị Thảo    | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 36  | Địa lý  | THPT Võ Trường Toản            | Hồ Đào Yến        | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 37  | Địa lý  | THPT Võ Trường Toản            | Lê Thị Minh       | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 38  | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Nguyễn Ngọc Khánh | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 39  | Địa lý  | THPT Lương Thế Vinh            | Cao Đức           | Anh    |    | Hà Nội                | 9    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 40  | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Nguyễn Thị Thuý   | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 41  | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Xuân       | Diệp   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 42  | Địa lý  | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Việt       | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 43  | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn                | Huỳnh Bảo Minh    | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 44  | Địa lý  | THPT Lương Thế Vinh            | Nguyễn Hoàng Bảo  | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 45  | Địa lý  | THPT Bùi Thị Xuân              | Tất Tân           | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 46  | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn                | Nguyễn Minh       | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 47  | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Huỳnh Bảo  | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 48  | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Tiểu Lệ           | Quân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 49  | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Nguyễn Phù Vân    | Thiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 50  | Hóa học | THPT Trần Hưng Đạo             | Lê Quỳnh          | Anh    | X  | Thừa Thiên - Huế      | 24   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 51  | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ           | Nguyễn Huỳnh Nhật | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 52  | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Huỳnh Bảo  | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 53  | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Ngô Hoàng         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 54  | Hóa học | THPT Gia Định                  | Lưu Hoàng         | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 55  | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Bùi Mỹ            | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 56  | Hóa học | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Quách Quốc        | Công   | X  | Đồng Nai              | 6    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 57  | Hóa học | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Vũ Lâm Hoàng      | Đại    | X  | Đồng Nai              | 22   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 58  | Hóa học | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Trần Quốc         | Đạt    |    | Gia Lai               | 20   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 59  | Hóa học | THPT Trần Phú                  | Đào Đình          | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | NHẤT |

Trang 2

| STT | Môn thi        | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 60  | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Phạm Minh          | Hải    |    | Bình Thuận            | 12   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 61  | Hóa học        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | La Thị Huỳnh       | Hoa    | X  | Long An               | 3    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 62  | Hóa học        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Nguyễn Hữu         | Hưng   | X  | Lâm Đồng              | 14   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 63  | Hóa học        | THPT Trần Phú                  | Hoàng Trung        | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 64  | Hóa học        | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Đỗ Xuân     | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 65  | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Huỳnh Tô Trọng     | Nhân   |    | Tiền Giang            | 10   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 66  | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Phạm Minh   | Phát   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 67  | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Tiến        | Phát   |    | Tiền Giang            | 7    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 68  | Hóa học        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Lý Tiểu            | Phụng  | X  | Đắk Lắk               | 4    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 69  | Hóa học        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Lê Nguyễn Minh     | Tâm    | X  | Gia Lai               | 2    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 70  | Hóa học        | THPT Trần Phú                  | Lê Tuấn            | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 71  | Hóa học        | THPT Trần Phú                  | Đoàn Trương Thanh  | Tĩnh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 72  | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Lê Thị Minh        | Trang  | X  | Long An               | 13   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 73  | Hóa học        | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Đoàn Duy           | Tùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 74  | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Mai Thị Khánh      | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 75  | Hóa học        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Bùi Trần Tiến      | Đạt    |    | Quảng Ngãi            | 24   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 76  | Hóa học        | THPT Võ Văn Kiệt               | Trần Hải Dương     | Đông   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 77  | Hóa học        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đinh Hoàng         | Văn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 78  | Hóa học        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Lưu Trọng          | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 79  | Hóa học        | THPT Trung Phú                 | Hồ Thanh           | Bình   |    | Bình Dương            | 5    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 80  | Hóa học        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Võ Việt            | Cường  |    | Bình Dương            | 28   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 81  | Hóa học        | THPT Cù Chi                    | Nguyễn Ngọc Bảo    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 82  | Hóa học        | THPT Tân Thông Hội             | Trương Quốc        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 83  | Hóa học        | THPT Võ Trường Toản            | Nguyễn Vĩnh Hoàng  | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 84  | Hóa học        | THPT Trung Phú                 | Hồ Phương          | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 85  | Hóa học        | THPT Cù Chi                    | Lê Nguyễn Uyên     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 86  | Hóa học        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Nguyễn Trung       | Tín    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 87  | Hóa học        | THPT Tân Thông Hội             | Nguyễn Đức         | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 88  | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Trí         | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 89  | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Đinh Công Huy      | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 90  | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lê Huy             | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 91  | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Trần Kim Bảo       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 92  | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lý Thế             | Phụng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 93  | Hóa học        | Trung học thực hành DHSP TPHCM | Võ Hữu             | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 94  | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Châu Ngọc Trâm     | Anh    | X  | Long An               | 15   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 95  | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Hoàng Phương       | Anh    | X  | Nghệ An               | 11   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 96  | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Duy             | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 97  | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Tấn         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 98  | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Hải          | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 99  | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Thị Việt    | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 100 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Nguyễn Gia    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 101 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Huỳnh Tấn Nhật     | Hào    |    | Quảng Nam             | 25   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 102 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lâm Vĩ             | Hào    |    | Bạc Liêu              | 10   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 103 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Thu         | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 104 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Minh        | Hoàng  |    | Đồng Nai              | 23   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 105 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đặng Minh          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 106 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Huỳnh Võ           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 107 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Vũ          | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 108 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Thị Kim         | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 109 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Kiều Bảo    | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 110 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Đăng            | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 111 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Thượng Quang Nhất  | Khuyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 112 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Huỳnh Tuấn         | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 113 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Đình        | Ký     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 114 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Phương | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 115 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Võ Văn             | Luân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 116 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Phạm Võ Quang      | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 117 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Tuấn          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 118 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Mai Phùng Huyền    | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 119 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Thái Dương Phương  | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 120 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Trần Bảo    | Ngân   | X  | Bình Định             | 23   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 121 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                  | Trần Kim           | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 6     | 2003 | NHẤT |

Trang 3

| STT | Môn thi        | Trường                     | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------------|----------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 122 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Văn Tường  | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 123 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Đăng       | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 124 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Bảo Phúc       | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 125 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Lê Thành          | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 126 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Bùi Ngọc          | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 127 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Đào Thanh         | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 128 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lâm Nguyễn Minh   | Tấn    |    | Tỉnh An Giang         | 18   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 129 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Đào Văn           | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 130 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Võ Minh           | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 131 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Khương     | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 132 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Bành Tân          | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 133 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Văn Cập           | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 134 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Phạm Thùy         | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 135 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Phạm Nhật Minh    | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 136 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Huỳnh Bá          | Tùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 137 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức               | Võ Quang          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 138 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu         | Phạm Vũ Đức       | Bình   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 139 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Vũ Đức            | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 140 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu         | Đặng Phúc Thanh   | Nhân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 141 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Lương Tâm         | Như    | X  | Kon Tum               | 16   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 142 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức               | Tô Thụy Trang     | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 143 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức               | Nguyễn Thị        | Phương | X  | Quảng Ngãi            | 4    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 144 | Lịch sử        | THPT Trần Hưng Đạo         | Lê Hoàng Hồng     | Quý    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 145 | Lịch sử        | THPT Tam Phú               | Trần Như          | Quỳnh  | X  | Bình Dương            | 25   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 146 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức               | Trương Lê Thanh   | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 147 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Trung Trực     | Lê Nguyễn Anh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 148 | Lịch sử        | THPT Phú Nhuận             | Đỗ Ngọc Bảo       | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 149 | Lịch sử        | THPT Phú Nhuận             | Nguyễn Hoàng Bảo  | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 150 | Lịch sử        | THPT An Lạc                | Phạm Minh         | Phi    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 151 | Lịch sử        | THPT Lê Trọng Tấn          | Nguyễn Phạm Như   | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 152 | Lịch sử        | THPT Trần Phú              | Hoàng Bảo         | Trâm   | X  | Lâm Đồng              | 1    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 153 | Lịch sử        | THPT Lê Trọng Tấn          | Nguyễn Ngọc Văn   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 154 | Lịch sử        | THPT Lê Trọng Tấn          | Phạm Đăng Tuệ     | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 155 | Lịch sử        | THPT Trần Phú              | Vũ Thị Phương     | Nga    | X  | Đồng Nai              | 19   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 156 | Lịch sử        | THPT Bình Hưng Hòa         | Trần Khang        | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 157 | Lịch sử        | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Huỳnh Phạm Minh   | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 158 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Tất Thành      | Nguyễn Hoàng Tuấn | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 159 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Du             | Nguyễn Lê Trúc    | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 160 | Lịch sử        | THPT Bình Phú              | Nguyễn Thị Phương | Nam    | X  | Quảng Nam             | 29   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 161 | Lịch sử        | THPT Vĩnh Lộc B            | Lê Phạm Ý         | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 162 | Lịch sử        | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Lê Thiên          | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 163 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Du             | Nguyễn Huỳnh Minh | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 164 | Lịch sử        | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Mai Hải           | Yến    | X  | An Giang              | 28   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 165 | Lịch sử        | THPT Ngô Quyền             | Lê Quốc           | Cường  |    | Phú Yên               | 22   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 166 | Lịch sử        | THPT Ngô Quyền             | Lê Dương Thanh    | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 167 | Lịch sử        | THPT Ngô Quyền             | Nguyễn Huỳnh Kim  | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 168 | Lịch sử        | THPT Ngô Quyền             | Đặng Lâm Thu      | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 169 | Lịch sử        | THPT Ngô Quyền             | Phùng Đỗ Ngọc Cẩm | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 170 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Huệ            | Vũ Hồng Cẩm       | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 171 | Lịch sử        | THPT Bà Điểm               | Nguyễn Kiều       | Giang  | X  | Đồng Nai              | 21   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 172 | Lịch sử        | THPT Bà Điểm               | Hoàng Nhật Thiên  | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 173 | Lịch sử        | THPT Bà Điểm               | Lê Nguyễn Thanh   | Thảo   | X  | Quảng Ngãi            | 1    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 174 | Lịch sử        | THPT Võ Trường Toản        | Trần Ngọc Anh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 175 | Lịch sử        | THPT Bùi Thị Xuân          | Võ Thị Thanh      | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 176 | Lịch sử        | THPT Bùi Thị Xuân          | Trần Hòa Minh     | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 177 | Lịch sử        | THPT Trần Khai Nguyên      | La Thái Anh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 178 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Thị Diệu       | Nguyễn Ngọc Minh  | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 179 | Lịch sử        | THPT Bùi Thị Xuân          | Nguyễn Bích       | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 180 | Lịch sử        | THPT Trần Khai Nguyên      | Lê Hứa Như        | Tuyết  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 181 | Lịch sử        | THPT Bùi Thị Xuân          | Lưu Thụy Ánh      | Tuyết  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 182 | Lịch sử        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Thùy       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 183 | Lịch sử        | THPT Trần Khai Nguyên      | Tiết Thu          | Đinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | NHẤT |

Trang 4

| STT | Môn thi | Trường                        | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|---------|-------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 184 | Lịch sử | THPT Marie Curie              | Trần Chí           | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 185 | Lịch sử | THPT Ten Lơ Man               | Ngô Lý Nhật        | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 186 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hữu Thọ           | Diệp Ngọc          | Hào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 187 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên         | Lưu Nguyễn Kim     | Hoàng  | X  | Sóc Trăng             | 31   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 188 | Lịch sử | THPT Bùi Thị Xuân             | Đỗ Tin             | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 189 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên         | Châu Thúy          | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 190 | Lịch sử | THPT Bùi Thị Xuân             | Đỗ Yến             | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 191 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức                  | Nguyễn Ngọc Thùy   | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 192 | Ngữ văn | THPT Trần Hưng Đạo            | Lê Trần Minh       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 193 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Huân          | Đặng Ngọc Bảo      | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 194 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức                  | Võ Ngọc Bảo        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 195 | Ngữ văn | THPT Gò Vấp                   | Bùi Gia Nhật       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 196 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ          | Dương Khánh        | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 197 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức                  | Lê Thị Thanh       | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 198 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu            | Lê Anh             | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 199 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu               | Trần Thanh         | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 200 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Huân          | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 201 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức                  | Trương Lê Huyền    | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 202 | Ngữ văn | THPT Phan Đăng Lưu            | Dương Minh         | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 203 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu            | Nguyễn Ứt Phương   | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 204 | Ngữ văn | THPT Trần Hưng Đạo            | Nguyễn Tuấn        | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 205 | Ngữ văn | THPT Đào Sơn Tây              | Nguyễn Ngọc Phương | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 206 | Ngữ văn | THCS và THPT Ngôi Sao         | Nguyễn Thị Thái    | An     | X  | Tỉnh An Giang         | 11   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 207 | Ngữ văn | THPT Trần Phú                 | Lê Thụy Thục       | Đoan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 208 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh                | Nguyễn Phạm Thùy   | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 209 | Ngữ văn | THCS và THPT Trí Đức          | Phạm Thụy Ánh      | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 210 | Ngữ văn | THPT An Lạc                   | Võ Hoàng           | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 211 | Ngữ văn | THPT Vĩnh Lộc                 | Lê Thị Hương       | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 212 | Ngữ văn | THPT Lê Trọng Tấn             | Nguyễn Khánh Lệ    | Huyền  | X  | Thừa Thiên - Huế      | 8    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 213 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thượng Hiền       | Lê Ô               | Na     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 214 | Ngữ văn | THPT Vĩnh Lộc                 | Nguyễn Thị Kim     | Ngân   | X  | Quảng Nam             | 12   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 215 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thượng Hiền       | Nguyễn Hồ Minh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 216 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thái Bình         | Nguyễn Quang Vĩnh  | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 217 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                 | Lê Thị             | Thủy   | X  | Thanh Hoá             | 29   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 218 | Ngữ văn | THPT Bình Hưng Hòa            | Nguyễn Hà          | Trang  | X  | Nghệ An               | 20   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 219 | Ngữ văn | THPT Trần Quang Khải          | Bùi Thị Thu        | An     | X  | Gia Lai               | 14   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 220 | Ngữ văn | THPT Đa Phước                 | Lê Quốc            | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 221 | Ngữ văn | THPT Lê Minh Xuân             | Ngô Thị Ngọc       | Anh    | X  | Quảng Ngãi            | 18   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 222 | Ngữ văn | THPT Bình Chánh               | Nguyễn Hồng        | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 223 | Ngữ văn | THPT Bình Phú                 | Lý Trương Hoàng    | Hạnh   | X  | Cần Thơ               | 23   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 224 | Ngữ văn | THPT NK TDTT Huyện Bình Chánh | Nguyễn Thu         | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 225 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt              | Trần Thúy          | Hường  | X  | Nam Định              | 9    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 226 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Úc      | Nguyễn Minh        | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 227 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt              | Lê Lâm Kim         | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 228 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Úc      | Châu Vũ Bích       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 229 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Úc      | Vũ Thiên Thảo      | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 230 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Úc      | Phan Thái Thảo     | Oanh   | X  | Tây Ninh              | 28   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 231 | Ngữ văn | THPT Lê Minh Xuân             | Hồ Trúc            | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 232 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Úc      | Dương Ngọc Thùy    | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 233 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Du                | Nguyễn Ngọc Thụy   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 234 | Ngữ văn | THPT Nguyễn An Ninh           | Nguyễn Ngọc Tường  | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 235 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Du                | Nguyễn Hoàng Kỳ    | Xuân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 236 | Ngữ văn | THPT Ngô Quyền                | Võ Phạm Hồng       | Gấm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 237 | Ngữ văn | THPT Long Thới                | Nguyễn Thị Ngọc    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 238 | Ngữ văn | THPT Ngô Quyền                | Võ Thị Tuyết       | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 239 | Ngữ văn | THPT Ngô Quyền                | Trần Phan Thảo     | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 240 | Ngữ văn | THPT Lê Thánh Tôn             | Nguyễn Thị Tâm     | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 241 | Ngữ văn | THPT Lê Thánh Tôn             | Huỳnh Minh         | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 242 | Ngữ văn | THPT Cần Thạnh                | Đặng Hoài          | Thương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 243 | Ngữ văn | THPT An Nghĩa                 | Nguyễn Mẫn         | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 244 | Ngữ văn | THPT Phước Long               | Nguyễn Thủy        | Tiên   | X  | Quảng Ninh            | 28   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 245 | Ngữ văn | THPT Dương Văn Dương          | Võ Hồng            | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 7     | 2003 | NHẤT |

Trang 5

| STT | Môn thi        | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 246 | Ngữ văn        | THPT Bình Khánh                | Nguyễn Dung Hà    | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 247 | Ngữ văn        | THPT Ngô Quyền                 | Lê Đoàn Văn       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 248 | Ngữ văn        | THCS và THPT Đinh Thiện Lý     | Phạm Lan          | Anh    | X  | Bình Định             | 21   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 249 | Ngữ văn        | THPT Phạm Văn Sáng             | Giang Hải         | Đông   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 250 | Ngữ văn        | THPT Trung Phú                 | Huỳnh Thị Phương  | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 251 | Ngữ văn        | THPT An Nhơn Tây               | Đỗ Nguyễn Thanh   | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 252 | Ngữ văn        | THPT Trường Chinh              | Huỳnh Ngọc Kim    | Ngân   | X  | Bình Thuận            | 2    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 253 | Ngữ văn        | THPT Trưng Vương               | Dương Thị Quỳnh   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 254 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Võ Văn       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 255 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên          | Trần Ngọc Kim     | Chi    | X  | Long An               | 1    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 256 | Ngữ văn        | THPT Hùng Vương                | Ngô Mỹ            | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 257 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên          | Vũ Thu            | Giang  | X  | Hải Phòng             | 28   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 258 | Ngữ văn        | THPT Trưng Vương               | Hoàng Bảo         | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 259 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên          | Trương Ngọc       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 260 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie               | Châu Võ Tú        | Như    | X  | Phú Yên               | 31   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 261 | Ngữ văn        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Thái Nguyễn Hồng  | Phúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 262 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên          | Phạm Phương       | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 263 | Ngữ văn        | THPT Lương Thế Vinh            | Nguyễn Hồ Thanh   | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 264 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên          | Tiền Bích         | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 265 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Bùi Nhật Phương   | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 266 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Lê Phương         | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 267 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Đông  | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 268 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Khánh | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 269 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Đông Gia          | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 270 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Phan Ngọc Minh    | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 271 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Trần Thị          | Phượng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 272 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 273 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Đình Xuân  | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 274 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Võ Hồ Thanh       | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 275 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trang Lan         | Thi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 276 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lai Thiên         | Thiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 277 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Thanh      | Thiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 278 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hoàng Anh         | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 279 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hoàng Uyên Bảo    | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 280 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Thảo       | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 281 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Khánh      | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 282 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Thị Tường  | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 283 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Trúc       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 284 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trần Ngọc Bảo     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 285 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Minh         | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 286 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Võ Nguyễn Thanh   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 287 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nhâm Lê An        | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 288 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Đỗ Nguyễn Châu    | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 289 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Lưu Thị Hà        | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 290 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Hoài Hương | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 291 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Hương      | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 292 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Nguyễn Thu | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 293 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Lê Bảo     | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 294 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trương Gia        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 295 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Võ Nguyễn Ngọc    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 296 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Thành      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 297 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lưu Mỹ            | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 298 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Minh         | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 299 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Ngọc Minh   | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 300 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Ca Yến            | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 301 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Đình Hải   | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 302 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Phương       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 303 | Sinh học       | THPT Gia Định                  | Trần Lưu Đông     | A      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 304 | Sinh học       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Trần Bình Quang   | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 305 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Trần Vũ Khánh     | Bảo    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 306 | Sinh học       | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Minh       | Chiến  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 307 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Đỗ Thái Đồng      | Dao    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | NHẤT |

Trang 6

| STT | Môn thi  | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 308 | Sinh học | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Thị        | Dung   | X  | Thanh Hóa             | 20   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 309 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Thùy       | Dương  | X  | Đồng Nai              | 23   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 310 | Sinh học | THPT Trần Hưng Đạo             | Lại Hoàng         | Hà     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 311 | Sinh học | THPT Nguyễn Công Trứ           | Lý Gia            | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 312 | Sinh học | THPT An Dương Vương            | Ngô Phúc          | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 313 | Sinh học | THPT Trần Hưng Đạo             | Võ Nữ Quỳnh       | Hương  | X  | An Giang              | 3    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 314 | Sinh học | THPT Trần Hưng Đạo             | Diệp Vĩnh         | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 315 | Sinh học | THPT Trần Hưng Đạo             | Trịnh Hoài Trúc   | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 316 | Sinh học | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Đình       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 317 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Võ Lê Bảo         | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 318 | Sinh học | THPT An Dương Vương            | Cao Đình Anh      | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 319 | Sinh học | THPT Tam Phú                   | Nguyễn Ngọc Khánh | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 320 | Sinh học | THPT Võ Thị Sáu                | Nguyễn Võ Hoàng   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 321 | Sinh học | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Thị Hồng   | Phúc   | X  | Quảng Nam             | 4    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 322 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Lý Thanh   | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 323 | Sinh học | THPT Lê Trọng Tấn              | Nguyễn Bình       | Thảo   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 324 | Sinh học | THCS và THPT Trí Đức           | Tô Lễ             | Thị    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 325 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Hồ Nguyễn Minh    | Thơ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 326 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Đan          | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 327 | Sinh học | THPT Trần Phú                  | Hà Ngọc           | Vũ     |    | Thừa Thiên - Huế      | 5    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 328 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Ngọc Tường | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 329 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Hà Xuân    | Đoan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 330 | Sinh học | THPT Tây Thạnh                 | Đinh Hồng         | Lợi    |    | Quảng Nam             | 8    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 331 | Sinh học | THPT Trần Phú                  | Huỳnh Phạm Kim    | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 332 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lê Nguyễn Ánh     | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 333 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Bảo        | Ngọc   | X  | Lâm Đồng              | 23   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 334 | Sinh học | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Thị Bích   | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 335 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến             | Phạm Trần Gia     | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 336 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến             | Phạm Ngọc         | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 337 | Sinh học | THPT Bình Phú                  | Huỳnh Nhật Minh   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 338 | Sinh học | THPT Nguyễn Du                 | Hoàng Khánh       | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 339 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Trương Bảo        | Khang  |    | Kiên Giang            | 11   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 340 | Sinh học | THPT Lê Thánh Tôn              | Nguyễn Sĩ         | Đông   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 341 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                 | Võ Tuấn           | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 342 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                 | Bùi Tấn           | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 343 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Lê Phan           | Chánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 344 | Sinh học | THPT Trung Phú                 | Phan Ngọc Minh    | Châu   | X  | Tây Ninh              | 5    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 345 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Dương Thị Hồng    | Diễm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 346 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản            | An Thị Thúy       | Diệu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 347 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Nguyễn Phạm Gia   | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 348 | Sinh học | THPT Cù Chi                    | Trần Thị Thuý     | Loan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 349 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Lê Quang          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 350 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản            | Trần Thị Hồng     | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 351 | Sinh học | THPT Cù Chi                    | Trương Thị Hồng   | Ngọc   | X  | Vĩnh Phúc             | 15   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 352 | Sinh học | THPT Trung Lập                 | Nguyễn Quốc       | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 353 | Sinh học | THPT Trần Khai Nguyên          | Nguyễn Trần Bá    | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 354 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Lương Tú          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 355 | Sinh học | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Xuân       | Bách   |    | Khánh Hòa             | 7    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 356 | Sinh học | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Lê Bạch      | Cúc    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 357 | Sinh học | THPT Trưng Vương               | Lê Đình Minh      | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 358 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Chí        | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 359 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Trần Nhật         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 360 | Sinh học | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Đoàn Gia   | Huynh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 361 | Sinh học | THPT Trần Khai Nguyên          | Dương Kim         | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 362 | Sinh học | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Ngô Thảo          | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 363 | Sinh học | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hoàng Nguyễn An   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 364 | Sinh học | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Thị Bảo    | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 365 | Sinh học | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Quang        | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 366 | Sinh học | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đỗ Tấn            | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 367 | Sinh học | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Dương Hào         | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 368 | Sinh học | THPT Lê Quý Đôn                | Phạm Triệu Thanh  | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 369 | Sinh học | THPT Trần Khai Nguyên          | Lê Quốc           | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | NHẤT |

Trang 7

| STT | Môn thi          | Trường                                     | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 370 | Sinh học         | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Tạ Thị Thanh       | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 371 | Sinh học chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Thái Khánh         | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 372 | Sinh học chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu                       | Nguyễn Cao Anh     | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 373 | Sinh học chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu                       | Kiều Hồ Hoa        | Hồng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 374 | Sinh học chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Hồ Vũ Hoàng        | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 375 | Sinh học chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu                       | Lê Anh             | Khoa   |    | Gia Lai               | 12   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 376 | Sinh học chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu                       | Trần Phan Đăng     | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 377 | Sinh học chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Trần Tuyết Anh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 378 | Sinh học chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Trần Thị Kim       | Xoàn   | X  | An Giang              | 15   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 379 | Sinh học chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Dương Lục Ánh      | Xuân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 380 | Tiếng Anh        | THPT Hoàng Hoa Thám                        | Nguyễn Đình Danh   | Bắc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 381 | Tiếng Anh        | THPT Phú Nhuận                             | Lê Trần Minh       | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 382 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Hữu Huân                       | Từ                 | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 383 | Tiếng Anh        | THPT Võ Thị Sáu                            | Hoàng Phi          | Khanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 384 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Công Trứ                       | Nguyễn Hoàng Minh  | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 385 | Tiếng Anh        | THPT Võ Thị Sáu                            | Nguyễn Trần Đình   | Quý    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 386 | Tiếng Anh        | THPT Gia Định                              | Phùng Hữu          | Trí    |    | Hà Nội                | 7    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 387 | Tiếng Anh        | THPT Gia Định                              | Nguyễn Hồ Phương   | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 388 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thượng Hiền                    | Hà Việt            | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 389 | Tiếng Anh        | THPT Tân Bình                              | Lê Quang           | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 390 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Chí Thanh                      | Lê Bảo             | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 391 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Chí Thanh                      | Đặng Minh          | Triết  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 392 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Du                             | Nguyễn Trí         | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 393 | Tiếng Anh        | THPT Võ Văn Kiệt                           | Đỗ Đình            | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 394 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Du                             | Huỳnh Sơn Nhứt     | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 395 | Tiếng Anh        | THPT Mạc Đĩnh Chi                          | Trần Lê Duy        | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 396 | Tiếng Anh        | THPT Ngô Quyền                             | Nguyễn Đức         | An     |    | Hà Nội                | 16   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 397 | Tiếng Anh        | THPT Ngô Quyền                             | Phạm Nguyễn Hồng   | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 398 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Huệ                            | Nguyễn Tấn         | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 399 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm            | Trần Mai           | Phương | X  | Đà Nẵng               | 12   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 400 | Tiếng Anh        | THCS và THPT Đinh Thiện Lý                 | Huỳnh Minh         | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 401 | Tiếng Anh        | THCS và THPT Đinh Thiện Lý                 | Đỗ Hạnh            | Trang  | X  | Hà Nội                | 23   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 402 | Tiếng Anh        | THPT Võ Trường Toản                        | Vũ Thanh           | Danh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 403 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Hữu Cẩu                        | Phạm Trung         | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 404 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu            | Nghe Ngọc Phương   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 405 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                            | Nguyễn Tường       | Bách   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 406 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                            | Phạm Quang         | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 407 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                            | Trần Đăng          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 408 | Tiếng Anh        | TTGDKTTH-HN Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm | Nguyễn Tuấn        | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 409 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                          | Nguyễn Nhật Tuấn   | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 410 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu            | Phạm Ngọc Tú       | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 411 | Tiếng Anh        | THPT Marie Curie                           | Bùi Quốc           | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 412 | Tiếng Anh        | THPT Trần Khai Nguyên                      | Phạm Ngọc          | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 413 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM             | Nguyễn Lê Tuấn     | Trung  |    | Hà Nội                | 14   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 414 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                          | Lê Minh            | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 415 | Tiếng Anh        | THPT Trần Khai Nguyên                      | Trần               | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 416 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Nguyễn Ngọc        | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 417 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                       | Nguyễn Phước       | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 418 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Đặng Hoàng Minh    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 419 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Lê Minh            | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 420 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Ngô Minh           | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 421 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Nguy Phan          | Anh    |    | Hà Nội                | 5    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 422 | Tiếng Anh chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM             | Nguyễn Hoàng       | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 423 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền                    | Nguyễn Ngọc Hoàng  | Anh    | X  | Thừa Thiên - Huế      | 12   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 424 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Nguyễn Phạm Phương | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 425 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Phạm Nguyễn Lan    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 426 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Trần Bảo           | Anh    | X  | Đắk Lắk               | 10   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 427 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Trần Lâm Tuấn      | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 428 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Nguyễn Hoàng Gia   | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 429 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                       | Nguyễn Phúc Huy    | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 430 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Trần Gia           | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 431 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                       | Tô Nguyễn Bảo      | Châu   | X  | Hải Phòng             | 24   | 8     | 2003 | NHẤT |

Trang 8

| STT | Môn thi          | Trường                     | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|------------------|----------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 432 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Bùi Thảo           | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 433 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Phạm Lê Quốc       | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 434 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Chung Khánh        | Doanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 435 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Vũ Hồng            | Đức    |    | Hải Phòng             | 23   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 436 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Phạm Hoàng         | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 437 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Hồ Nhật     | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 438 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Bùi Hoàng          | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 439 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Phúc          | Hải    |    | Đà Nẵng               | 17   | 2     | 2002 | NHẤT |
| 440 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Hà Gia             | Hiền   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 441 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Lê Minh     | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 442 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Doãn Minh   | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 443 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lâm Đức            | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 444 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Chí Gia     | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 445 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Trung       | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 446 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Quỳnh       | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 447 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Bùi Minh    | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 448 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Phan Nhật          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 449 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Park Soo           | Jung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2002 | NHẤT |
| 450 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Bùi Quốc           | Khái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 451 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Đình Song   | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 452 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định              | Lâm Thụy           | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 453 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Cù Quốc Trọng      | Khiêm  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 454 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định              | Đặng Minh          | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 455 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Duy Đăng    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 456 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Minh        | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 457 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Phạm Minh          | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 458 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Minh            | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 459 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Minh          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 460 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Trung       | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 461 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Bùi Ngọc           | Linh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 462 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Phương      | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 463 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lâm Hoàng          | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 464 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Kinh        | Luân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 465 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Đặng Võ Anh        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 466 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Nhật            | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 467 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Đại         | Minh   |    | Hải Phòng             | 4    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 468 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Hoàng       | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 469 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Xuân Anh    | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 470 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Trần Khánh         | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 471 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Trương Phạm Phương | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 472 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Đặng Võ Bảo        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 473 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Như Ý       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 474 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Vũ Nguyễn Bảo      | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 475 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Ngọc Phúc   | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 476 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Võ Khôi     | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 477 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Hoàng Việt         | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 478 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nhan Hạo           | Nhiên  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2001 | NHẤT |
| 479 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Tôn Nữ Cẩm         | Nhiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 480 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Ngô Ngọc    | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 481 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định              | Huỳnh Gia          | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 482 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Đoàn Trần Thiên    | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 483 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Hoàng       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 484 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Đặng Yển           | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 485 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lê Lam             | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 486 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định              | Vũ Minh            | Phương |    | Lạng Sơn              | 29   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 487 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lê Hồng            | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 488 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lê Trần Minh       | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 489 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Phúc Minh   | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 490 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Dương Khánh        | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 491 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lưu Trần Phương    | Quỳnh  | X  | Lâm Đồng              | 3    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 492 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Trần Lê Phương     | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 493 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lê Huỳnh Mỹ        | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | NHẤT |

Trang 9

| STT | Môn thi            | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|--------------------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 494 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Tiến       | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 495 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Vương Đình Phúc   | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 496 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Ngọc Nam       | Thì    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 497 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Trần Anh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 498 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Gia Định                  | Lê Thị Thủy       | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 499 | Tiếng Anh chuyên   | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Nguyễn Khánh | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 500 | Tiếng Anh chuyên   | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Thị Quỳnh    | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 501 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Minh       | Triết  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 502 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Trần Cát   | Tường  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 503 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Trần Cát     | Tường  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 504 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đặng Phương       | Uyên   | X  | Đà Nẵng               | 6    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 505 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Ngô Hoàng         | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 506 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Hồ Khánh          | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 507 | Tiếng Anh chuyên   | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Hà Khánh     | Vy     | X  | Đồng Nai              | 24   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 508 | Tiếng Nhật         | THPT Trưng Vương               | Nguyễn Hoàng      | Liên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 509 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                | Nguyễn Lê Mai     | Linh   | X  | Hà Nội                | 6    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 510 | Tiếng Nhật         | THPT Trưng Vương               | Phạm Xuân         | Thu    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 511 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Từ Bửu            | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 512 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đoàn Minh         | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2002 | NHẤT |
| 513 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Thế Hồng   | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 514 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Duy        | Danh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 515 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Minh       | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 516 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đinh Lê Minh      | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 517 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phạm Duy          | Tùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 518 | Tiếng Trung        | THPT Trần Hữu Trang            | Văn Tề            | Dinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 519 | Tiếng Trung        | THPT Trần Hữu Trang            | Trần Văn          | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | NHẤT |
| 520 | Tiếng Trung        | THPT Hùng Vương                | Trần Bích         | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 521 | Tiếng Trung        | TH, THCS và THPT Văn Lang      | Đỗ Thúy           | Vân    | X  | Đài Loan              | 29   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 522 | Tiếng Trung chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Sú Thế            | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 523 | Tiếng Trung chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Tuyết       | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 524 | Tin học            | THPT Thủ Đức                   | Trần Thị Phương   | Thảo   | X  | Bình Dương            | 20   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 525 | Tin học            | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Hồng       | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 526 | Tin học            | THPT Nguyễn Khuyến             | Nguyễn Hoàng      | Khiêm  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 527 | Tin học            | THPT Nguyễn Hữu Cẩu            | Phạm Huỳnh Quý    | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 528 | Tin học            | THPT Nguyễn Hữu Cẩu            | Nguyễn Đức Nhật   | Tuân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 529 | Tin học            | THPT Trần Khai Nguyên          | Phương Hoàng      | Đại    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 530 | Tin học            | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Tạ Như            | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 531 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định                  | Nguyễn Trọng Gia  | Hưng   |    | Quảng Ngãi            | 25   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 532 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định                  | Nguyễn Đình Thiên | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 533 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định                  | Trần Bình         | Kha    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 534 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định                  | Trần Thanh        | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 535 | Tin học chuyên     | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Vũ Ngân        | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 536 | Tin học chuyên     | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Võ Đồng           | Vân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 537 | Toán               | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trịnh Huy         | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 538 | Toán               | THPT Phú Nhuận                 | Lê Đăng Phan      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 539 | Toán               | THPT An Dương Vương            | Huỳnh Lâm Anh     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 540 | Toán               | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Lưu Quang Hoàng   | Cương  | X  | Hà Nội                | 5    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 541 | Toán               | THPT An Lạc                    | Nguyễn Phát       | Đại    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 542 | Toán               | THCS và THPT Trí Đức           | Bùi Đức           | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 543 | Toán               | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Quốc       | Đạt    | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 27   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 544 | Toán               | THPT Bình Tân                  | Trần Thị Ngọc     | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 545 | Toán               | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Bùi Hoàng         | Hưng   |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 4    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 546 | Toán               | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Mai Nhật          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 547 | Toán               | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Quang      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 548 | Toán               | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Đặng Quốc  | Khánh  |    | Đồng Nai              | 29   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 549 | Toán               | THPT Tây Thạnh                 | Trần Nguyễn Đăng  | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 550 | Toán               | THPT Tân Bình                  | Nguyễn Quốc       | Lân    |    | Đắk Lắk               | 25   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 551 | Toán               | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Lê Nguyễn         | Minh   |    | Cà Mau                | 18   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 552 | Toán               | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Võ Hoàng          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 553 | Toán               | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Trọng      | Nhân   | X  | Cà Mau                | 1    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 554 | Toán               | THCS và THPT Trí Đức           | Nguyễn Minh       | Quân   |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 22   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 555 | Toán               | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Trần Nguyễn Mai   | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | NHẤT |

| STT | Môn thi     | Trường                         | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|-------------|--------------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 556 | Toán        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Đỗ Thái      | Son    |    | Bến Tre               | 7    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 557 | Toán        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Anh          | Tân    | X  | Quảng Trị             | 2    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 558 | Toán        | THPT Tây Thạnh                 | Lê Văn              | Tiến   |    | Quảng Nam             | 29   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 559 | Toán        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Vũ Nguyễn           | Trí    | X  | Bình Thuận            | 5    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 560 | Toán        | THPT Trần Phú                  | Trần Đức            | Trung  |    | Nam Định              | 18   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 561 | Toán        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Phạm Nhật Tuấn      | Việt   | X  | Đồng Nai              | 12   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 562 | Toán        | THPT Nguyễn Khuyến             | Trần Lê Minh        | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 563 | Toán        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Trương Thanh        | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 564 | Toán        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Trần Kim            | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 565 | Toán        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Mai Đăng Đức        | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | NHẤT |
| 566 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Quốc         | Đại    |    | Tiền Giang            | 13   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 567 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Tạ Gia              | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 568 | Toán        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lê Quốc             | Thịnh  |    | Đồng Nai              | 29   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 569 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Hữu     | Ẩn     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 570 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Đức Bảo      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 571 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Quang        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 572 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Thanh        | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 573 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Tạ Khánh            | Linh   | X  | Đồng Nai              | 16   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 574 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Hà Quang            | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 575 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Xuân         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 576 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Dương Bình          | Nguyễn | X  | Trà Vinh              | 14   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 577 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Thị Hồng            | Nhật   |    | Bến Tre               | 24   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 578 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Tấn          | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 579 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Cao Minh            | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 580 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Đình         | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 581 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Quang Thành      | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 582 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Lộc          | Thanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 583 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Chí              | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 584 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Thế          | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 585 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Hữu          | Thọ    |    | Thanh Hoá             | 10   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 586 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Huỳnh Diễm Trúc     | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 587 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Mai Nam             | Vũ     |    | Hà Tĩnh               | 9    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 588 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Diệp Minh           | Chí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 589 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trương Minh         | Đăng   |    | Đồng Nai              | 26   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 590 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lương Trần Công     | Danh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 591 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hoàng Tiến          | Đức    |    | Đắk Lắk               | 4    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 592 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Trịnh        | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 593 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Nhật           | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 594 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Trường           | Giang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 5     | 2003 | NHẤT |
| 595 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Trung            | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 596 | Vật lý      | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Nhật         | Tân    |    | Quảng Ngãi            | 12   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 597 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Mai Anh             | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 598 | Vật lý      | THPT Gia Định                  | Nguyễn Tuyết        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 599 | Vật lý      | THPT Thủ Đức                   | Trần Danh           | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 600 | Vật lý      | THPT An Dương Vương            | Nguyễn Huỳnh        | Đức    |    | Đồng Nai              | 9    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 601 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Lê Nhật             | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 602 | Vật lý      | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Lâm Gia      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | NHẤT |
| 603 | Vật lý      | THPT Gia Định                  | Chung Minh Gia      | Hy     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 604 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Trần Quang          | Khải   |    | Bình Dương            | 3    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 605 | Vật lý      | THPT An Dương Vương            | Trần Vũ             | Khải   |    | Đồng Nai              | 27   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 606 | Vật lý      | THPT Trần Hưng Đạo             | Lại Nguyễn Tuấn     | Khanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 607 | Vật lý      | THPT Gia Định                  | Vũ Ngọc Thiên       | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 608 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Nguyễn Hoàng Phương | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | NHẤT |
| 609 | Vật lý      | THPT Hoàng Hoa Thám            | Lâm Tấn             | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 610 | Vật lý      | THPT Võ Thị Sáu                | Nguyễn Hoàng        | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 611 | Vật lý      | THPT Gia Định                  | Nguyễn Đức Nhật     | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 612 | Vật lý      | THPT Phú Nhuận                 | Phạm Võ Quỳnh       | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 613 | Vật lý      | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Văn Hồng     | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 614 | Vật lý      | THCS và THPT Trí Đức           | Lê Văn              | Dương  |    | Đồng Nai              | 17   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 615 | Vật lý      | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Lê Quốc      | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 616 | Vật lý      | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Lê Gia              | Kiệt   | X  | Gia Lai               | 9    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 617 | Vật lý      | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Hà Thanh            | Loan   | X  | Gia Lai               | 28   | 4     | 2003 | NHẤT |

| STT | Môn thi       | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|---------------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 618 | Vật lý        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Võ Hoàng          | Phúc   | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 5    | 10    | 2003 | NHẤT |
| 619 | Vật lý        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Nguyễn Mạnh       | Quân   | X  | Nghe An               | 7    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 620 | Vật lý        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Nguyễn Song Minh  | Tâm    | X  | Lâm Đồng              | 24   | 4     | 2003 | NHẤT |
| 621 | Vật lý        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Thị Hoài   | Thanh  | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 22   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 622 | Vật lý        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Hồ Ngô Đăng       | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 623 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Bùi Quang Minh    | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 624 | Vật lý        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Châu Trường       | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 625 | Vật lý        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Thành      | Lợi    |    | Bình Định             | 3    | 12    | 2003 | NHẤT |
| 626 | Vật lý        | THPT Bình Phú                  | Đặng Hoàng        | Tiền   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | NHẤT |
| 627 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Phạm Trầm Phúc    | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 7     | 2003 | NHẤT |
| 628 | Vật lý        | THPT Võ Trường Toản            | Phạm Phú          | Lộc    |    | Bình Dương            | 23   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 629 | Vật lý        | THPT Võ Trường Toản            | Bùi Đức           | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 630 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Nguyễn Trọng      | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 631 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Phan Minh         | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 632 | Vật lý        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lâm Gia           | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 633 | Vật lý        | THPT Hùng Vương                | Lê Nguyễn Đăng    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 634 | Vật lý        | THPT Lương Thế Vinh            | Võ Như Hiếu       | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 635 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Mai Nguyễn Hoàng  | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 636 | Vật lý        | THPT Trần Khai Nguyên          | Phan Lương Minh   | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 4     | 2003 | NHẤT |
| 637 | Vật lý        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Nguyễn Anh   | Phước  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | NHẤT |
| 638 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Minh       | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 639 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn            | Thanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 640 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân              | Đinh Minh         | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 9     | 2003 | NHẤT |
| 641 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lý Trần Phước     | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 642 | Vật lý        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Vũ Nguyễn Lan     | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 643 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lê Quang Tường    | Bách   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 644 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đặng Thanh        | Bình   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHẤT |
| 645 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                  | Đoàn Quang        | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 646 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Phú        | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 3     | 2003 | NHẤT |
| 647 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lý Đăng           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHẤT |
| 648 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Đức        | Huy    |    | Bình Định             | 16   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 649 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Vũ Đăng    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 6     | 2003 | NHẤT |
| 650 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Ngọc Đăng    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 651 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Tuấn           | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHẤT |
| 652 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Là Thị Kiều       | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 10    | 2003 | NHẤT |
| 653 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Ngọc       | Nghiêm |    | Đồng Nai              | 4    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 654 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Thị Phương | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 7     | 2003 | NHẤT |
| 655 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Công           | Phước  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 656 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Anh          | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | NHẤT |
| 657 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Huỳnh Đình        | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 3     | 2003 | NHẤT |
| 658 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Hồ Nguyễn Kỳ      | Trung  |    | Đồng Nai              | 2    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 659 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Hoàng Quốc        | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | NHẤT |
| 660 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Phạm Lê           | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | NHẤT |
| 661 | Địa lý        | THPT Trần Hưng Đạo             | Đỗ Nguyễn Bảo     | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 662 | Địa lý        | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Minh       | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 663 | Địa lý        | THPT Tam Phú                   | Trần Mai          | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 664 | Địa lý        | THPT Hàn Thuyên                | Nguyễn Thị Hồng   | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 665 | Địa lý        | THPT Trần Văn Giàu             | Đinh Nguyễn Cát   | Tường  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 666 | Địa lý        | THPT Võ Thị Sáu                | Nguyễn Thị Mộng   | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 667 | Địa lý        | THPT Trần Văn Giàu             | Đặng Nguyễn Thu   | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 668 | Địa lý        | THPT Gia Định                  | Đặng Ngọc Hải     | Ấn     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 669 | Địa lý        | THPT Gò Vấp                    | Thái Nguyễn Sơn   | Ca     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 670 | Địa lý        | THPT Nguyễn Công Trứ           | Trương Nguyễn Ánh | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 671 | Địa lý        | THPT Hoàng Hoa Thám            | Huỳnh Ngọc Gia    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 672 | Địa lý        | THPT Hàn Thuyên                | Vũ Ngọc Phương    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 673 | Địa lý        | THPT Phú Nhuận                 | Vương Huỳnh Gia   | Hân    | X  | Bình Định             | 8    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 674 | Địa lý        | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Đăng         | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 675 | Địa lý        | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Như        | Huỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 676 | Địa lý        | THPT Phú Nhuận                 | Trịnh Gia         | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 677 | Địa lý        | THPT Trần Văn Giàu             | Dương Đào Ngọc    | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 678 | Địa lý        | THPT Phú Nhuận                 | Lê Quý Di         | Luân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 679 | Địa lý        | THPT Trần Hưng Đạo             | Trần Huy          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | NHÌ  |

| STT | Môn thi | Trường                     | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|---------|----------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 680 | Địa lý  | THPT Thủ Đức               | Ngô Bảo             | Ngân   | X  | Bình Dương            | 10   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 681 | Địa lý  | THPT Linh Trung            | Phạm Thị Bích       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 682 | Địa lý  | THPT Nguyễn Công Trứ       | Lê Đỗ Minh          | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 683 | Địa lý  | THPT Võ Thị Sáu            | Hoàng Khánh Bảo     | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 684 | Địa lý  | THPT Lê Trọng Tấn          | Nguyễn Phạm Thùy    | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 685 | Địa lý  | THPT Lê Trọng Tấn          | Lê Văn              | Hiệu   |    | Thừa Thiên - Huế      | 22   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 686 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Trần Thái Hoàng     | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 687 | Địa lý  | THPT Bình Hưng Hòa         | Hứa Nhã             | Linh   | X  | Long An               | 24   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 688 | Địa lý  | THPT An Lạc                | Phan Thị Huỳnh      | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 689 | Địa lý  | THPT Bình Tân              | Trần Thị Hồng       | Nhung  | X  | Quảng Ngãi            | 3    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 690 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức       | Nguyễn Gia          | Phú    |    | Gia Lai               | 14   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 691 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Nguyễn Thị Hồng     | Phúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 692 | Địa lý  | THPT Vĩnh Lộc              | Nguyễn Thị Thu      | Phương | X  | Hà Tây                | 15   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 693 | Địa lý  | THPT Trần Phú              | Nguyễn Thị Ngọc     | Quyên  | X  | Long An               | 24   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 694 | Địa lý  | THPT Lê Trọng Tấn          | Vũ Thị Thanh        | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 695 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Trần Hoàng          | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 696 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Lê Thị Hoàng        | Yến    | X  | Gia Lai               | 21   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 697 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Cánh       | Trương Tiểu         | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 698 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân          | Trần Thị Thu        | Hằng   | X  | Tiền Giang            | 15   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 699 | Địa lý  | THPT Bình Phú              | Nguyễn Minh         | Hiệp   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 700 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân          | Lê Thị Quỳnh        | Hương  | X  | Quảng Nam             | 27   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 701 | Địa lý  | THPT Tân Túc               | Trương Thanh        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 702 | Địa lý  | THPT Trần Quang Khải       | Trần Bửu            | Liên   | X  | Sóc Trăng             | 16   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 703 | Địa lý  | THPT Tạ Quang Bửu          | Lê Hồ Trúc          | Linh   | X  | Đồng Tháp             | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 704 | Địa lý  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa     | Lư Gia              | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 705 | Địa lý  | THPT Bình Chánh            | Hồng Trúc           | Loan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 706 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Huỳnh Lê Duy        | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 707 | Địa lý  | THPT Nguyễn Du             | Nguyễn Lê Thị Kim   | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 708 | Địa lý  | THPT Bình Phú              | Võ Thị BaO          | NgoC   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 709 | Địa lý  | THPT Nguyễn An Ninh        | La Thị Thanh        | Nhân   | X  | Đắk Lắk               | 12   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 710 | Địa lý  | THPT Bình Chánh            | Lê Phương           | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 711 | Địa lý  | THPT Bình Phú              | Nguyễn Trương Quỳnh | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 712 | Địa lý  | THPT Nguyễn An Ninh        | Trần Vũ Phước       | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 713 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Huỳnh Đoàn Thu      | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 714 | Địa lý  | THCS và THPT Diên Hồng     | Vũ Hoàng            | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 715 | Địa lý  | THPT Tạ Quang Bửu          | Lê Thị Minh         | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 716 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Tạ Ngọc Anh         | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 717 | Địa lý  | THPT Nguyễn Khuyến         | Nguyễn Hồng Phương  | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 718 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh       | Nguyễn Ngọc Bảo     | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 719 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh       | Huỳnh Ngọc          | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 720 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Lưu Trần Tường      | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 721 | Địa lý  | THPT Trần Quang Khải       | Dương Phạm Mì       | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 722 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân          | Phan Nguyễn Tường   | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 723 | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ            | Nguyễn Hoài Mỹ      | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 724 | Địa lý  | THPT Phước Long            | Phạm Thị Kim        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 725 | Địa lý  | THPT Lê Thánh Tôn          | Võ Minh             | Anh    | X  | Đồng Tháp             | 31   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 726 | Địa lý  | THPT Ngô Quyền             | Lê Thị Phương       | Diễm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 727 | Địa lý  | THPT Ngô Quyền             | Nguyễn Võ Hoàng     | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 728 | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ            | Lưu Nguyễn Thảo     | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 729 | Địa lý  | THCS và THPT Đinh Thiện Lý | Trần Thảo           | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 730 | Địa lý  | THPT Lê Thánh Tôn          | Tạ Lê Anh           | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 731 | Địa lý  | THPT Nam Sài Gòn           | Trần Hữu            | Phước  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 732 | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ            | Huỳnh Hồng          | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 733 | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ            | Hoàng Trung         | Thông  |    | Thái Bình             | 30   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 734 | Địa lý  | THPT Củ Chi                | Nguyễn Hồng         | Ánh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 735 | Địa lý  | THPT Trung Lập             | Nguyễn Trần Cát     | Cát    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 736 | Địa lý  | THPT Trung Phú             | Phan Cao PhươC      | Hiếu   |    | Quảng Nam             | 5    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 737 | Địa lý  | THPT Bà Điểm               | Nguyễn Thị Quỳnh    | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 738 | Địa lý  | THPT Võ Trường Toản        | Phạm Tuấn           | Kiệt   |    | Thanh Hoá             | 3    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 739 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Cánh       | Nguyễn Thị Ngọc     | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 740 | Địa lý  | THPT Bà Điểm               | Lê Kim              | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 741 | Địa lý  | THPT An Nhơn Tây           | Lê Thị Kim          | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 2     | 2003 | NHÌ  |

| STT | Môn thi | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|---------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 742 | Địa lý  | THPT Võ Trường Toản            | Đào Trần Trọng    | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 743 | Địa lý  | THPT Trung Phú                 | Nguyễn Diễm       | Phúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 744 | Địa lý  | THPT Lý Thường Kiệt            | Hoàng Trung       | Quang  |    | Tây Ninh              | 20   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 745 | Địa lý  | THPT Trung Phú                 | Đặng Thị          | Thom   | X  | Thanh Hoá             | 17   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 746 | Địa lý  | THPT Bà Điểm                   | Nguyễn Hoài       | Thương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 747 | Địa lý  | THPT Củ Chi                    | Nguyễn Ngọc       | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 748 | Địa lý  | THPT Trung Lập                 | Lương Thị         | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 749 | Địa lý  | THPT Phú Hòa                   | Hồ Thanh          | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 750 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Bùi Nguyễn Phúc   | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 751 | Địa lý  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Gia          | Tuấn   |    | Hải Phòng             | 25   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 752 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Hồ Nguyễn Nhã     | Yên    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 753 | Địa lý  | THPT Trưng Vương               | Nguyễn Ngọc Hiền  | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 754 | Địa lý  | Song ngữ Quốc tế Horizon       | Phan Huỳnh Như    | Ý      | X  | Bến Tre               | 30   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 755 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Trần Hoàng        | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 756 | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Bùi Thị Hoài      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 757 | Địa lý  | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Ngọc Minh  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 758 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thị Diệu           | Tô Hoàng Ngọc     | Bích   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 759 | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Lâm Thị Kim       | Cương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 760 | Địa lý  | THPT Lương Thế Vinh            | Trần Khánh        | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 761 | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Tô Quốc           | Kiện   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 762 | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Tạ Kim            | Lệ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 763 | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên          | Trần Kiến         | Lương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 764 | Địa lý  | THPT Bùi Thị Xuân              | Trương Gia        | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 765 | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn                | Bùi Tuấn          | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 766 | Địa lý  | THPT Hùng Vương                | Hà Minh           | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 767 | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Thị Diệu       | Oanh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 768 | Địa lý  | THPT Giồng Ông Tố              | Võ Quang          | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 769 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thị Diệu           | Trần Thế          | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 770 | Địa lý  | THPT Marie Curie               | Trần Ngọc Mai     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 771 | Địa lý  | THPT Ten Lơ Man                | Hồng Ngọc Lệ      | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 772 | Địa lý  | THPT Lương Thế Vinh            | Vũ Trần Yến       | Thơ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 773 | Hóa học | THPT An Dương Vương            | Nguyễn Thị Quỳnh  | An     | X  | Đồng Nai              | 3    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 774 | Hóa học | THPT Trần Hưng Đạo             | Lê Công           | Chức   |    | Bình Định             | 7    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 775 | Hóa học | THPT Thủ Đức                   | Trịnh Mạnh        | Cường  |    | Nam Định              | 8    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 776 | Hóa học | THPT Phú Nhuận                 | Huỳnh Phạm Thành  | Danh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 777 | Hóa học | THCS và THPT Phạm Ngũ Lão      | Nguyễn Việt       | Hoàng  |    | Hà Nội                | 3    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 778 | Hóa học | THPT An Dương Vương            | Đào Đức           | Huy    |    | Tiền Giang            | 18   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 779 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ           | Nguyễn Trung      | Kha    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 780 | Hóa học | THPT Gia Định                  | Nguyễn Việt       | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 781 | Hóa học | THPT Gia Định                  | Nguyễn Lê Ngọc    | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 782 | Hóa học | THPT Tam Phú                   | Võ Thị            | Nhân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 783 | Hóa học | THPT An Dương Vương            | Nguyễn Nhân       | Tài    |    | Đồng Nai              | 25   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 784 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Ngô Đức      | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 785 | Hóa học | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Thanh Nhã  | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 786 | Hóa học | THPT Tam Phú                   | Lưu Huyền         | Trâm   | X  | Bình Dương            | 24   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 787 | Hóa học | THPT Phú Nhuận                 | Đỗ Hữu            | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 788 | Hóa học | THPT Gia Định                  | Lâm Nguyễn Phương | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 789 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phạm Lý Cát       | Tường  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 790 | Hóa học | THCS và THPT Trí Đức           | Đoàn Quốc         | Bảo    |    | Tiền Giang            | 21   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 791 | Hóa học | THPT Trần Phú                  | Trần Đình Thanh   | Bình   |    | Thừa Thiên - Huế      | 18   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 792 | Hóa học | THPT An Lạc                    | Võ Chí            | Cường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 793 | Hóa học | THPT Trần Phú                  | Đỗ Đặng Thành     | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 794 | Hóa học | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Phùng Hải         | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 795 | Hóa học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Võ Thùy           | Duyên  | X  | Quảng Nam             | 1    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 796 | Hóa học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Phạm Ngọc Minh    | Hằng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 797 | Hóa học | THCS và THPT Trí Đức           | Nguyễn Thị Trà    | My     | X  | Liên Bang Nga         | 21   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 798 | Hóa học | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Hồ Đình           | Nguyên | X  | Đắk Lắk               | 23   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 799 | Hóa học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Võ Thiện          | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 800 | Hóa học | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Lê Ngọc Khánh     | Nhi    | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 25   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 801 | Hóa học | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Vương Thảo   | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 802 | Hóa học | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Nguyễn Ngọc       | Quý    | X  | Đồng Nai              | 13   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 803 | Hóa học | THPT Tân Bình                  | Võ Minh           | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | NHÌ  |

| STT | Môn thi        | Trường                          | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------------|---------------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 804 | Hóa học        | THPT An Lạc                     | Đinh Lê Minh        | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 805 | Hóa học        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông  | Nguyễn Quốc         | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 806 | Hóa học        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến      | Đào Công            | Toàn   | X  | Đồng Nai              | 12   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 807 | Hóa học        | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Phan Bình Minh      | Đại    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 808 | Hóa học        | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký | Nguyễn Hữu          | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 809 | Hóa học        | THPT Nguyễn Khuyến              | Nguyễn Minh         | Hoàng  |    | Lâm Đồng              | 10   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 810 | Hóa học        | THPT Nguyễn Khuyến              | Phạm Ngọc           | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 811 | Hóa học        | THPT Võ Văn Kiệt                | Trần Huỳnh          | Long   |    | Vĩnh Long             | 2    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 812 | Hóa học        | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Lạc Thiệu           | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 813 | Hóa học        | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Hồ Thái Anh         | Thi    | X  | Thái Lan              | 9    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 814 | Hóa học        | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Trần Gia            | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 815 | Hóa học        | THPT Bình Chánh                 | Thái Hồng Thủy      | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 816 | Hóa học        | THPT Võ Văn Kiệt                | Ngô Văn             | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 817 | Hóa học        | THPT Ngô Quyền                  | Nguyễn Vĩnh         | Nghi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 818 | Hóa học        | THPT Ngô Quyền                  | Nguyễn Anh          | Quỳnh  | X  | Bình Phước            | 8    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 819 | Hóa học        | THPT An Nghĩa                   | Hồ Minh Trường      | Thọ    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 820 | Hóa học        | THPT Củ Chi                     | Nguyễn Huỳnh Phương | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 821 | Hóa học        | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Thành        | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 822 | Hóa học        | THPT Quang Trung                | Nguyễn Khương       | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 823 | Hóa học        | THPT Bà Điểm                    | Phan Thị Bích       | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 824 | Hóa học        | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Trần Trung   | Hậu    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 825 | Hóa học        | THPT Võ Trường Toản             | Phạm Thế            | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 826 | Hóa học        | THPT An Nhơn Tây                | Hà Minh             | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 827 | Hóa học        | THPT Tân Thông Hội              | Phạm Quốc           | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 828 | Hóa học        | THPT Củ Chi                     | Tô Quỳnh            | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 829 | Hóa học        | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Thị Ngọc     | Nhung  | X  | Bình Dương            | 30   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 830 | Hóa học        | THPT Củ Chi                     | Nguyễn Lê Tấn       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 831 | Hóa học        | THPT Bà Điểm                    | Nguyễn Trọng        | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 832 | Hóa học        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Vũ Minh             | Triết  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 833 | Hóa học        | THPT Trường Chinh               | Phạm Thị Thanh      | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 834 | Hóa học        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Đào Thái            | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 835 | Hóa học        | THPT Việt Âu                    | Nguyễn Thành Trung  | Tuyến  |    | Kiên Giang            | 7    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 836 | Hóa học        | THPT Bà Điểm                    | Ngô Trần Bảo        | Việt   |    | Bình Định             | 17   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 837 | Hóa học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Ngô Nguyễn Thiên    | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 838 | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân               | Lê Minh             | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 839 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Lê Đức              | Cường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 840 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Mai Quang           | Định   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 841 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Lưu Thị Mỹ          | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 842 | Hóa học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Võ Đức Hồng         | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 843 | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân               | Hồ Quang            | Hào    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 844 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Lê Ngọc             | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 845 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Phạm Thanh          | Hòa    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 846 | Hóa học        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Hồ Nguyễn Đức       | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 847 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Ngô Duy             | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 848 | Hóa học        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Võ Trần Minh        | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 849 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Khánh        | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 850 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Huỳnh Gia Cát       | Lượng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 851 | Hóa học        | THPT Trưng Vương                | Nguyễn Khắc         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 852 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Cao Thạch           | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 853 | Hóa học        | THPT Trưng Vương                | Đặng Đức            | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 854 | Hóa học        | THPT Trưng Vương                | Trần Minh           | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 855 | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân               | Lê Thảo             | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 856 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Nguyễn Đông Phương  | Nhu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 857 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Vương Quốc          | Phong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 858 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Lê Nguyễn Minh      | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 859 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Nguyễn Nhật         | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 860 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên           | Hà Kiến             | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 861 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Hồ Quỳnh     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 862 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Trọng        | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 863 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Phạm Nguyễn Tuấn    | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 864 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Phan Hoàng          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 865 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Phan Ngọc Quỳnh     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | NHÌ  |

| STT | Môn thi        | Trường                     | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------------|----------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 866 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Vũ Quỳnh           | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 867 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Bùi Việt           | Bách   |    | Hà Nội                | 16   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 868 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Vũ Xuân     | Bách   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 869 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Nguyễn Thái        | Bình   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 870 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Phan Thái          | Bình   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 871 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Võ Thị Ngọc        | Bình   | X  | Quảng Ngãi            | 6    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 872 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Cao Thuận          | Cát    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 873 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Dương Quang        | Chí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 874 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Phạm Tiến          | Công   |    | Bình Dương            | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 875 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Đậu Nguyễn         | Cường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 876 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Nguyễn Thành  | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 877 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Công        | Đức    |    | Thừa Thiên - Huế      | 12   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 878 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Phan Trí    | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 879 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Vương Kiến         | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 880 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Thái Ngọc Mỹ       | Dung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 881 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Lê Hải      | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 882 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Hoàng Phan Minh    | Dưỡng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 883 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Thị Hương   | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 884 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Dư Phạm Gia        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 885 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Phương Bích        | Hằng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 886 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Trọng       | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 887 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Lê Nguyễn Nhật     | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 888 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lê Quốc            | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 889 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Ngô Quang          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 890 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Đức         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 891 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Ngọc Ngân   | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 892 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Minh            | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 893 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Lê Đình     | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 894 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Phan Hoàng         | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 895 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Đặng Trung         | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 896 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Thanh       | Kỷ     |    | Bình Định             | 13   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 897 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Thanh         | Lan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 898 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Hồ Nguyễn Bảo      | Lân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 899 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Mai Khánh   | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 900 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Phan Lâm Vĩnh      | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 901 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Hoàng           | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 902 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Quách Thụy Hải     | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 903 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Lâm Kỳ             | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 904 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Phạm Kim    | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 905 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Trần Nguyễn Thanh  | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 906 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Nguyễn Đăng Hoàng  | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 907 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Thảo        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 908 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Trần Ánh           | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 909 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Lê Vĩnh     | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 910 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Vũ Thảo     | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 911 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Trương Hoàng Yến   | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 912 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lê Bá              | Phong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 913 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Lý Vĩ              | Phong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 914 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Hồ Hồng            | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 915 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Phan Minh   | Quân   |    | Đồng Nai              | 24   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 916 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Trần Nguyễn Minh   | Quân   |    | Phú Yên               | 1    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 917 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Phan Ngô Minh      | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 918 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Ngọc Trúc   | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 919 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Phan Thanh         | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 920 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Bùi Quang          | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 921 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Bùi Xuân           | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 922 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Võ An       | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 923 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Trần Kinh          | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 924 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Dương Thanh | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 925 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Trương Sanh Gia    | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 926 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Huỳnh Lê Ngọc      | Thông  |    | Quảng Ngãi            | 24   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 927 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Ngô Gia            | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | NHÌ  |

| STT | Môn thi        | Trường                       | Họ                 | Tên   | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|-----|----------------|------------------------------|--------------------|-------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 928 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền      | Nguyễn Tiến        | Toàn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 929 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi            | Dương Ngọc         | Trà   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 930 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong    | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trâm  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 931 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân         | Vũ Ngọc Bảo        | Trâm  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 932 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa   | Nguyễn Đức         | Trọng |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 933 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân         | Hoàng Anh          | Trúc  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 934 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                | Bùi Ngọc           | Tú    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 935 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                | Nguyễn Thị Phương  | Tuyền | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 936 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong    | Lý Mỹ              | Uyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 937 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong    | Nguyễn Nho Châu    | Uyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 938 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa   | Trần Khả           | Vi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 939 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền      | Trần Thế           | Vinh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 940 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong    | Võ Nguyễn Chí Hùng | Vinh  |    | Phủ Yên               | 3    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 941 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong    | Nguyễn Trần Thuý   | Vy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 942 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi            | Trần Ngọc Yến      | Vy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 943 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ         | Ngô Vũ Ngọc        | Ánh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 944 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ         | Nguyễn Phạm Phương | Chi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 945 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu           | Cao Nguyễn Hạnh    | Dung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 946 | Lịch sử        | THPT Tam Phú                 | Lưu Trí            | Dũng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 947 | Lịch sử        | THPT Trần Hưng Đạo           | Huỳnh              | Giang | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 948 | Lịch sử        | THPT Võ Thị Sáu              | Bùi Ngọc           | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 949 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ         | Trần Gia           | Hân   | X  | Thanh Hoá             | 26   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 950 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu           | Trương Vũ Quang    | Huy   |    | Hà Nội                | 27   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 951 | Lịch sử        | THPT Gò Vấp                  | Lê Ngọc Phương     | Huyền | X  | Hà Nội                | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 952 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu           | Nguyễn Khánh       | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 953 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức                 | Đinh Phạm Tấn      | Lộc   |    | Bến Tre               | 25   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 954 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức                 | Nguyễn Trần Phương | Mai   | X  | Long An               | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 955 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu           | Lê Thanh           | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 956 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ         | Phạm Trang         | Nhung | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 957 | Lịch sử        | THPT Phú Nhuận               | Đỗ Ngọc Hoàng      | Oanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 958 | Lịch sử        | THPT Trần Hưng Đạo           | Châu Kim           | Phụng | X  | Tiền Giang            | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 959 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức                 | Trần Minh          | Quang |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 960 | Lịch sử        | THPT Linh Trung              | Nguyễn Thị Diễm    | Quỳnh | X  | Đồng Nai              | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 961 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức                 | Dương Minh         | Thanh |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 962 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức                 | Ngô Duy            | Thịnh |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 963 | Lịch sử        | THPT Thủ Đức                 | Nguyễn Anh         | Thư   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 964 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu           | Trương Đình        | Thuật |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 965 | Lịch sử        | THPT Gia Định                | Nguyễn Đoàn Mai    | Thy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 966 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân         | Nguyễn Trần Anh    | Thy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 967 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ         | Ngô Linh           | Trà   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 968 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu           | Phạm Thu           | Trang | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 969 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ         | Võ Thị Minh        | Trang | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 970 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân         | Trần Nguyễn Phương | Trình | X  | Ninh Thuận            | 27   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 971 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Trung Trực       | Hoàng Minh         | Tuấn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 972 | Lịch sử        | THPT Tân Bình                | Nguyễn Cẩm         | Tâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2002 | NHÌ  |
| 973 | Lịch sử        | THCS và THPT Đinh Tiên Hoàng | Huỳnh Thạch        | Thảo  | X  | Tây Ninh              | 6    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 974 | Lịch sử        | THCS và THPT Trần Cao Vân    | Trần Quang         | Tiến  |    | Quảng Ngãi            | 23   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 975 | Lịch sử        | THPT Bình Hưng Hòa           | Nguyễn Hữu         | Trí   |    | Đồng Tháp             | 13   | 1     | 2002 | NHÌ  |
| 976 | Lịch sử        | THCS và THPT Trí Đức         | Nguyễn Lê Hoàng    | Triều |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 977 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Cánh         | Nguyễn Thị Cẩm     | Tú    | X  | Đồng Tháp             | 31   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 978 | Lịch sử        | THCS và THPT Trí Đức         | Lê Hoài            | Bảo   |    | Cà Mau                | 11   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 979 | Lịch sử        | THPT An Lạc                  | Nguyễn Thành       | Đạt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 980 | Lịch sử        | THPT Lê Trọng Tấn            | Võ Tuấn            | Dũng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 981 | Lịch sử        | THPT Bình Tân                | Lê Nguyễn Ngọc     | Duyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 982 | Lịch sử        | THPT Tân Bình                | Trần Kim           | Hoàng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 983 | Lịch sử        | THCS và THPT Thái Bình       | Hà Gia             | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 984 | Lịch sử        | THPT Trần Phú                | Huỳnh Ngô Văn      | Kiệt  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 985 | Lịch sử        | THPT Tây Thạnh               | Huỳnh Ngọc Phương  | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 986 | Lịch sử        | THPT Tây Thạnh               | Lê Thị Ngọc        | Mai   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 987 | Lịch sử        | THPT Bình Hưng Hòa           | Tổng Thị Thúy      | Ngân  | X  | An Giang              | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 988 | Lịch sử        | THPT Trần Phú                | Võ Kim             | Ngọc  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 989 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Cánh         | Đặng Thị Tuyết     | Nhi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi | Trường                          | Họ                    | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|---------------------------------|-----------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 990  | Lịch sử | THPT Tạ Quang Bửu               | Thị Ngọc              | Ái     | X  | Kiên Giang            | 24   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 991  | Lịch sử | THPT Nguyễn Khuyến              | Quan Trang            | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 992  | Lịch sử | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Vương Bích            | Dung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 993  | Lịch sử | THPT Bình Phú                   | Phan Vy               | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 994  | Lịch sử | THPT Trần Quang Khải            | Mai Nguyễn Như        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 995  | Lịch sử | THPT Bình Phú                   | Trần Nguyễn Bảo       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 996  | Lịch sử | THPT Võ Văn Kiệt                | Nguyễn Thị Kim        | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 997  | Lịch sử | THPT Lê Minh Xuân               | Hồ Xuân               | Phượng | X  | An Giang              | 23   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 998  | Lịch sử | THPT Nguyễn Tất Thành           | Trương Phương         | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 999  | Lịch sử | THPT Nguyễn Hiền                | Nguyễn Thị Thanh      | Thảo   | X  | Nam Định              | 27   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1000 | Lịch sử | THPT Nguyễn Văn Linh            | Nguyễn Đỗ Đức         | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1001 | Lịch sử | THPT Bình Chánh                 | Đoàn Minh             | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1002 | Lịch sử | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Thị Huyền      | Trần   | X  | Tiền Giang            | 29   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1003 | Lịch sử | THPT Nguyễn Du                  | Trần Minh             | Trí    |    | An Giang              | 17   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1004 | Lịch sử | THPT Nguyễn Du                  | Phạm Diệp Quang       | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2002 | NHÌ  |
| 1005 | Lịch sử | THCS và THPT Đức Trí            | Trần Xuân             | Anh    | X  | Ninh Bình             | 1    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1006 | Lịch sử | THPT Long Trường                | Nguyễn Ngọc Thảo      | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1007 | Lịch sử | THPT Bình Khánh                 | Ngô Thị Kim           | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1008 | Lịch sử | THPT Nam Sài Gòn                | Nguyễn Hải            | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1009 | Lịch sử | THPT Ngô Quyền                  | Võ Ngọc Hoài          | Phượng | X  | Bến Tre               | 29   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1010 | Lịch sử | THPT Cần Thạnh                  | Nguyễn Thị Minh       | Thư    | X  | Bến Tre               | 17   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1011 | Lịch sử | THPT Ngô Quyền                  | Trần Thị Bích         | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1012 | Lịch sử | THPT Cần Thạnh                  | Nguyễn Xuân           | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1013 | Lịch sử | THPT Bà Điểm                    | La Thị Ngọc           | Kiều   | X  | Tiền Giang            | 14   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1014 | Lịch sử | THPT Bà Điểm                    | Ngô Hoàng             | Lam    | X  | Thừa Thiên - Huế      | 26   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1015 | Lịch sử | THPT Võ Trường Toản             | Hoàng Thị Khánh       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1016 | Lịch sử | THPT Võ Trường Toản             | Vũ Mai Khánh          | Linh   | X  | Hà Tây                | 11   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1017 | Lịch sử | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Thị Thảo       | Ly     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1018 | Lịch sử | THPT Bà Điểm                    | Nguyễn Thị            | Oanh   | X  | Bình Thuận            | 11   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1019 | Lịch sử | THPT Trung Phú                  | Hồ Ngọc               | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1020 | Lịch sử | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Phạm Thanh     | Thảo   | X  | Bình Dương            | 13   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1021 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Vũ Minh               | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1022 | Lịch sử | THPT Bà Điểm                    | Trần Nguyễn Khả       | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1023 | Lịch sử | THPT Trung Phú                  | Lê Hồ Như             | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1024 | Lịch sử | THPT Giồng Ông Tố               | Nguyễn Thị Thùy       | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1025 | Lịch sử | Trung học thực hành Sài Gòn     | Hoàng Huỳnh Phương    | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1026 | Lịch sử | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Phạm Ngọc Minh        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1027 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên           | Trịnh Dương Văn       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1028 | Lịch sử | THPT Hùng Vương                 | Trần Quốc             | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1029 | Lịch sử | THPT Marie Curie                | Tân Diệp              | Bình   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1030 | Lịch sử | THPT Hùng Vương                 | Tăng Khiết            | Dinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1031 | Lịch sử | THPT Ten Lơ Man                 | Trương Thanh          | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1032 | Lịch sử | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Steven Alex Yeo Jiang | Jiang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1033 | Lịch sử | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Nguyễn Minh           | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1034 | Lịch sử | THPT Lê Quý Đôn                 | Tô Tuấn               | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1035 | Lịch sử | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Ngô Ngọc Thiên        | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1036 | Lịch sử | THPT Marie Curie                | Dương Phạm Hoàng      | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1037 | Lịch sử | THPT Marie Curie                | Đỗ Phương             | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1038 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên           | Trịnh Bích            | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1039 | Lịch sử | THPT Bùi Thị Xuân               | Nguyễn Lê Hồng        | Nhật   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1040 | Lịch sử | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Trần Ngọc             | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1041 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên           | Phùng Thanh           | Phước  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2001 | NHÌ  |
| 1042 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu              | Tô Đình Thiển         | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1043 | Ngữ văn | THPT An Dương Vương             | Nguyễn Ngọc           | Anh    | X  | Đồng Nai              | 1    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1044 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu              | Nguyễn Ngọc Văn       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1045 | Ngữ văn | THPT Gia Định                   | Phan Vũ Hương         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1046 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức                    | Trần Lê Phương        | Anh    | X  | Hà Nội                | 30   | 3     | 2002 | NHÌ  |
| 1047 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ            | Trương Ngọc Trâm      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1048 | Ngữ văn | THPT Đào Sơn Tây                | Vũ Minh               | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1049 | Ngữ văn | THPT Hoàng Hoa Thám             | Phạm Mai              | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1050 | Ngữ văn | THPT Tam Phú                    | Trần Thùy             | Giang  | X  | Bình Dương            | 29   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1051 | Ngữ văn | THPT Gia Định                   | Trần Bảo              | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi | Trường                          | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|---------------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1052 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu              | Võ Thị Thúy         | Hằng   | X  | Quảng Ngãi            | 6    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1053 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu                 | Nguyễn Thị Diệu     | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1054 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Trung Trực          | Nguyễn Thị Thu      | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1055 | Ngữ văn | THPT Gia Định                   | Nguyễn Lý Quỳnh     | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1056 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức                    | Mai Tuấn            | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1057 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Anh       | Đinh Thị Phương     | Linh   | X  | Nam Định              | 29   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1058 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu                 | Phùng Diệu          | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1059 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu              | Trần Nguyễn Ái      | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1060 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận                  | Nguyễn Hoàng Thiên  | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1061 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận                  | Trương Bảo Quỳnh    | Như    | X  | Quảng Ngãi            | 13   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1062 | Ngữ văn | THPT Tam Phú                    | Mai Diễm            | Quân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1063 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu                 | Nguyễn Phương       | Trà    | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 14   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1064 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Thị Xuân     | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1065 | Ngữ văn | THPT Thanh Đa                   | Trần Thị Thuý       | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1066 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu                 | Bùi Công            | Trường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1067 | Ngữ văn | THPT Đào Sơn Tây                | Ngô Hoàng Khả       | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1068 | Ngữ văn | THPT An Dương Vương             | Huỳnh Thanh         | Tùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1069 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận                  | Dương Thị Thanh     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1070 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu                 | Trần Huyền          | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1071 | Ngữ văn | THCS và THPT Thái Bình          | Nguyễn Hoàng Phương | An     | X  | Đồng Nai              | 3    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1072 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                   | Trần Thủy           | An     | X  | Đắk Lắk               | 24   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1073 | Ngữ văn | THPT Lê Trọng Tấn               | Hồ Mỹ               | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1074 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                   | Lê Ngọc Phương      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1075 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Lê Tuyết            | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1076 | Ngữ văn | THCS và THPT Ngôi Sao           | Nguyễn Ngọc Như     | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1077 | Ngữ văn | THPT Trần Phú                   | Phan Võ Diệp        | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1078 | Ngữ văn | THPT An Lạc                     | Đỗ Thanh Bảo        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1079 | Ngữ văn | THPT Bình Tân                   | Nguyễn Thị          | Ngọc   | X  | Bắc Ninh              | 12   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1080 | Ngữ văn | THPT Trần Phú                   | Lê Đình             | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1081 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thái Bình           | Dương An            | Nhiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1082 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                   | Nguyễn Thị Quỳnh    | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1083 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh                  | Trương Phan Quế     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1084 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                   | Nguyễn Đỗ Trúc      | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1085 | Ngữ văn | THPT Nhân Việt                  | Thái Thanh          | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1086 | Ngữ văn | THPT Lê Trọng Tấn               | Phạm Nguyễn Văn     | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1087 | Ngữ văn | THPT An Lạc                     | Nguyễn Bình Loan    | Thuy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1088 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                   | Nguyễn Trần Huyền   | Trần   | X  | Lâm Đồng              | 5    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1089 | Ngữ văn | THCS và THPT Hồng Đức           | Phạm Thị Bảo        | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1090 | Ngữ văn | THCS và THPT Trí Đức            | Đặng Thị Thu        | Trang  | X  | Tiền Giang            | 6    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1091 | Ngữ văn | THPT An Lạc                     | Huỳnh Thanh         | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1092 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cánh            | Nguyễn Thị Kim      | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1093 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Trần Thị Hà         | Uyên   | X  | Đà Nẵng               | 2    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1094 | Ngữ văn | THPT Trần Phú                   | Bùi Lệ              | Vi     | X  | Quảng Ngãi            | 19   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1095 | Ngữ văn | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Phương Hồng  | Ân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1096 | Ngữ văn | THPT Tân Túc                    | Đào Trần Mai        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1097 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt                | Vũ Phan Thủy        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1098 | Ngữ văn | THPT Bình Chánh                 | Lê Phương           | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1099 | Ngữ văn | THPT Bình Phú                   | Phùng Sói           | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1100 | Ngữ văn | THPT Đa Phước                   | Nguyễn Ngọc         | Hân    | X  | Long An               | 20   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1101 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt                | Võ Huỳnh Gia        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1102 | Ngữ văn | THPT Trần Quang Khải            | Nguyễn Trần Nguyên  | Hạnh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1103 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký | Huỳnh Quốc          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1104 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Du                  | Nguyễn Đình Quốc    | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1105 | Ngữ văn | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Thiếu Gia           | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1106 | Ngữ văn | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Huỳnh Thị Ánh       | Nguyệt | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1107 | Ngữ văn | THPT Vĩnh Lộc B                 | Trần Thị Thu        | Phương | X  | Bắc Ninh              | 5    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1108 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Du                  | Nguyễn Ngọc Đan     | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1109 | Ngữ văn | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Bùi Lê Thủy         | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1110 | Ngữ văn | THPT Đa Phước                   | Đoàn Ngọc Huyền     | Trâm   | X  | Long An               | 17   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1111 | Ngữ văn | THPT Tạ Quang Bửu               | Phạm Thị Tường      | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1112 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Tất Thành           | Nguyễn Trương Thanh | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1113 | Ngữ văn | THPT Bình Phú                   | Ngô Phi             | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 9     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi        | Trường                          | Họ                   | Tên      | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|---------------------------------|----------------------|----------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1114 | Ngữ văn        | THPT Bình Khánh                 | Hồ Mỹ                | Dung     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1115 | Ngữ văn        | THPT Ngô Quyền                  | Nguyễn Hữu Minh      | Hiếu     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1116 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Huệ                 | Bùi Nguyễn Minh      | Lợi      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1117 | Ngữ văn        | THPT An Nghĩa                   | Huỳnh Nguyễn Thị Trà | My       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1118 | Ngữ văn        | THCS và THPT Đinh Thiện Lý      | Lục Phạm Bảo         | Nhi      | X  | Bình Định             | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1119 | Ngữ văn        | THPT Ngô Quyền                  | Phan Thanh           | Thảo     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1120 | Ngữ văn        | THPT Bình Khánh                 | Hoàng Ngọc Khánh     | An       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1121 | Ngữ văn        | THPT Phạm Văn Sáng              | Nguyễn Minh          | An       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1122 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Thị Lan       | Anh      | X  | Vĩnh Phúc             | 25   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1123 | Ngữ văn        | THPT Võ Trường Toản             | Trần Thị Quỳnh       | Anh      | X  | Vĩnh Phúc             | 9    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1124 | Ngữ văn        | THPT Phú Hòa                    | Nguyễn Xuân          | Đào      | X  | Bình Dương            | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1125 | Ngữ văn        | THPT Bà Điểm                    | Lê Mạnh              | Duy      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1126 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Hữu Tiến            | Bùi Thị Ngọc         | Huyền    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1127 | Ngữ văn        | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Quỳnh Ánh     | Linh     | X  | Bình Dương            | 8    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1128 | Ngữ văn        | THPT Lý Thường Kiệt             | Trần Thị Nhã         | Linh     | X  | Phú yên               | 25   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1129 | Ngữ văn        | THPT Võ Trường Toản             | Đỗ Ngọc Li           | Ly       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1130 | Ngữ văn        | THPT Trung Phú                  | Nguyễn               | Minh Anh | X  | Thanh Hoá             | 2    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1131 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Võ Thị Yến           | Nhi      | X  | Thanh Hoá             | 24   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1132 | Ngữ văn        | THPT Cù Chi                     | Lý Vũ Hoàng          | Phượng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1133 | Ngữ văn        | THPT An Nhơn Tây                | Trần Thị Mai Đình    | Quý      | X  | Đồng Nai              | 27   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1134 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie                | Hoàng Thị Vân        | Anh      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1135 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Huỳnh Ngọc Phương    | Anh      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1136 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie                | Lê Ngọc              | Anh      | X  | Hải Phòng             | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1137 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie                | Nguyễn Đào Thục      | Anh      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1138 | Ngữ văn        | THPT Lê Quý Đôn                 | Nguyễn Ngọc Minh     | Châu     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1139 | Ngữ văn        | THPT Lê Quý Đôn                 | Nguyễn Thụy Kiều     | Giang    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1140 | Ngữ văn        | THPT Lương Thế Vinh             | Đỗ Ngọc              | Minh     | X  | Nam Định              | 7    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1141 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên           | Ngô Kim              | Ngân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1142 | Ngữ văn        | THPT Ten Lơ Man                 | Nguyễn Đỗ Tuyết      | Ngân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1143 | Ngữ văn        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Nguyễn Song Uyên     | Nhi      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1144 | Ngữ văn        | THPT Hùng Vương                 | Nguyễn Trần Như      | Quỳnh    | X  | Phú Yên               | 16   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1145 | Ngữ văn        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Trần Thị Ngọc        | Quỳnh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1146 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Huỳnh Lê Kim         | Thanh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1147 | Ngữ văn        | THPT Lê Quý Đôn                 | Nguyễn Thanh         | Thảo     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1148 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Trần Diễm            | Trang    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1149 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên           | Lê Ngọc Thanh        | Vân      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1150 | Ngữ văn        | THPT Trần Khai Nguyên           | Lương Phụng          | Vân      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1151 | Ngữ văn        | THPT Lương Thế Vinh             | Bùi Mai              | Vy       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1152 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Cao Hoài Yến         | Vy       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1153 | Ngữ văn        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Tổng Thiện           | Yên      | X  | Thừa Thiên - Huế      | 31   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1154 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Đỗ Ngọc Trâm         | Anh      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1155 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Nguyễn Lê Hoàn       | Mỹ       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1156 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                   | Hồ Nguyễn Kim        | Ngân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1157 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Lê Thái              | Ngân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1158 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Lê Phương     | Nghi     | X  | Khánh Hòa             | 30   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1159 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Nguyễn Hồ Ánh        | Ngọc     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1160 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Dương Bảo            | Nhi      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1161 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Phương Quỳnh  | Nhi      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1162 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                   | Đỗ Phạm Khánh        | Như      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1163 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Ngô Văn Hồng         | Phương   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1164 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Nguyễn Minh          | Phương   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1165 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                   | Nguyễn Thảo Uyên     | Phương   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1166 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phạm Nguyễn Gia      | Quỳnh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1167 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Phạm Như      | Quỳnh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1168 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Huỳnh Minh           | Tài      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1169 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                   | Nguyễn Lan           | Thanh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1170 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Thu           | Thảo     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2002 | NHÌ  |
| 1171 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phan Ngọc Minh       | Thư      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1172 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Hàng Bảo             | Trân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1173 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Võ Ngọc       | Trân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1174 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Đặng Nữ Huyền        | Trang    | X  | Bình Định             | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1175 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Ngô Huỳnh Thanh      | Trang    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi        | Trường                         | Họ                | Tên   | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|--------------------------------|-------------------|-------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1176 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Thị Kiều   | Trang | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1177 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Hữu Minh   | Trí   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1178 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trương Mỹ         | Uyên  | X  | Quảng Nam             | 24   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1179 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Ngô Tường         | Vi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1180 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Ngọc Thanh | Vi    | X  | Lâm Đồng              | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1181 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Phúc Thanh | Xuân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1182 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Hồng Ngọc Như     | Ý     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1183 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Phan Như          | Ý     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1184 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành DHSP TPHCM | Lê Đào Hoàng      | Yến   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1185 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành DHSP TPHCM | Nguyễn Xuân       | Ánh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1186 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Ngô Thị Thái      | Bình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1187 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Huỳnh Thanh       | Châu  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1188 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Cao Lê            | Chung | X  | Quảng Ngãi            | 10   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1189 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Hồ Vi          | Diệu  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1190 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành DHSP TPHCM | Chu Thùy          | Dương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1191 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Ngô Thị Mỹ        | Duyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2002 | NHÌ  |
| 1192 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phạm Thị Thiên    | Duyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1193 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Đặng Mai Trúc     | Hải   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1194 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Tô Đặng Bảo       | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1195 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Vô Hồng           | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1196 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đỗ Song Mai       | Hạnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1197 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Ngọc Minh      | Hạnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1198 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Huỳnh Thị Mỹ      | Hoa   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1199 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Hồ Đỗ Đặng Kim    | Hưng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1200 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Gia Phúc       | Khang |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1201 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Trần Đăng  | Khoa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1202 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Thị Bích   | Liều  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1203 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Ngô Khánh         | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1204 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hồ Ngọc           | Mai   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1205 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Thị Bình   | Minh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1206 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Thiện Hồng | Ân    |    | Đồng Nai              | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1207 | Sinh học       | THPT An Dương Vương            | Hoàng Phúc        | Anh   |    | Đồng Nai              | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1208 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phí Thị Phương    | Anh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1209 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Tuấn         | Đạt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1210 | Sinh học       | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Hoàng Nhật | Đông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2002 | NHÌ  |
| 1211 | Sinh học       | THPT Gia Định                  | Lê Minh           | Hiền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1212 | Sinh học       | THPT Trần Hưng Đạo             | Hà Phương         | Linh  | X  | Liên Bang Nga         | 27   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1213 | Sinh học       | THPT An Dương Vương            | Đào Nguyễn Nhật   | Minh  |    | Đồng Nai              | 7    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1214 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Trần Lê Trà       | My    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1215 | Sinh học       | THPT Trần Hưng Đạo             | Mai Huỳnh Tâm     | Như   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1216 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Phạm Thị Tuyết    | Nhung | X  | Ninh Bình             | 8    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1217 | Sinh học       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Đỗ Thành          | Phát  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2002 | NHÌ  |
| 1218 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lý Thái           | Son   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1219 | Sinh học       | THPT Gia Định                  | Nguyễn Thiên      | Tâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1220 | Sinh học       | THPT An Dương Vương            | Nguyễn Duy        | Thành |    | Đồng Nai              | 5    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1221 | Sinh học       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Vũ Ngọc Bảo       | Trân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1222 | Sinh học       | THPT Võ Thị Sáu                | Mai Ánh           | Tuyết | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1223 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Đoàn Thị Thanh    | Vân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1224 | Sinh học       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Nguyễn Trọng      | Vĩ    |    | Quảng Ngãi            | 6    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1225 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Hoàng Đặng Thanh  | Xuân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1226 | Sinh học       | THPT Lê Trọng Tấn              | Trần Văn Thanh    | Quang |    | Thừa Thiên - Huế      | 16   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1227 | Sinh học       | THPT Trần Phú                  | Dương Thị Anh     | Tâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1228 | Sinh học       | THPT Lê Trọng Tấn              | Ngô Ngọc Thu      | Thảo  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1229 | Sinh học       | THPT Trần Phú                  | Trần Ngọc Hải     | Yến   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1230 | Sinh học       | THPT Lê Trọng Tấn              | Phạm Thị Quỳnh    | Châu  | X  | Đồng Nai              | 20   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1231 | Sinh học       | THPT Tân Bình                  | Bùi Minh          | Hiếu  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1232 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Cánh           | Trần Ngọc         | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1233 | Sinh học       | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Ngọc Khánh   | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1234 | Sinh học       | THPT Tân Bình                  | Sin Toàn Mỹ       | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1235 | Sinh học       | THPT Võ Văn Kiệt               | Huỳnh Phạm Khánh  | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1236 | Sinh học       | THPT Nguyễn Khuyến             | Lý Hà Kim         | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1237 | Sinh học       | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Ngọc Bảo   | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi  | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1238 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Trương Thảo        | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1239 | Sinh học | THPT Bình Phú                  | Trần Bảo           | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1240 | Sinh học | THPT Lê Minh Xuân              | Hoàng Bùi Thảo     | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1241 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến             | Nguyễn Hoàng Minh  | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1242 | Sinh học | THPT Bình Chánh                | Lê Hồ Hiếu         | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1243 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Thanh           | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1244 | Sinh học | THPT Nguyễn Du                 | Nguyễn Thị Thu     | Thảo   | X  | Nam Định              | 17   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1245 | Sinh học | THPT Võ Văn Kiệt               | Huỳnh Hữu          | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1246 | Sinh học | THPT Bình Phú                  | Cao Thị Kiều       | Trang  | X  | Nam Định              | 5    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1247 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Chiêm Thy          | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1248 | Sinh học | THPT Nguyễn Tất Thành          | Nguyễn Ngọc Phương | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1249 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Hồ Thị Ngọc        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1250 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Bành Xương         | Hoà    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1251 | Sinh học | THPT Nguyễn Du                 | Cần Đình Quang     | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1252 | Sinh học | THPT Bình Phú                  | Đỗ Quốc            | Huy    |    | Vĩnh Long             | 19   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1253 | Sinh học | THPT Tân Túc                   | Bùi Thiện          | Khiêm  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1254 | Sinh học | THPT Bình Khánh                | Nguyễn Quốc        | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1255 | Sinh học | THPT Lê Thánh Tôn              | Phạm Văn           | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2002 | NHÌ  |
| 1256 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                 | Võ Minh            | Mẫn    |    | Bình Dương            | 22   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1257 | Sinh học | THPT Phước Kiển                | Nguyễn Phước       | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1258 | Sinh học | THPT Bình Khánh                | Nguyễn Thị Hồng    | Thắm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1259 | Sinh học | THPT Nguyễn Huệ                | Nguyễn Kim         | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1260 | Sinh học | THPT An Nghĩa                  | Võ Thị Minh        | Thư    | X  | Tiền Giang            | 19   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1261 | Sinh học | THPT Tân Phong                 | Trần Thanh         | Tĩnh   |    | Bình Thuận            | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1262 | Sinh học | THPT Cần Thạnh                 | Lâm Thị Ngọc       | Trình  | X  | Tiền Giang            | 3    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1263 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1264 | Sinh học | THPT Nguyễn Huệ                | Nguyễn Thúy        | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1265 | Sinh học | THPT Cần Thạnh                 | Nguyễn Trần Lâm    | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1266 | Sinh học | THPT Trung Phú                 | Nguyễn Ngọc Lan    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1267 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Trần Gia           | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1268 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản            | Phan Duy Khánh     | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1269 | Sinh học | THPT Trung Phú                 | Nguyễn Hứa         | Hân    | X  | Bình Dương            | 5    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1270 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản            | Trịnh Nam          | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1271 | Sinh học | THPT Tân Thông Hội             | La Chí             | Khang  |    | Bình Phước            | 12   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1272 | Sinh học | THPT Tân Thông Hội             | Phan Nguyễn        | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1273 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Nguyễn Thành       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1274 | Sinh học | THPT Trung Phú                 | Nguyễn Như         | Lan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1275 | Sinh học | THPT Trung Phú                 | Nguyễn Trần Thanh  | Thảo   | X  | Tiền Giang            | 22   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1276 | Sinh học | THPT Thạnh Lộc                 | Nguyễn Hữu         | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1277 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản            | Phan Ngọc          | Thọ    |    | Hà Tĩnh               | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1278 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Tiến           | Võ Văn             | Thông  |    | Bình Thuận            | 28   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1279 | Sinh học | THPT Trung Phú                 | Võ Ngọc Như        | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1280 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Vũ Thành    | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1281 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Đỗ Mai      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1282 | Sinh học | THPT Ten Lơ Man                | Trần Nghĩa Mỹ      | Đinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1283 | Sinh học | THPT Marie Curie               | Nguyễn Vũ Phương   | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1284 | Sinh học | THPT Marie Curie               | Phan Thanh         | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1285 | Sinh học | THPT Trần Khai Nguyên          | Dương Gia          | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1286 | Sinh học | THPT Trần Khai Nguyên          | Đào Kim            | Hoàng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1287 | Sinh học | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trần Huy           | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1288 | Sinh học | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Hoàng       | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1289 | Sinh học | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Phan Dzur Nguyễn   | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1290 | Sinh học | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hoàng Nguyễn Mỹ    | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1291 | Sinh học | THPT Trần Khai Nguyên          | Lâm Mỹ             | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1292 | Sinh học | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lương Thoại        | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1293 | Sinh học | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Trần Hoàng Nhã     | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1294 | Sinh học | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Trần Mỹ            | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1295 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Hồ Quang           | Lợi    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1296 | Sinh học | THPT Marie Curie               | Võ Thị Hà          | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1297 | Sinh học | THPT Hùng Vương                | Đặng Thị Thanh     | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1298 | Sinh học | THPT Bùi Thị Xuân              | Huỳnh Nguyễn Thanh | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1299 | Sinh học | THPT Trưng Vương               | Nguyễn Thị Minh    | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi         | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-----------------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1300 | Sinh học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Quách Quỳnh Bảo    | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1301 | Sinh học        | THPT Hùng Vương                | Nguyễn Lê Uyên     | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1302 | Sinh học        | THPT Hùng Vương                | Nguyễn Quốc        | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1303 | Sinh học        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Hà Lê Thanh        | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1304 | Sinh học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lưu Chấn           | Quốc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1305 | Sinh học        | THPT Trần Khai Nguyên          | Dương Cẩm          | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1306 | Sinh học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Anh             | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1307 | Sinh học        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trà Ngọc Xuân      | Thơ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1308 | Sinh học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Xuân        | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1309 | Sinh học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Trần Hồ Vinh       | Thường | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1310 | Sinh học        | THPT Hùng Vương                | Trần Lê Phương     | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1311 | Sinh học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Khánh           | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1312 | Sinh học        | THPT Lương Thế Vinh            | Dư Ngọc Tường      | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1313 | Sinh học        | THPT Trần Khai Nguyên          | Đỗ Thị Thúy        | Vy     | X  | Quảng Bình            | 3    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1314 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Huỳnh Văn   | Anh    | X  | Long An               | 11   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1315 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Vũ Quỳnh    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1316 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Lê Văn        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1317 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Thị Kim       | Anh    | X  | Nam Định              | 23   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1318 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Vô Thúy            | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1319 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Ngô Thiện          | Cầm    |    | Bình Phước            | 25   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1320 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Minh        | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1321 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Nguyễn Lan      | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1322 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Quang         | Dân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1323 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Thủy          | Đan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1324 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đào Minh           | Đặng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1325 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đặng Trần          | Duy    |    | Quảng Ngãi            | 20   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1326 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đỗ Cường           | Duy    |    | Vĩnh Long             | 17   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1327 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lý Tiến            | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1328 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Hồng            | Hậu    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1329 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Minh        | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1330 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Đức Công    | Huy    |    | Quảng Ngãi            | 12   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1331 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Ngọc        | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1332 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Vương Khánh        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1333 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đào Phương Ngọc    | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1334 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Hoàng       | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1335 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Thị Thu     | Ngân   | X  | Hà Nội                | 10   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1336 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Mai Kim     | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1337 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phan Minh          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1338 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đặng Thanh         | Thủy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1339 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Phan Công   | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1340 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Thị Ngọc      | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1341 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Huỳnh Bảo          | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1342 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Thạch Đặng Minh    | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1343 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Tường       | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1344 | Tiếng Anh       | TH, THCS và THPT Mùa Xuân      | Bùi Ngọc Tháo      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1345 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định                  | Tô Ngọc Minh       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1346 | Tiếng Anh       | THPT Trần Hưng Đạo             | Phan Lê Khánh      | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1347 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định                  | Đậu Ngân           | Giang  | X  | Hà Tây                | 4    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1348 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Nguyễn Lê Nhật     | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1349 | Tiếng Anh       | THPT Võ Thị Sáu                | Huỳnh Tiến         | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1350 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận                 | Phan Bùi           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1351 | Tiếng Anh       | TH, THCS và THPT Việt Anh      | Đỗ Đình Vương      | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1352 | Tiếng Anh       | THPT Thủ Đức                   | Trần Nguyễn Hồng   | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1353 | Tiếng Anh       | THPT Võ Thị Sáu                | Trần Nhật          | Khanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1354 | Tiếng Anh       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Anh         | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1355 | Tiếng Anh       | THPT Thủ Đức                   | Phạm Anh           | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1356 | Tiếng Anh       | THPT Võ Thị Sáu                | Vô Minh            | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1357 | Tiếng Anh       | THPT Thanh Đa                  | Vô Tấn             | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1358 | Tiếng Anh       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Dương Minh         | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1359 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Hoàng              | Lân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1360 | Tiếng Anh       | TH, THCS và THPT Mùa Xuân      | Nguyễn Ngọc Phương | Linh   | X  | Tuyên Quang           | 23   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1361 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Phạm Hoàng         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi   | Trường                          | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-----------|---------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1362 | Tiếng Anh | THPT Trần Văn Giàu              | Vũ Hoàng          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1363 | Tiếng Anh | TH, THCS và THPT Mùa Xuân       | Lý Quỳnh          | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1364 | Tiếng Anh | THCS và THPT Hồng Hà            | Trang Vinh        | Nghi   |    | Ninh Thuận            | 22   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1365 | Tiếng Anh | THPT Võ Thị Sáu                 | Bùi Minh Khôi     | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1366 | Tiếng Anh | TH, THCS và THPT Việt Anh       | Huỳnh Duy         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2002 | NHÌ  |
| 1367 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Công Trứ            | Lương Mai         | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1368 | Tiếng Anh | THPT Võ Thị Sáu                 | Hà Thúc           | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1369 | Tiếng Anh | THPT Hoàng Hoa Thám             | Nguyễn Hùng       | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1370 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Công Trứ            | Lâm Hiếu          | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1371 | Tiếng Anh | THPT Trần Hưng Đạo              | Nguyễn Diên       | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1372 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Công Trứ            | Nguyễn Thị Minh   | Thu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1373 | Tiếng Anh | THPT Phú Nhuận                  | Nguyễn Đắc        | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1374 | Tiếng Anh | THPT Tam Phú                    | Nguyễn Trần Thảo  | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1375 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Nguyễn Lan        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1376 | Tiếng Anh | THPT Tây Thạnh                  | Vũ Tiến           | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1377 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Đỗ Long           | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1378 | Tiếng Anh | THCS và THPT Nam Việt           | Ngô Bảo           | Hân    | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 25   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1379 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Nguyễn Tuấn       | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1380 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Thái Bình           | Đào Huỳnh Anh     | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1381 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Phan Tấn          | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1382 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Thái Bình           | Phạm Ngọc         | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1383 | Tiếng Anh | THPT Tân Bình                   | Lê Tấn An         | Khuông |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1384 | Tiếng Anh | THPT Tây Thạnh                  | Giao Thái         | Nguyễn |    | Quảng Ngãi            | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1385 | Tiếng Anh | THPT Tây Thạnh                  | Trần Ngọc Phương  | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1386 | Tiếng Anh | THCS và THPT Việt Thanh         | Trần Ngọc Quỳnh   | Như    | X  | Xã Ma Đa Guoi         | 25   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1387 | Tiếng Anh | THPT Tây Thạnh                  | Đào Quốc          | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1388 | Tiếng Anh | THPT Tây Thạnh                  | Phạm Thụy Thu     | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1389 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Đặng Quang        | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2002 | NHÌ  |
| 1390 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Ngô Ngọc Tường    | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1391 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Nguyễn Ngọc Hải   | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1392 | Tiếng Anh | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký | Lâm Gia           | Ân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1393 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Du                  | Vũ Trần Chiêu     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1394 | Tiếng Anh | THPT Bình Phú                   | Lưu Minh          | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1395 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Du                  | Chương Do         | Hữu    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1396 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hiền                | Lê Ngọc Phương    | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2002 | NHÌ  |
| 1397 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Trần Vĩ           | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1398 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Trần Ngô Lê       | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1399 | Tiếng Anh | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Châu Huệ          | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1400 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Lê Thanh          | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1401 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hiền                | Nguyễn Hồng       | Phúc   |    | Hải Phòng             | 27   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1402 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Khuyến              | Phùng Thiên       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1403 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Du                  | Hà Không          | Tín    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1404 | Tiếng Anh | THPT Bình Phú                   | Lê Phước Hữu      | Tín    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1405 | Tiếng Anh | THPT Lương Văn Can              | Huỳnh Ngọc Bảo    | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1406 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Lê Ngọc Yến       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1407 | Tiếng Anh | THPT Ngô Quyền                  | Đinh Hà Khánh     | Hội    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1408 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Huệ                 | Phạm Vũ Bảo       | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1409 | Tiếng Anh | THCS và THPT Hoa Sen            | Võ Nguyễn Minh    | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1410 | Tiếng Anh | THCS và THPT Đinh Thiện Lý      | Hồ Huỳnh Minh     | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1411 | Tiếng Anh | THPT Lê Thánh Tôn               | Vương Lộc         | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1412 | Tiếng Anh | THCS và THPT Đinh Thiện Lý      | Nguyễn Văn Hoàng  | Trí    |    | Bungari               | 14   | 11    | 2004 | NHÌ  |
| 1413 | Tiếng Anh | THPT Ngô Quyền                  | Mai Nhật          | Trường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1414 | Tiếng Anh | THPT Ngô Quyền                  | Châu Thanh Hạnh   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1415 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Vũ Thiên          | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1416 | Tiếng Anh | THPT Lý Thường Kiệt             | Nguyễn Hoàng Quốc | Bảo    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1417 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Phan Hoàng | Bảo    |    | Đà Nẵng               | 17   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1418 | Tiếng Anh | THPT Trường Chinh               | Hoàng Anh         | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2002 | NHÌ  |
| 1419 | Tiếng Anh | THPT Trường Chinh               | Bùi Hoàng         | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1420 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Hồ Hoàng   | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1421 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Đinh Bùi Huy      | Phương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1422 | Tiếng Anh | THPT Trung Phú                  | Võ Thuận          | Phương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1423 | Tiếng Anh | THPT Trường Chinh               | Nguyễn Ngọc Minh  | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi          | Trường                                     | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|------------------|--------------------------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1424 | Tiếng Anh        | THPT Cù Chi                                | Lê Thanh            | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1425 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Phạm Xuân           | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1426 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                          | Võ Hồ Phúc          | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1427 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Lê Phương           | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1428 | Tiếng Anh        | THPT Marie Curie                           | Nguyễn Tiến         | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1429 | Tiếng Anh        | THPT Trần Hữu Trang                        | Tô Trần Nhựt        | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1430 | Tiếng Anh        | THPT Trần Khai Nguyên                      | Lâm Đặng Bảo        | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1431 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM             | Vũ Hoàng            | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1432 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Nguyễn Ngọc Uyên    | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1433 | Tiếng Anh        | THPT Trần Khai Nguyên                      | Nguyễn Phạm Tâm     | Đan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1434 | Tiếng Anh        | THPT Trần Khai Nguyên                      | Phùng Siêu          | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1435 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Lê Nguyễn Thủy      | Dương  | X  | Thừa Thiên - Huế      | 9    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1436 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Đào Nhật            | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1437 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                  | Phạm Quốc           | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1438 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Mai Nguyễn Ngọc     | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1439 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                  | Đỗ Huy              | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1440 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM             | Nguyễn Gia          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1441 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM             | Nguyễn Ngô          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1442 | Tiếng Anh        | THPT Giồng Ông Tố                          | Bùi Minh            | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1443 | Tiếng Anh        | THPT Giồng Ông Tố                          | Bùi Tuấn            | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1444 | Tiếng Anh        | TTGDKTTT-HN Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm | Lê Trần Tuấn        | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1445 | Tiếng Anh        | THPT Trưng Vương                           | Nguyễn Trần Tuấn    | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1446 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu            | Phạm Nguyễn Khánh   | Linh   | X  | Khánh Hòa             | 12   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1447 | Tiếng Anh        | THPT Ten Lơ Man                            | Nguyễn Khương       | Linh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1448 | Tiếng Anh        | THPT Trưng Vương                           | Trần Hoàng Phi      | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1449 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                            | Nguyễn Lâm Nhật     | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1450 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM             | Nguyễn Phương       | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1451 | Tiếng Anh        | THPT Trưng Vương                           | Mai Thúy            | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1452 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Nguyễn Ánh          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1453 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                            | Trần Lê Hồng        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1454 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu            | Lương Trí           | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1455 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Bùi Trí             | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1456 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn                | Khuru Hạo           | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1457 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                  | Nguyễn Ngọc Khánh   | Như    | X  | Bình Định             | 8    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1458 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn                | Trương Bảo          | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1459 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Nguyễn Thy          | Phuong | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1460 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                          | Nguyễn Đức          | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1461 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Nguyễn Nhật         | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1462 | Tiếng Anh        | THPT Marie Curie                           | Ngô Nguyễn Văn      | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1463 | Tiếng Anh        | THPT Hùng Vương                            | Ngô Viết Xuân       | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1464 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                          | Phan Huy Đức        | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1465 | Tiếng Anh        | THPT Lương Thế Vinh                        | Võ Minh             | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1466 | Tiếng Anh        | THPT Lương Thế Vinh                        | Trần Ngọc Bảo       | Thì    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1467 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Đặng Xuân           | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1468 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu            | Hà Ngô Chí          | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1469 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                            | Đặng Nguyễn Minh    | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1470 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                  | Vũ Trần Thu         | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1471 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                  | Nguyễn Quang Anh    | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1472 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa                 | Lê Hoài             | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1473 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                       | Đinh Ngọc           | Ẩn     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1474 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                              | Đàm Huỳnh Mỹ        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1475 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                              | Đặng Trần Phương    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1476 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền                    | Lê Trâm             | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1477 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                       | Nguyễn Đức Minh     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1478 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi                          | Nguyễn Huỳnh Phương | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1479 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền                    | Nguyễn Minh         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1480 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Nguyễn Ngọc Quế     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1481 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Nguyễn Ngọc Quỳnh   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1482 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                       | Phan                | Anh    |    | Thừa Thiên - Huế      | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1483 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền                    | Phan Lê Phương      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1484 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                  | Trần Tuấn           | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1485 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                              | Nguyễn Huyền        | Băng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi          | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|------------------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1486 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Đàm Huy     | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1487 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Phạm Phúc          | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1488 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Gia           | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1489 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Hà          | Bình   |    | Bình Định             | 27   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1490 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Phan               | Cao    |    | Hà Nội                | 7    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1491 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Lê Hà              | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1492 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Đỗ Linh         | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1493 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Tạ Hoàng        | Chương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1494 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Vũ Hải             | Đăng   |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 1    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1495 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Dương Đoàn Minh    | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1496 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Bùi Thanh          | Dung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1497 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Võ Văn Trí         | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1498 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Võ Hoàng           | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1499 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Võ Anh             | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1500 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Võ Đức             | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1501 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Quỳnh       | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1502 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Vệ            | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1503 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Hồng            | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1504 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Quyền Nguyễn Khánh | Hà     | X  | Khánh Hòa             | 6    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1505 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Minh          | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1506 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Thy             | Hân    | X  | Bình Định             | 18   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1507 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Lê Bảo      | Hân    | X  | Quảng Ngãi            | 18   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1508 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Vũ Ngọc Bảo        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1509 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lương Phước        | Hằng   | X  | Thái Bình             | 11   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1510 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Đình Lê       | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1511 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Võ Đình Việt       | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1512 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Thị Cẩm         | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1513 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Quang           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1514 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lương Đức          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1515 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phạm Gia           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1516 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đàm Minh           | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1517 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hồ Duy             | Khang  |    | Sóc Trăng             | 6    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1518 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Duy         | Khang  |    | Bình Dương            | 27   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1519 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Trần Minh   | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1520 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Ngô Hồng Bảo       | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1521 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Huỳnh Anh          | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1522 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Đăng        | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1523 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Huỳnh       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1524 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Võ Duy             | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1525 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Minh        | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1526 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Minh          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1527 | Tiếng Anh chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Đào Võ Minh        | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1528 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Phùng Đức          | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1529 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Ngô Thiên          | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1530 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Dương Trần Mỹ      | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1531 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Khánh       | Linh   | X  | Hà Nội                | 19   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1532 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Vũ Tháo            | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1533 | Tiếng Anh chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Lê Hiền            | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1534 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc        | Minh   |    | Kiên Giang            | 18   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1535 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trịnh Gia          | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1536 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Vũ Thị Ngọc        | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1537 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đỗ Ngọc Kim        | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1538 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Mai Kim            | Ngân   | X  | Đắk Lắk               | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1539 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đỗ Xuân            | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1540 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Mỹ Chiêu    | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1541 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Phạm Vinh   | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1542 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Anh Bảo       | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1543 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Đông          | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1544 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đinh Nguyễn Bảo    | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1545 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Văn Phước Bảo      | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1546 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Minh        | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1547 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Thị Minh    | Nhật   | X  | Đà Nẵng               | 8    | 12    | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi           | Trường                         | Họ                      | Tên         | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1548 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đinh Kiều               | Nhi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1549 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Thị Thanh          | Nhi         | X  | Lào                   | 1    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1550 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Vũ Ngô Đan              | Nhi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2002 | NHÌ  |
| 1551 | Tiếng Anh chuyên  | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Huỳnh Ánh               | Như         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1552 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Ngô Quỳnh               | Như         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1553 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Huỳnh Nguyễn Tuyết      | Nhung       | X  | Bến Tre               | 11   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1554 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Lê Thị Trang            | Nhung       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1555 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Nguyên               | Phát        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1556 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Đoàn Lê Hồng            | Phúc        | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1557 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Hoàng            | Phúc        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1558 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Trương Vĩnh             | Phúc        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1559 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Đào Liên         | Phương      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1560 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Gia Định                  | Vũ Quốc Gia             | Quân        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1561 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Vũ Xuân                 | Quang       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1562 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đỗ Nguyễn Ngân          | Quỳnh       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1563 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Duy Phương       | Quỳnh       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1564 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Nguyễn Ngọc Như    | Quỳnh       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1565 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyen Jenna Gunasekera | Seneviratne | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1566 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Gia Định                  | Nguyễn Đình             | Tâm         |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1567 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Gia Định                  | Phạm Thị Thanh          | Tâm         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1568 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Vũ Nhật                 | Tân         |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1569 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Tiến                 | Thành       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1570 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Ngô Đình Thiên          | Thảo        | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1571 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Thanh              | Thảo        | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1572 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Mai Nguyễn              | Thi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1573 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Phương             | Thi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1574 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đỗ Ngọc Minh            | Thư         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1575 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Anh                | Thư         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1576 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Vô Thị Như              | Thúy        | X  | Bình Dương            | 17   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1577 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Hà Đức                  | Tiến        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1578 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Hoàng                | Tiến        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1579 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Vô Hương                | Trà         | X  | Bình Dương            | 2    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1580 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trương Ngọc Lê          | Trân        | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1581 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Thị Minh           | Trang       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1582 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Hồ Nguyễn Thành         | Trung       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1583 | Tiếng Anh chuyên  | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Bùi Khắc                | Tường       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1584 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Thanh            | Vân         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1585 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phan Thanh              | Vân         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1586 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Ông Chí                 | Viễn        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1587 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Quách            | Vinh        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1588 | Tiếng Anh chuyên  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Từ Ngọc Quang           | Vinh        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1589 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Phạm Lê                 | Vy          | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1590 | Tiếng Anh chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Phương             | Vy          | X  | Liên Bang Nga         | 19   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1591 | Tiếng Anh chuyên  | Phổ Thông Năng khiếu           | Vũ Ngọc                 | Yến         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1592 | Tiếng Nhật        | THPT Nguyễn Du                 | Quách Tề                | Hoảng       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1593 | Tiếng Nhật        | THPT Trưng Vương               | Lê Minh Châu            | An          | X  |                       | 9    | 4     | 2002 | NHÌ  |
| 1594 | Tiếng Nhật        | THPT Lê Quý Đôn                | Huỳnh Ngọc Phương       | Chi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1595 | Tiếng Nhật        | THPT Lê Quý Đôn                | Nguyễn Hoàng Lê         | Khanh       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1596 | Tiếng Nhật        | THPT Trưng Vương               | Nguyễn Hoàng Anh        | Thư         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1597 | Tiếng Nhật chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trịnh Uyên              | Chi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1598 | Tiếng Nhật chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Hoàng            | Nam         |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1599 | Tiếng Nhật chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Vũ Khánh                | Như         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1600 | Tiếng Nhật chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Nguyễn Minh          | Phương      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2002 | NHÌ  |
| 1601 | Tiếng Nhật chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Thị Minh             | Thảo        | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1602 | Tiếng Nhật chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Nguyễn Chánh      | Tín         |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1603 | Tiếng Pháp        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hồ Ngọc Vân             | Khanh       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1604 | Tiếng Pháp        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Nguyễn Cao Xuân         | Long        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1605 | Tiếng Pháp        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Dương Tân               | Nguyễn      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1606 | Tiếng Pháp        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Hoàng       | Nhi         | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1607 | Tiếng Pháp        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Thúy Mỹ          | Trang       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1608 | Tiếng Pháp        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Phương      | Trình       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1609 | Tiếng Pháp        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Vân Như                 | Tuyền       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi            | Trường                     | Họ               | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|--------------------|----------------------------|------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1610 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Cao Minh         | Vỹ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1611 | Tiếng Trung        | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa     | Nguyễn Huệ       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1612 | Tiếng Trung        | THPT Trần Khai Nguyên      | Lý Quân          | Di     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1613 | Tiếng Trung        | TH, THCS và THPT Văn Lang  | Lu Pei           | Fu     | X  | Đài Loan              | 1    | 11    | 2000 | NHÌ  |
| 1614 | Tiếng Trung        | THPT Trần Khai Nguyên      | La Bích          | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1615 | Tiếng Trung        | THPT Trần Khai Nguyên      | Huỳnh Hiến       | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1616 | Tiếng Trung        | TH, THCS và THPT Văn Lang  | Vương Đan        | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1617 | Tiếng Trung        | THPT Trần Khai Nguyên      | Tô Bội           | Thì    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1618 | Tiếng Trung chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Ôn Tuấn          | Hào    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1619 | Tiếng Trung chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trương Minh      | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1620 | Tin học            | THPT Nguyễn Công Trứ       | Đặng Hoàng       | Dung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1621 | Tin học            | THPT Gia Định              | Trần Đỗ Anh      | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1622 | Tin học            | THPT Gia Định              | Trần Nguyễn      | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1623 | Tin học            | THPT Phú Nhuận             | Đặng Kim         | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1624 | Tin học            | THPT Võ Thị Sáu            | Trần Ngọc        | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1625 | Tin học            | THPT Gia Định              | Nguyễn Nhật      | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1626 | Tin học            | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Đặng Vũ          | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1627 | Tin học            | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Đỗ Minh          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1628 | Tin học            | THPT Tân Bình              | Mai Phúc         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1629 | Tin học            | THPT Tây Thạnh             | Lê Minh          | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1630 | Tin học            | THPT Nguyễn Khuyến         | Ôn Tuấn          | Đạt    |    | Trà Vinh              | 14   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1631 | Tin học            | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Nguyễn Công      | Khanh  |    | An Giang              | 11   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1632 | Tin học            | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Tăng Tường       | Thoại  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1633 | Tin học            | THPT Nguyễn Huệ            | Lê Văn           | Đào    |    | Đồng Nai              | 8    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1634 | Tin học            | THPT Nguyễn Huệ            | Trần Minh        | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1635 | Tin học            | THPT Marie Curie           | Huỳnh Gia        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1636 | Tin học            | THPT Trần Khai Nguyên      | Nguyễn Cao       | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1637 | Tin học            | THPT Trần Khai Nguyên      | Nguyễn Đức Việt  | Linh   |    | Thái Bình             | 24   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1638 | Tin học            | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Trần Thiên       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1639 | Tin học            | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Nguyễn Thị Anh   | Thơ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1640 | Tin học            | THPT Marie Curie           | Nguyễn Chí       | Tường  |    | Nghe An               | 30   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1641 | Tin học chuyên     | Phổ Thông Năng khiếu       | Trần Hữu Phúc    | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1642 | Tin học chuyên     | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Vương Quốc       | Ẩn     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1643 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định              | Mai Tuấn         | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1644 | Tin học chuyên     | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Thị Xuân  | Mai    | X  | Quảng Nam             | 26   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1645 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định              | Phan Hoàng       | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1646 | Tin học chuyên     | Phổ Thông Năng khiếu       | Lê Minh Ánh      | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1647 | Tin học chuyên     | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Khôi      | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1648 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định              | Nguyễn Minh      | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1649 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định              | Nguyễn Phước     | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1650 | Tin học chuyên     | THPT Gia Định              | Lê Thị Hoài      | Thư    | X  | Hà Tĩnh               | 12   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1651 | Tin học chuyên     | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Trần Minh     | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1652 | Tin học chuyên     | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Việt        | Trung  |    | Trung Quốc            | 8    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1653 | Toán               | THPT Hoàng Hoa Thám        | Phạm Tường       | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1654 | Toán               | THPT Phú Nhuận             | Nguyễn Tiến      | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1655 | Toán               | THPT Gia Định              | Nguyễn Minh      | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1656 | Toán               | THPT Hoàng Hoa Thám        | Vô Tấn           | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1657 | Toán               | THPT Gia Định              | Nguyễn Minh      | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1658 | Toán               | THPT Phan Đăng Lưu         | Lê Thanh         | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1659 | Toán               | THPT Nguyễn Công Trứ       | Nguyễn Cao Nhật  | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1660 | Toán               | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Hồ Tấn Minh      | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1661 | Toán               | THPT Phú Nhuận             | Vô Minh          | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1662 | Toán               | THPT Trần Hưng Đạo         | Cao Hữu          | Quốc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1663 | Toán               | THPT Gia Định              | Nguyễn Quốc      | Thiện  |    | Bình Phước            | 9    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1664 | Toán               | THPT Trần Hưng Đạo         | Nguyễn Minh      | Tiến   |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1665 | Toán               | THPT Tam Phú               | Nguyễn Quý       | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1666 | Toán               | THCS và THPT Trí Đức       | Nguyễn Lê Nguyệt | Anh    | X  | Đồng Nai              | 28   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1667 | Toán               | THCS và THPT Trí Đức       | Trần Đặng Tuấn   | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1668 | Toán               | THPT Trần Phú              | Trần Mai         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1669 | Toán               | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Ngọc Bảo  | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1670 | Toán               | THPT Tây Thạnh             | Đỗ Minh          | Chương |    | Thừa Thiên - Huế      | 18   | 1     | 2002 | NHÌ  |
| 1671 | Toán               | THCS và THPT Nguyễn Khuyến | Mai Thanh        | Hải    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi     | Trường                         | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-------------|--------------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1672 | Toán        | THPT Bình Tân                  | Nguyễn Phúc         | Hào    |    | Vĩnh Long             | 8    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1673 | Toán        | THPT Tân Bình                  | Nguyễn Văn          | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1674 | Toán        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Phạm Thị Khánh      | Linh   | X  | Bến Tre               | 30   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1675 | Toán        | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Trần Thiện   | Nhân   |    | Thừa Thiên - Huế      | 13   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1676 | Toán        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Bá Mỹ        | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1677 | Toán        | THPT Tân Bình                  | Huỳnh Hoàng         | Phúc   |    | Bình Thuận            | 20   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1678 | Toán        | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Đồng Hoàng          | Son    |    | Hà Nội                | 25   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1679 | Toán        | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lê Phan Anh         | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1680 | Toán        | THPT Tân Bình                  | Lê Nguyễn Công      | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1681 | Toán        | THCS và THPT Trần Cao Vân      | Trần Thông          | Thuận  |    | Tây Ninh              | 20   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1682 | Toán        | THPT Bình Tân                  | Hồ NgoC             | Thương |    | Hậu Giang             | 13   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1683 | Toán        | THCS và THPT Trần Cao Vân      | Lê Minh             | Thuy   |    | Tây Ninh              | 14   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1684 | Toán        | THPT Trần Phú                  | Phạm Đăng           | Tinh   |    | Thanh Hoá             | 24   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1685 | Toán        | THPT Tây Thanh                 | Nguyễn Đình Ngọc    | Trí    |    | Đắk Lắk               | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1686 | Toán        | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Trần Triều          | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1687 | Toán        | THPT Tây Thanh                 | Nguyễn Đức          | Tuấn   |    | Quảng Nam             | 13   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1688 | Toán        | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Lê Hồ Phương        | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1689 | Toán        | THPT Bình Tân                  | Trần Quang          | Vĩ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1690 | Toán        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Tất Minh            | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1691 | Toán        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Phạm Quang          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1692 | Toán        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đặng Nhung          | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1693 | Toán        | THPT Lê Minh Xuân              | Nguyễn Minh         | Thông  |    | Quảng Nam             | 3    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1694 | Toán        | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đinh Quý            | Triều  |    | Quảng Ngãi            | 29   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1695 | Toán        | THPT Ngô Quyền                 | Nguyễn Tuấn         | Minh   |    | Hà Nội                | 2    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1696 | Toán        | THPT Việt Âu                   | Đặng Thành          | Anh    |    | Bình Định             | 18   | 6     | 2001 | NHÌ  |
| 1697 | Toán        | THPT Quang Trung               | Nguyễn Tuấn         | Cường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1698 | Toán        | THPT Củ Chi                    | Trần Đình Xuân      | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1699 | Toán        | THPT Lý Thường Kiệt            | Trịnh Thiên         | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1700 | Toán        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Trần Anh            | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1701 | Toán        | THPT Lý Thường Kiệt            | Hoàng Minh          | Tâm    |    | Hà Tây                | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1702 | Toán        | THPT Trung Phú                 | Phạm Mỹ             | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1703 | Toán        | THPT Bùi Thị Xuân              | Trần Huy            | Bân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1704 | Toán        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Quốc           | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1705 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Minh         | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1706 | Toán        | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Hoàng        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1707 | Toán        | THPT Bùi Thị Xuân              | Từ Lễ               | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1708 | Toán        | THPT Bùi Thị Xuân              | Tồn Gia             | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1709 | Toán        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Lê Hoàng            | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1710 | Toán        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Hữu          | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1711 | Toán        | THPT Hùng Vương                | Bùi Phạm Thanh      | Thế    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1712 | Toán        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lữ Trung            | Tin    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1713 | Toán        | THPT Trưng Vương               | Trần Ngọc Bảo       | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1714 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Bùi Nguyễn Hữu      | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1715 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Thái         | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1716 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Thiên            | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1717 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lý Thiên            | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1718 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Trương Thiên | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1719 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hà Quỳnh            | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1720 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Phan Quốc           | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1721 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Nguyễn Nam     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1722 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Tuấn           | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1723 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Nguyễn Gia     | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1724 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Hữu Nhật       | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1725 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Vũ Huy              | Hoàng  |    | Ninh Thuận            | 7    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1726 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Phục             | Hưng   |    | Thừa Thiên - Huế      | 6    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1727 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Bảo          | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1728 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Lê Tuấn      | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1729 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Vũ           | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1730 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Lê Quốc        | Khánh  |    | Đắk Lắk               | 11   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1731 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trương Lê Gia       | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1732 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Hồ Đoàn Minh        | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1733 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Lâm Đăng     | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi     | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-------------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1734 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trần Phan Đăng     | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1735 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Vũ Tuấn            | Kiệt   |    | Nam Định              | 17   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1736 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Huỳnh Thiên        | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1737 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Thanh Mai       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1738 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Thùy          | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1739 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Lê Ngọc     | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1740 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Thị Uyên      | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1741 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Kim Huế     | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1742 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Vu Phương          | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1743 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phạm Xuân          | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1744 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Đào Phương         | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1745 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Hoàng Đại          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1746 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Thuý        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1747 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Thiện       | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1748 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Tiến          | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1749 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Hà          | Phong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1750 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Quế         | Phong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1751 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Lê An        | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1752 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Thiên       | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1753 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Cao Thiên   | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1754 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Ngọc Uyên   | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1755 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Nam           | Phương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1756 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Lê Minh       | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1757 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Duy           | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1758 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trần Thiện         | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1759 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Ngọc Phúc   | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1760 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Trường      | Son    |    | Nghệ An               | 15   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1761 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Khuru Thành        | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1762 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Duy         | Tân    |    | Bình Định             | 28   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1763 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Kiều Tiến          | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1764 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lâm Văn            | Thiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1765 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Xuân        | Thọ    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1766 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Phan Hoàng Trường  | Thọ    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1767 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lâm Hữu            | Thuần  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1768 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Từ Minh            | Thuận  |    | Tiền Giang            | 12   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1769 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Phạm Minh          | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1770 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phạm Thủy          | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1771 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trương Nhật Phương | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1772 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Ngọc Huy    | Trường |    | Tây Ninh              | 9    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1773 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Minh        | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1774 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Đỗ Anh             | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1775 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lê Bùi Phúc        | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1776 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Trọng       | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1777 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Phạm Nguyễn Ngọc   | Diễm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1778 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Ngô Huỳnh Khánh    | Đoan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1779 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Trung       | Đức    |    | Thanh Hoá             | 5    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1780 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Tiến        | Dũng   |    | Hà Nội                | 10   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1781 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trương Hoàng Sơ    | Dương  | X  | Quảng Nam             | 3    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1782 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đặng Hoàng         | Gia    |    | Quảng Bình            | 11   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1783 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Lương Ngọc  | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1784 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1785 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phùng Ngọc         | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1786 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Đức         | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1787 | Vật lý      | THPT Võ Thị Sáu                | Phạm Đăng          | Trường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1788 | Vật lý      | THPT Phú Nhuận                 | Phạm Minh          | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1789 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Võ Ngọc Văn        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1790 | Vật lý      | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Trọng       | Bách   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1791 | Vật lý      | THPT Trần Hưng Đạo             | Trần Quốc          | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1792 | Vật lý      | THPT An Dương Vương            | Cao Tiến           | Đạt    |    | Đồng Nai              | 8    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1793 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Lê Kiều         | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1794 | Vật lý      | THPT Gia Định                  | Lê Trung           | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1795 | Vật lý      | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Hoàng Trung | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi | Trường                         | Họ                 | Tên        | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|--------------------------------|--------------------|------------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1796 | Vật lý  | THPT Nguyễn Công Trứ           | Phan Huy           | Hoàng      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1797 | Vật lý  | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Phú         | Hưng       |    | Quảng Ngãi            | 28   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1798 | Vật lý  | THPT An Dương Vương            | Trần Vũ            | Huy        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1799 | Vật lý  | THPT Phú Nhuận                 | Vũ Minh            | Khang      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1800 | Vật lý  | THPT Thủ Đức                   | Lê Việt            | Khánh      |    | Quảng Bình            | 27   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1801 | Vật lý  | THPT Nguyễn Công Trứ           | Đỗ Anh             | Khoa       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1802 | Vật lý  | THPT Gia Định                  | Nguyễn Huỳnh Phúc  | Lâm        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1803 | Vật lý  | THPT Nguyễn Công Trứ           | Bùi Khánh          | Linh       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1804 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Huỳnh Đăng Duy     | Long       |    | Đà Nẵng               | 21   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1805 | Vật lý  | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Hoàng       | Long       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1806 | Vật lý  | THPT Trần Hưng Đạo             | Nguyễn Minh        | Lực        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1807 | Vật lý  | THPT An Dương Vương            | Nguyễn Nhật        | Nam        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1808 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phạm Nguyễn Hồng   | Nam        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1809 | Vật lý  | THPT Phú Nhuận                 | Lê Nguyễn Thanh    | Nghi       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1810 | Vật lý  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Đình        | Bách       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1811 | Vật lý  | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Thị Ngọc    | Bích       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1812 | Vật lý  | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Lê Minh            | Chiến      |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1813 | Vật lý  | THPT Tân Bình                  | Hoàng Trung        | Chính      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1814 | Vật lý  | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Bùi Nguyễn Nguyệt  | Hiếu       | X  | Gia Lai               | 18   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1815 | Vật lý  | THPT Lê Trọng Tấn              | Đình               | Hồng Bá Th |    | Lâm Đồng              | 18   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1816 | Vật lý  | THPT Trần Phú                  | Ngô Đình Bảo       | Khánh      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1817 | Vật lý  | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Lê Trọng           | Kiên       | X  | Đắk Lắk               | 5    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1818 | Vật lý  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Hoàng Võ Ánh       | Linh       | X  | Nghe An               | 24   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1819 | Vật lý  | THPT Bình Hưng Hòa             | Trần Thành         | Long       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1820 | Vật lý  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Đặng Minh          | Nhật       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1821 | Vật lý  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lê Thùy Anh        | Nhi        | X  | Bình Thuận            | 10   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1822 | Vật lý  | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Ngô Thị Cẩm        | Nhung      | X  | Đồng Nai              | 20   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1823 | Vật lý  | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Nguyễn Phúc Bảo    | Phát       | X  | Đồng Nai              | 10   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1824 | Vật lý  | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Nguyễn Thị Thanh   | Phương     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1825 | Vật lý  | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Hoàng       | Son        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1826 | Vật lý  | THPT Trần Phú                  | Lê Huỳnh Minh      | Tâm        |    | Quảng Ngãi            | 6    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1827 | Vật lý  | THPT Tân Bình                  | Nguyễn Chung Hữu   | Thành      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1828 | Vật lý  | THPT Trần Phú                  | Nguyễn Gia         | Thành      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1829 | Vật lý  | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Trần Nguyễn Phương | Thành      | X  | Tây Ninh              | 2    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1830 | Vật lý  | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Mai Nhật           | Thông      | X  | Đồng Nai              | 2    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1831 | Vật lý  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trịnh Thị Thanh    | Thủy       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1832 | Vật lý  | THPT Tân Bình                  | Trịnh Quốc         | Tín        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1833 | Vật lý  | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Minh        | Trí        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1834 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hữu Cánh           | Nguyễn Xuân        | Trường     |    | Khánh Hòa             | 27   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1835 | Vật lý  | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Đỗ Quang           | Tùng       | X  | Đồng Nai              | 2    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1836 | Vật lý  | THCS và THPT Trí Đức           | Nguyễn Duy         | Vũ         |    | Thừa Thiên - Huế      | 29   | 11    | 2002 | NHÌ  |
| 1837 | Vật lý  | THCS và THPT Nguyễn Khuyến     | Nguyễn Hưng        | Yên        | X  | Bình Phước            | 3    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1838 | Vật lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Châu Hà Minh       | An         |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1839 | Vật lý  | THPT Bình Chánh                | Lương Công         | Bảo        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1840 | Vật lý  | THPT Nguyễn Du                 | Trần Thành         | Đạt        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1841 | Vật lý  | THPT Lê Minh Xuân              | Nguyễn Huy         | Hoàng      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1842 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hiền               | Lưu Chấn           | Hưng       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1843 | Vật lý  | THPT Nguyễn Khuyến             | Đình Gia           | Huy        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1844 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hiền               | Lưu Chấn           | Huy        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1845 | Vật lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đình Nguyễn Công   | Son        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1846 | Vật lý  | THPT Lê Minh Xuân              | Trịnh Phương       | Tâm        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1847 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hiền               | Nguyễn Thanh       | Trúc       | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1848 | Vật lý  | THPT Phước Long                | La Văn             | Bình       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1849 | Vật lý  | THPT Ngô Quyền                 | Bùi Gia            | Huy        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1850 | Vật lý  | THPT Nam Sài Gòn               | Đỗ Nhân            | Minh       |    | Cần Thơ               | 16   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1851 | Vật lý  | THPT Ngô Quyền                 | Phan Đào Quán      | Quân       |    | Khánh Hòa             | 11   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1852 | Vật lý  | THPT Phước Kiển                | Lê Tấn Minh        | Toàn       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1853 | Vật lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Nguyễn Viết        | Trường     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1854 | Vật lý  | THPT Cù Chi                    | Nguyễn Trương Quốc | Bảo        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1855 | Vật lý  | THPT Tân Thông Hội             | Nguyễn Thành       | Đạt        |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1856 | Vật lý  | THPT Võ Trường Toản            | Nguyễn Lê Trường   | Giang      |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1857 | Vật lý  | THPT Lý Thường Kiệt            | Nguyễn Bùi Đức     | Kiên       |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 5     | 2003 | NHÌ  |

| STT  | Môn thi       | Trường                          | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------------|---------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1858 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Lai Nguyễn Hoàng  | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1859 | Vật lý        | THPT Bà Điểm                    | Nguyễn Trần Hữu   | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1860 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Trọng      | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1861 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Lộc               | Tài    |    | Đồng Nai              | 8    | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1862 | Vật lý        | THPT Lý Thường Kiệt             | Trần Ngọc Thủy    | Trình  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1863 | Vật lý        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Nguyễn Vũ Thành   | An     |    | Đà Nẵng               | 3    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1864 | Vật lý        | THPT Trưng Vương                | Hồ Dân            | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1865 | Vật lý        | THPT Trần Khai Nguyên           | Ngô Vũ Hải        | Đặng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1866 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân               | Lương Quang       | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1867 | Vật lý        | THPT Ten Lơ Man                 | Huỳnh Thị Diễm    | Hằng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1868 | Vật lý        | THPT Trưng Vương                | Nguyễn Minh       | Hiền   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1869 | Vật lý        | THPT Trưng Vương                | Phùng Quang Minh  | Huy    |    | Khánh Hòa             | 18   | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1870 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Trần Quang        | Khải   |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 1    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1871 | Vật lý        | THPT Hùng Vương                 | Lê Tuấn           | Kiệt   |    | Tiền Giang            | 19   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1872 | Vật lý        | THPT Marie Curie                | Huỳnh Lê Phi      | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1873 | Vật lý        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Phạm Nguyễn Quý   | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1874 | Vật lý        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Lê Việt           | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1875 | Vật lý        | THPT Trưng Vương                | Nguyễn Song       | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1876 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Đào Anh           | Phi    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1877 | Vật lý        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Nguyễn Hoàng      | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1878 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân               | Nguyễn Ngọc Quang | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1879 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân               | Liên Hiệp         | Quốc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1880 | Vật lý        | THPT Trần Khai Nguyên           | Nguyễn Ngọc Trúc  | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1881 | Vật lý        | THPT Trần Khai Nguyên           | Kuo Yung          | Sheng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1882 | Vật lý        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phạm Minh         | Triết  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1883 | Vật lý        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Thái Anh          | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | NHÌ  |
| 1884 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                   | Ngô Việt          | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1885 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Tuấn       | Anh    |    | An Giang              | 12   | 1     | 2003 | NHÌ  |
| 1886 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Lê Đình           | Bình   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1887 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Vũ         | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1888 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                   | Trần Việt         | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1889 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Bùi Đức           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1890 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phạm Gia          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1891 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phan Lê Quốc      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1892 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Đào Nguyễn Đăng   | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1893 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Nguyễn Hoàng Nhật | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1894 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Mạnh       | Khuong |    | Bến Tre               | 4    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1895 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Trần Gia          | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | NHÌ  |
| 1896 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                   | Triệu Nhật        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1897 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Đỗ Thành          | Nguyễn |    | Nam Định              | 19   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1898 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Thành      | Nhân   |    | An Giang              | 20   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1899 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Trần Minh         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1900 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Phạm Minh         | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1901 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Hiền Dương | Quý    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1902 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Khúc Hải          | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | NHÌ  |
| 1903 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Lô Anh            | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1904 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Trần Hiếu         | Tâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 2     | 2003 | NHÌ  |
| 1905 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phạm Đức          | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | NHÌ  |
| 1906 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Phan Trần Vy      | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | NHÌ  |
| 1907 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Hiền       | Thị    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | NHÌ  |
| 1908 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phạm Quang        | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | NHÌ  |
| 1909 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Mỹ Huyền   | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | NHÌ  |
| 1910 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Đỗ Quốc           | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 6     | 2003 | NHÌ  |
| 1911 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Trần Đặng Lan     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | NHÌ  |
| 1912 | Địa lý        | THPT Phan Đăng Lưu              | Lê Công           | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 1913 | Địa lý        | THPT Nguyễn Công Trứ            | Trần Thanh        | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | BA   |
| 1914 | Địa lý        | THCS và THPT Hồng Hà            | Lê Quốc           | Thụy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | BA   |
| 1915 | Địa lý        | THPT Tam Phú                    | Huỳnh Nguyễn      | Tín    |    | Khánh Hòa             | 20   | 10    | 2001 | BA   |
| 1916 | Địa lý        | THPT Nguyễn Công Trứ            | Lê Trọng          | Tín    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | BA   |
| 1917 | Địa lý        | THPT Đào Sơn Tây                | Cao Võ Mai        | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | BA   |
| 1918 | Địa lý        | THPT Hiệp Bình                  | Nguyễn Thị Như    | Trâm   | X  | Đồng Nai              | 3    | 8     | 2003 | BA   |
| 1919 | Địa lý        | THPT Hiệp Bình                  | Vô Huyền          | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                       | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1920 | Địa lý  | THPT Võ Thị Sáu              | Nguyễn Ngọc Thùy  | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | BA   |
| 1921 | Địa lý  | THPT Trần Hưng Đạo           | Vũ Ngọc Thanh     | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 1922 | Địa lý  | THPT Phan Đăng Lưu           | Trần Trương Thanh | Trường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | BA   |
| 1923 | Địa lý  | THPT Nguyễn Công Trứ         | Nguyễn Chánh      | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 4     | 2003 | BA   |
| 1924 | Địa lý  | THPT Hiệp Bình               | Nguyễn Thanh Ngọc | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | BA   |
| 1925 | Địa lý  | THPT Phan Đăng Lưu           | Trần Thị Hồng     | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | BA   |
| 1926 | Địa lý  | THPT Nguyễn Công Trứ         | Cao Duy           | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 3     | 2003 | BA   |
| 1927 | Địa lý  | THPT Linh Trung              | Phùng Trâm        | Anh    | X  | Nghệ An               | 30   | 9     | 2003 | BA   |
| 1928 | Địa lý  | THPT Trần Văn Giàu           | Trần Thị Kim      | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | BA   |
| 1929 | Địa lý  | THPT Trần Văn Giàu           | Lê Minh           | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 1930 | Địa lý  | THPT Đào Sơn Tây             | Lê Quang          | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | BA   |
| 1931 | Địa lý  | THPT Tam Phú                 | Trương Thị Phương | Hoàng  | X  | Bình Thuận            | 18   | 8     | 2003 | BA   |
| 1932 | Địa lý  | THPT Phú Nhuận               | Nguyễn Phạm Ngọc  | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | BA   |
| 1933 | Địa lý  | THPT Thủ Đức                 | Lê Văn Đăng       | Khoa   |    | Cà Mau                | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 1934 | Địa lý  | THPT Nguyễn Công Trứ         | Huỳnh Thế         | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 1935 | Địa lý  | THPT Gò Vấp                  | Huỳnh Thị Thiên   | Lý     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 6     | 2003 | BA   |
| 1936 | Địa lý  | THPT Gò Vấp                  | Đinh Ngọc         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 1937 | Địa lý  | THPT Nguyễn Công Trứ         | Phạm Nguyệt       | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | BA   |
| 1938 | Địa lý  | THPT Tam Phú                 | Lưu Hà Kim        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 1939 | Địa lý  | THPT Hoàng Hoa Thám          | Tạ Nguyên Kim     | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | BA   |
| 1940 | Địa lý  | THPT Nguyễn Công Trứ         | Ngô Huỳnh Cẩm     | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | BA   |
| 1941 | Địa lý  | THPT Thủ Đức                 | Nguyễn Cao        | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | BA   |
| 1942 | Địa lý  | THPT Thủ Đức                 | Đỗ Ngọc Phương    | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | BA   |
| 1943 | Địa lý  | THPT Hoàng Hoa Thám          | Trần Hồ Thanh     | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | BA   |
| 1944 | Địa lý  | THPT Tân Bình                | Nguyễn Cao Hải    | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 4     | 2003 | BA   |
| 1945 | Địa lý  | THPT Bình Hưng Hòa           | Hà Huỳnh          | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | BA   |
| 1946 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức         | Lữ Trần Việt      | Đức    | X  | Đồng Nai              | 11   | 9     | 2003 | BA   |
| 1947 | Địa lý  | THPT Lê Trọng Tấn            | Lưu Cảnh          | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | BA   |
| 1948 | Địa lý  | THPT Trần Phú                | Nguyễn Đức        | Hân    |    | Quảng Ngãi            | 10   | 9     | 2003 | BA   |
| 1949 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thái Bình        | Hà Nguyễn Kim     | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 12    | 2003 | BA   |
| 1950 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức         | Nguyễn Trung      | Kiên   |    | Tây Ninh              | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 1951 | Địa lý  | THPT Trần Phú                | Bùi Tuấn          | Kiệt   |    | Bình Thuận            | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 1952 | Địa lý  | THPT Lê Trọng Tấn            | Lây Mỹ            | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 5     | 2003 | BA   |
| 1953 | Địa lý  | THPT Vĩnh Lộc                | Nguyễn Thị Mỹ     | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | BA   |
| 1954 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Cánh         | Nguyễn Thị Thùy   | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 1955 | Địa lý  | THPT An Lạc                  | Đới Lê            | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 7     | 2003 | BA   |
| 1956 | Địa lý  | THPT Trần Phú                | Nguyễn Thị Xuân   | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |
| 1957 | Địa lý  | THPT Tân Bình                | Bùi Thị Hồng      | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 1958 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức         | Đinh Trần Ý       | Nhi    | X  | Tây Ninh              | 28   | 10    | 2003 | BA   |
| 1959 | Địa lý  | THCS và THPT Thái Bình       | Lê Ngọc Phương    | Nhi    | X  | Bình Dương            | 26   | 4     | 2003 | BA   |
| 1960 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh        | Trịnh Yến         | Nhi    | X  | Quảng Ngãi            | 19   | 7     | 2003 | BA   |
| 1961 | Địa lý  | THCS và THPT Phan Châu Trinh | Đỗ Minh           | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | BA   |
| 1962 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức         | Văn Ngọc Hoàng    | Phi    | X  | Tiền Giang            | 3    | 1     | 2003 | BA   |
| 1963 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Cánh         | Thái Hoàng Ngọc   | Phúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | BA   |
| 1964 | Địa lý  | THCS và THPT Thái Bình       | Lê Thành          | Tài    |    | Tiền Giang            | 29   | 6     | 2003 | BA   |
| 1965 | Địa lý  | THPT An Lạc                  | Nguyễn Tấn        | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | BA   |
| 1966 | Địa lý  | THPT Tây Thạnh               | Hồ Thị Minh       | Tâm    | X  | Quảng Nam             | 27   | 7     | 2003 | BA   |
| 1967 | Địa lý  | THPT Tây Thạnh               | Lê Trần Thanh     | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 1968 | Địa lý  | THPT An Lạc                  | Nguyễn Thị Thu    | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | BA   |
| 1969 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức         | Nguyễn Ngọc       | Thiện  |    | Tiền Giang            | 2    | 7     | 2003 | BA   |
| 1970 | Địa lý  | THPT Tây Thạnh               | Lâm Thị Thanh     | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | BA   |
| 1971 | Địa lý  | THCS và THPT Trí Đức         | Nguyễn Ngọc Bảo   | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 10    | 2003 | BA   |
| 1972 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh        | Nguyễn Ngọc Bảo   | Trân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | BA   |
| 1973 | Địa lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh        | Vũ Nguyễn Huyền   | Trân   | X  | Bình Thuận            | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 1974 | Địa lý  | THPT Bình Tân                | Phùng Tú          | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | BA   |
| 1975 | Địa lý  | THPT Bình Hưng Hòa           | Nguyễn Vũ Tường   | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | BA   |
| 1976 | Địa lý  | THCS và THPT Nhân Văn        | Nguyễn Ngọc Kim   | Vân    | X  | Bình Dương            | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 1977 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hiền             | Trương Mỹ         | Hoa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | BA   |
| 1978 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân            | Vô Lê             | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 1979 | Địa lý  | THPT Bình Chánh              | Nguyễn Vũ Phương  | Kiều   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 1980 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh         | Vô Tấn            | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | BA   |
| 1981 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân            | Lê Thị Triệu      | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                 | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 1982 | Địa lý  | THPT Võ Văn Kiệt       | Ngô Ánh           | Minh   | X  | Tiền Giang            | 23   | 12    | 2003 | BA   |
| 1983 | Địa lý  | THPT Vĩnh Lộc B        | Trần Nguyễn Kim   | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 1984 | Địa lý  | THPT Nguyễn Du         | Đinh Trần Hương   | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 1985 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh   | Nguyễn Tâm        | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 1986 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hiền       | Nguyễn Phương     | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | BA   |
| 1987 | Địa lý  | THPT Tạ Quang Bửu      | Trần Thị Huỳnh    | Như    | X  | Sóc Trăng             | 5    | 4     | 2002 | BA   |
| 1988 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân      | Nguyễn Thị Ngọc   | Phương | X  | Gia Lai               | 16   | 3     | 2003 | BA   |
| 1989 | Địa lý  | THCS và THPT Diên Hồng | Trần Minh         | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 7     | 2003 | BA   |
| 1990 | Địa lý  | THPT Nguyễn Tất Thành  | Dương Thị Diễm    | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 1991 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân      | Trương Đình       | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2002 | BA   |
| 1992 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh   | Dương Thị Minh    | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 1993 | Địa lý  | THPT Bình Chánh        | Trần Kim          | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | BA   |
| 1994 | Địa lý  | THPT Ngô Gia Tự        | Quách Hải         | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | BA   |
| 1995 | Địa lý  | THPT Nguyễn Du         | Nguyễn Minh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | BA   |
| 1996 | Địa lý  | THPT Trần Quang Khải   | Nguyễn Trọng      | Tín    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | BA   |
| 1997 | Địa lý  | THPT Lê Minh Xuân      | Lê Phạm Ngọc      | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | BA   |
| 1998 | Địa lý  | THPT Bình Chánh        | Ông Huyền         | Trang  | X  | Trà Vinh              | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 1999 | Địa lý  | THPT Bình Chánh        | Nguyễn Thị Ngọc   | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 8     | 2003 | BA   |
| 2000 | Địa lý  | THPT Tạ Quang Bửu      | Nguyễn Thị Thúy   | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | BA   |
| 2001 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi      | Nguyễn Thụy Tường | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2002 | Địa lý  | THPT Tân Túc           | Nguyễn Ngọc Xuân  | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | BA   |
| 2003 | Địa lý  | THPT Vĩnh Lộc B        | Trần Thị Thảo     | Vy     | X  | Đắk Lắk               | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 2004 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi      | Dư Kim            | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | BA   |
| 2005 | Địa lý  | THPT Nguyễn Du         | Phạm Thành        | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 2006 | Địa lý  | THPT Võ Văn Kiệt       | Vương Nguyễn Thủy | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | BA   |
| 2007 | Địa lý  | THPT Nguyễn Du         | Đỗ Huỳnh Bảo      | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | BA   |
| 2008 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh   | Võ Thị Minh       | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 7     | 2003 | BA   |
| 2009 | Địa lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi      | Hoàng Hữu         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2003 | BA   |
| 2010 | Địa lý  | THCS và THPT Diên Hồng | Trần Thị Mỹ       | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | BA   |
| 2011 | Địa lý  | THPT Nguyễn Văn Linh   | Nguyễn Thị Thùy   | Giang  | X  | Đắk Lắk               | 9    | 11    | 2003 | BA   |
| 2012 | Địa lý  | THPT Lê Thánh Tôn      | Phan Thị          | Ánh    | X  | Nam Định              | 29   | 12    | 2003 | BA   |
| 2013 | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ        | Phạm Nguyễn Uyên  | Chí    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | BA   |
| 2014 | Địa lý  | THPT Bình Khánh        | Võ Trương Mỹ      | Hậu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 6     | 2003 | BA   |
| 2015 | Địa lý  | THPT Phước Long        | Phạm Thị Ngọc     | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2016 | Địa lý  | THPT Ngô Quyền         | Lý Kim            | Ngân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | BA   |
| 2017 | Địa lý  | THPT Ngô Quyền         | Nguyễn Phương Bảo | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 7     | 2003 | BA   |
| 2018 | Địa lý  | THPT Long Thới         | Trần Hữu          | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | BA   |
| 2019 | Địa lý  | THPT Tân Phong         | Đặng Xuân         | Nhàn   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2020 | Địa lý  | THPT An Nghĩa          | Võ Minh           | Quang  |    | Long An               | 26   | 10    | 2003 | BA   |
| 2021 | Địa lý  | THPT Phước Kiển        | Lê Thị Bích       | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | BA   |
| 2022 | Địa lý  | THPT Long Thới         | Trương Thị Mỹ     | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 2023 | Địa lý  | THPT Phước Long        | Nguyễn Lê Khánh   | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | BA   |
| 2024 | Địa lý  | THPT Nguyễn Huệ        | Trần Đình Tường   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 6     | 2003 | BA   |
| 2025 | Địa lý  | THPT Bà Điểm           | Phùng Thị Ngọc    | Ánh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | BA   |
| 2026 | Địa lý  | THPT Lý Thường Kiệt    | Nguyễn Linh       | Đan    | X  | Hà Nội                | 10   | 4     | 2003 | BA   |
| 2027 | Địa lý  | THPT Quang Trung       | Lê Khánh          | Ha     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 2028 | Địa lý  | THPT Võ Trường Toản    | Nguyễn Ngọc Gia   | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | BA   |
| 2029 | Địa lý  | THPT Nguyễn Hữu Cẩu    | Huỳnh Thị Thu     | Hồng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 2030 | Địa lý  | THPT Quang Trung       | Lê Anh            | Khoa   |    | Long An               | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 2031 | Địa lý  | THPT Trung Lập         | Nguyễn Thị Ngọc   | Liên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2032 | Địa lý  | THPT Phú Hòa           | Phạm Hồng         | Linh   |    | Bình Dương            | 10   | 5     | 2003 | BA   |
| 2033 | Địa lý  | THPT Bà Điểm           | Trần Hồng         | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | BA   |
| 2034 | Địa lý  | THPT Bà Điểm           | Lê Thị Kiều       | Oanh   | X  | Thừa Thiên - Huế      | 26   | 6     | 2003 | BA   |
| 2035 | Địa lý  | THPT Tân Thông Hội     | Nguyễn Hồng       | Phúc   |    | Hà Nam                | 12   | 10    | 2003 | BA   |
| 2036 | Địa lý  | THPT Võ Trường Toản    | Vũ Phan Phương    | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 2037 | Địa lý  | THPT Trung Lập         | Nguyễn Thị Thanh  | Thu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 2038 | Địa lý  | THPT Trung Lập         | Võ Thị Hoài       | Thương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | BA   |
| 2039 | Địa lý  | THPT Quang Trung       | Phạm Như          | Tiến   |    | Tây Ninh              | 9    | 1     | 2003 | BA   |
| 2040 | Địa lý  | THPT Trung Phú         | Phan Tấn          | Toàn   |    | Thanh Hoá             | 2    | 7     | 2003 | BA   |
| 2041 | Địa lý  | THPT Trường Chinh      | Trịnh Võ Phúc     | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | BA   |
| 2042 | Địa lý  | THPT Lý Thường Kiệt    | Tăng Huyền Bảo    | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | BA   |
| 2043 | Địa lý  | THPT Bà Điểm           | Nguyễn Thanh      | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                     | Họ               | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|----------------------------|------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2044 | Địa lý  | THPT Tân Thông Hội         | Trần Đăng Cát    | Tường  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | BA   |
| 2045 | Địa lý  | THPT Phú Hòa               | Nguyễn Ngọc Lan  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | BA   |
| 2046 | Địa lý  | THPT Trưng Vương           | Phạm Thị Phương  | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2047 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thi Diệu       | Tăng Kim Anh     | Tĩnh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | BA   |
| 2048 | Địa lý  | THPT Nguyễn Trãi           | Vũ Thị Cẩm       | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 2049 | Địa lý  | THPT Thủ Thiêm             | Mai Anh          | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | BA   |
| 2050 | Địa lý  | THPT Giồng Ông Tố          | Nguyễn Ngọc Thảo | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | BA   |
| 2051 | Địa lý  | THPT Giồng Ông Tố          | Phạm Thanh       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | BA   |
| 2052 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Choi Bo          | Young  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |
| 2053 | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn            | Nguyễn Lê Thuận  | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 2054 | Địa lý  | THPT Ten Lơ Man            | Hoàng Phạm Quỳnh | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | BA   |
| 2055 | Địa lý  | THPT Lương Thế Vinh        | Phạm Diệu        | Anh    | X  | Ninh Thuận            | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 2056 | Địa lý  | THPT Trưng Vương           | Lê Hoàng Kim     | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | BA   |
| 2057 | Địa lý  | THPT Thủ Thiêm             | Nguyễn Đức       | Duy    |    | Hưng Yên              | 22   | 9     | 2002 | BA   |
| 2058 | Địa lý  | THPT Ten Lơ Man            | Tô Hương         | Giang  | X  | Quảng Ninh            | 6    | 5     | 2003 | BA   |
| 2059 | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn            | Lý Gia           | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | BA   |
| 2060 | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn            | Trần Tú          | Hào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | BA   |
| 2061 | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên      | Trương Thị Xuân  | Hoa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 2     | 2003 | BA   |
| 2062 | Địa lý  | THPT Marie Curie           | Nguyễn Mạnh      | Khái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 2063 | Địa lý  | THPT Marie Curie           | Trần Thị Bảo     | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | BA   |
| 2064 | Địa lý  | THPT Ten Lơ Man            | Đặng Tuấn        | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 10    | 2003 | BA   |
| 2065 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Tổng Ái          | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 2066 | Địa lý  | THPT Hùng Vương            | Huỳnh Tấn        | Lộc    |    | Kiên Giang            | 26   | 3     | 2003 | BA   |
| 2067 | Địa lý  | THPT Trần Khai Nguyên      | Đặng Bảo         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | BA   |
| 2068 | Địa lý  | THPT Bùi Thị Xuân          | Đinh Ngọc Khánh  | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 2069 | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Diễm Thảo   | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | BA   |
| 2070 | Địa lý  | THPT Lê Quý Đôn            | Nguyễn Phan Hồng | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2071 | Địa lý  | THPT Hùng Vương            | Trần Thiên       | Nhạc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 6     | 2003 | BA   |
| 2072 | Địa lý  | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Ngọc Yến    | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 2     | 2003 | BA   |
| 2073 | Địa lý  | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lê Bảo Anh       | Thư    | X  | Quảng Ninh            | 10   | 8     | 2003 | BA   |
| 2074 | Địa lý  | THPT Nguyễn Thi Diệu       | Phan Đình        | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 2075 | Địa lý  | THPT Trần Hữu Trang        | Đỗ Mỹ            | Thúy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | BA   |
| 2076 | Hóa học | THPT Hoàng Hoa Thám        | Bùi Huỳnh Kim    | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 2077 | Hóa học | THPT Tam Phú               | Cao Thị Lan      | Anh    | X  | Thanh Hoá             | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2078 | Hóa học | THPT Gia Định              | Nguyễn Xuân Quí  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 2079 | Hóa học | THPT Trần Hưng Đạo         | Quần Vũ Hoàng    | Anh    |    | Nam Định              | 19   | 3     | 2003 | BA   |
| 2080 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ       | Phan Trần Thành  | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | BA   |
| 2081 | Hóa học | THPT Phú Nhuận             | Hoàng Minh       | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 7     | 2003 | BA   |
| 2082 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Tô Hoàng         | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | BA   |
| 2083 | Hóa học | THPT Võ Thị Sáu            | Thiệu Vũ Gia     | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 2084 | Hóa học | THPT Võ Thị Sáu            | Phan Lý Bảo      | Hạnh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 1     | 2003 | BA   |
| 2085 | Hóa học | THPT Phú Nhuận             | Nguyễn Trung     | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 2086 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ       | Đoàn Sinh        | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | BA   |
| 2087 | Hóa học | THPT Gia Định              | Đỗ Thành         | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 2088 | Hóa học | THPT An Dương Vương        | Lê Nguyễn Bảo    | Khang  |    | Đồng Nai              | 9    | 6     | 2003 | BA   |
| 2089 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Lê Quốc          | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 2090 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ       | Trần Ngọc Phương | Lam    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 2091 | Hóa học | THPT Trần Hưng Đạo         | Lê Hương         | Lan    | X  | Bình Phước            | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 2092 | Hóa học | THPT Phú Nhuận             | Trần Đỗ Phương   | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 7     | 2003 | BA   |
| 2093 | Hóa học | THPT Hoàng Hoa Thám        | Dương Phước      | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 2094 | Hóa học | THPT An Dương Vương        | Đinh Phạm Duy    | Long   |    | Tiền Giang            | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 2095 | Hóa học | THPT An Dương Vương        | Trần Nguyễn      | Mạnh   |    | Đồng Nai              | 12   | 12    | 2003 | BA   |
| 2096 | Hóa học | THPT Thủ Đức               | Huỳnh Nhật       | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 2097 | Hóa học | THPT Thủ Đức               | Lê Đăng          | Minh   |    | Quảng Ngãi            | 17   | 11    | 2003 | BA   |
| 2098 | Hóa học | THPT Thủ Đức               | Tạ Hiền          | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 2     | 2003 | BA   |
| 2099 | Hóa học | THPT Võ Thị Sáu            | Trần Bảo         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 2100 | Hóa học | THPT Hoàng Hoa Thám        | Trần Giang Đức   | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | BA   |
| 2101 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Hạnh      | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 2102 | Hóa học | THPT Thủ Đức               | Trần Khôi        | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | BA   |
| 2103 | Hóa học | THPT Hoàng Hoa Thám        | Trần Ngọc Quỳnh  | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 3     | 2003 | BA   |
| 2104 | Hóa học | THPT Trần Văn Giàu         | Cao Thành        | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | BA   |
| 2105 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ       | Vũ Ngọc          | Phượng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                          | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|---------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2106 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ            | Lê Võ Anh          | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 2107 | Hóa học | THPT Gia Định                   | Phạm Quang Trung   | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | BA   |
| 2108 | Hóa học | THPT Hoàng Hoa Thám             | Hồ Đắc             | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | BA   |
| 2109 | Hóa học | THPT Phú Nhuận                  | Nguyễn Tuấn        | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 2110 | Hóa học | THPT An Dương Vương             | Trần Đức Trọng     | Tâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 2111 | Hóa học | THPT Trần Hưng Đạo              | Nguyễn Ngọc        | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | BA   |
| 2112 | Hóa học | THPT Võ Thị Sáu                 | Phạm Hương         | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 7     | 2003 | BA   |
| 2113 | Hóa học | THPT Trần Văn Giàu              | Dương Đỗ Phương    | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 2114 | Hóa học | THPT Hoàng Hoa Thám             | Nguyễn Ngọc Thùy   | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2115 | Hóa học | THPT Tam Phú                    | Nguyễn Hữu Phan    | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 9     | 2003 | BA   |
| 2116 | Hóa học | THPT Nguyễn Công Trứ            | Nguyễn Ngọc Khả    | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2117 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Phạm Hoài Thảo     | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2002 | BA   |
| 2118 | Hóa học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Lê Võ Ngọc         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | BA   |
| 2119 | Hóa học | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Nguyễn Thúy        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | BA   |
| 2120 | Hóa học | THPT Tây Thạnh                  | Ngô Phúc           | Danh   |    | Quảng Ngãi            | 29   | 11    | 2003 | BA   |
| 2121 | Hóa học | THCS và THPT Nguyễn Khuyến      | Cù Huy             | Đạt    |    | Đồng Nai              | 25   | 12    | 2003 | BA   |
| 2122 | Hóa học | THPT An Lạc                     | Võ Quốc            | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 10    | 2003 | BA   |
| 2123 | Hóa học | THPT Tân Bình                   | Huỳnh Trí          | Hào    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | BA   |
| 2124 | Hóa học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Trần Thị Thu       | Hiền   | X  | Ninh Bình             | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 2125 | Hóa học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Trần Nguyễn Như    | Huệ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | BA   |
| 2126 | Hóa học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Nguyễn Cảnh        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 8     | 2003 | BA   |
| 2127 | Hóa học | THCS và THPT Trí Đức            | Nguyễn Sơn         | Huy    |    | Lâm Đồng              | 20   | 7     | 2003 | BA   |
| 2128 | Hóa học | THPT Tân Bình                   | Trương Đoàn Quang  | Hy     |    | Quảng Nam             | 11   | 2     | 2003 | BA   |
| 2129 | Hóa học | THPT Trần Phú                   | Nguyễn Mạnh        | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 2130 | Hóa học | THPT Tân Bình                   | Phạm Đăng          | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | BA   |
| 2131 | Hóa học | THPT Tây Thạnh                  | Ngô Nhật           | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 2132 | Hóa học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Nguyễn Hoàng Minh  | Phương |    | Long An               | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 2133 | Hóa học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Bùi Nhật           | Tân    |    | Bình Thuận            | 6    | 8     | 2003 | BA   |
| 2134 | Hóa học | THPT An Lạc                     | Đinh Thanh         | Trường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 2135 | Hóa học | THPT Đa Phước                   | Huỳnh Lê Quốc      | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 2136 | Hóa học | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Hứa Đại            | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | BA   |
| 2137 | Hóa học | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Bùi Nguyễn Minh    | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | BA   |
| 2138 | Hóa học | THPT Bình Chánh                 | Nguyễn Hữu         | Danh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 2139 | Hóa học | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Lý Quốc            | Hào    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 2140 | Hóa học | THPT Trần Quang Khải            | Nguyễn Thái        | Hoà    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | BA   |
| 2141 | Hóa học | THPT Bình Phú                   | Huỳnh Vũ           | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 2142 | Hóa học | THPT Nguyễn Tất Thành           | Lâm Hào            | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 2143 | Hóa học | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Bùi Trần Hà        | Mi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 2144 | Hóa học | THPT Nguyễn Khuyến              | Trần Hoàng         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | BA   |
| 2145 | Hóa học | THPT Nguyễn Khuyến              | Hồ Trúc            | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2146 | Hóa học | THPT Bình Phú                   | Thái Mỹ            | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | BA   |
| 2147 | Hóa học | THPT Lê Minh Xuân               | Lưu Văn            | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 2148 | Hóa học | THPT Nguyễn Hiền                | Ngô Thái           | Tổng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 2149 | Hóa học | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Vương Thị Thùy     | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 6     | 2003 | BA   |
| 2150 | Hóa học | THPT Bình Chánh                 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 2151 | Hóa học | TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm | Đào Phan Thị Trúc  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | BA   |
| 2152 | Hóa học | THPT Phước Long                 | Phạm Thế           | Bình   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | BA   |
| 2153 | Hóa học | THPT Tân Phong                  | Nguyễn Trần An     | Khanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2154 | Hóa học | THPT Nguyễn Huệ                 | Nguyễn Phú         | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | BA   |
| 2155 | Hóa học | THPT An Nghĩa                   | Lê Phúc            | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2156 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Lữ Hoàng           | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 2157 | Hóa học | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Hoàng       | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 4     | 2003 | BA   |
| 2158 | Hóa học | THPT Lý Thường Kiệt             | Dương Minh         | Châu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | BA   |
| 2159 | Hóa học | THPT Lý Thường Kiệt             | Lý Lâm Hải         | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | BA   |
| 2160 | Hóa học | THPT Võ Trường Toản             | Đỗ Minh            | Đức    |    | Cần Thơ               | 31   | 3     | 2003 | BA   |
| 2161 | Hóa học | THPT Quang Trung                | Trương Thuý        | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | BA   |
| 2162 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Đức         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | BA   |
| 2163 | Hóa học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Thanh       | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | BA   |
| 2164 | Hóa học | THPT Quang Trung                | Văn Anh            | Kỳ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | BA   |
| 2165 | Hóa học | THPT Trường Chinh               | Lê Đoàn Nhật       | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | BA   |
| 2166 | Hóa học | THPT Trung Lập                  | Tổ Trọng           | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 2167 | Hóa học | THPT Phú Hòa                    | Bùi Phương         | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi        | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2168 | Hóa học        | THPT Trung Lập                 | Nguyễn Minh       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 2169 | Hóa học        | THPT Trường Chinh              | Nguyễn Văn        | Thờ    |    | Thừa Thiên - Huế      | 13   | 9     | 2002 | BA   |
| 2170 | Hóa học        | THPT Củ Chi                    | Nguyễn Huỳnh Thủy | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 9     | 2003 | BA   |
| 2171 | Hóa học        | THPT Bà Điểm                   | Nguyễn Ngọc       | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | BA   |
| 2172 | Hóa học        | THPT Củ Chi                    | Hà Lê Bảo         | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | BA   |
| 2173 | Hóa học        | THPT Củ Chi                    | Nguyễn Nhật       | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | BA   |
| 2174 | Hóa học        | THPT Võ Trường Toản            | Vũ Đức            | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 5     | 2003 | BA   |
| 2175 | Hóa học        | THPT Nguyễn Hữu Cầu            | Lê Hồ Quang       | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 2176 | Hóa học        | THPT Lương Thế Vinh            | Mai Nguyễn Văn    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 2177 | Hóa học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Nguyễn Duy        | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | BA   |
| 2178 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Công         | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 2     | 2003 | BA   |
| 2179 | Hóa học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Mai          | Chi    | X  | Hà Nội                | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 2180 | Hóa học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Nguyễn Phạm Đình  | Chương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | BA   |
| 2181 | Hóa học        | THPT Marie Curie               | Nguyễn Ngọc Khánh | Đoan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 2182 | Hóa học        | THPT Trần Khai Nguyên          | Nguyễn Đặng Ân    | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 2183 | Hóa học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Lê Hoàng          | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 2184 | Hóa học        | Trung học thực hành DHSP TPHCM | Lưu Quốc          | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | BA   |
| 2185 | Hóa học        | THPT Lương Thế Vinh            | Hoàng Lê Gia      | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 2186 | Hóa học        | THPT Lê Quý Đôn                | Huỳnh Hữu         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 2187 | Hóa học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Trương Hữu        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | BA   |
| 2188 | Hóa học        | THPT Marie Curie               | Nguyễn Khánh      | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2189 | Hóa học        | Trung học thực hành DHSP TPHCM | Phạm Đoàn Gia     | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 4     | 2003 | BA   |
| 2190 | Hóa học        | THPT Lương Thế Vinh            | Huỳnh Kim         | Khánh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 12    | 2003 | BA   |
| 2191 | Hóa học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Hoàng      | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | BA   |
| 2192 | Hóa học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Bá Thiên   | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | BA   |
| 2193 | Hóa học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Mai Xuân          | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 2194 | Hóa học        | THPT Trưng Vương               | Trần Bảo          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | BA   |
| 2195 | Hóa học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đinh Huỳnh Tuyết  | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | BA   |
| 2196 | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Đỗ Lê Hồng        | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | BA   |
| 2197 | Hóa học        | THPT Hùng Vương                | Trần Tuấn         | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 9     | 2003 | BA   |
| 2198 | Hóa học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai      | Đỗ Thị Thanh      | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 2199 | Hóa học        | THPT Marie Curie               | Trần Ngọc Anh     | Tâm    | X  | Lâm Đồng              | 29   | 6     | 2003 | BA   |
| 2200 | Hóa học        | THPT Hùng Vương                | Đỗ Quốc           | Thống  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 2201 | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Nguyễn Thị Mộng   | Thu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2202 | Hóa học        | THPT Hùng Vương                | Trịnh Trần Anh    | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 5     | 2003 | BA   |
| 2203 | Hóa học        | THPT Lê Quý Đôn                | Nguyễn Thanh      | Thuân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | BA   |
| 2204 | Hóa học        | THPT Trưng Vương               | Nguyễn Hoàng      | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 2205 | Hóa học        | THPT Hùng Vương                | Huỳnh Gia         | Vĩ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | BA   |
| 2206 | Hóa học        | THPT Bùi Thị Xuân              | Lữ Kim            | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 2207 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Đoàn Văn   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 2208 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Hoàng Tuấn | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 7     | 2003 | BA   |
| 2209 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Vỹ         | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 2210 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Phạm Huỳnh Nguyệt | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 2211 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Văn Chí           | Bảo    |    | Bến Tre               | 7    | 8     | 2003 | BA   |
| 2212 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Phúc         | Chánh  |    | Quảng Bình            | 9    | 7     | 2003 | BA   |
| 2213 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Huỳnh Trí         | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 2214 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Phúc Minh  | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 2215 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Gia        | Hào    |    | Phú Yên               | 24   | 1     | 2003 | BA   |
| 2216 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phạm Huy          | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 9     | 2003 | BA   |
| 2217 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Đỗ Nguyễn Anh     | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 2218 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Nguyễn Đăng    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 2219 | Hóa học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Thái Ngọc Minh    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 4     | 2003 | BA   |
| 2220 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Tuấn       | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | BA   |
| 2221 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Hồ Nguyễn Thiên   | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 7     | 2003 | BA   |
| 2222 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                  | Phạm Phương       | Lan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | BA   |
| 2223 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hoàng Viết        | Lân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 5     | 2003 | BA   |
| 2224 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Nguyễn Thị Trúc   | Linh   | X  | Lâm Đồng              | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2225 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Ngọc           | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 7     | 2003 | BA   |
| 2226 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Võ Công    | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | BA   |
| 2227 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Lê Hà        | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 11    | 2003 | BA   |
| 2228 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Ngọc       | Mỹ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 2229 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định                  | Lê Trung          | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi        | Trường                    | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|---------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2230 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Du Long           | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | BA   |
| 2231 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Hoàng Minh Như    | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2003 | BA   |
| 2232 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Phan Tất Khôi     | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | BA   |
| 2233 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định             | Hoàng Minh        | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 2234 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Lê Phạm Yến       | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 8     | 2003 | BA   |
| 2235 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Nguyễn Vinh Thiên | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | BA   |
| 2236 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Đỗ Thị Hồng       | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 2237 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Trương Diễm       | Phúc   | X  | Vĩnh Long             | 16   | 3     | 2003 | BA   |
| 2238 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định             | Trần Nguyễn Nam   | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 2239 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Đoàn Duy          | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 2240 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Nguyễn Văn        | Quân   |    | Bắc Ninh              | 6    | 2     | 2003 | BA   |
| 2241 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong | Trần Gia          | Quý    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | BA   |
| 2242 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Lê Diễm           | Quỳnh  | X  | Quảng Nam             | 15   | 12    | 2003 | BA   |
| 2243 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Lê Nguyễn Lập     | Son    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 2244 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Nguyễn Thị Thu    | Sương  | X  | Quảng Nam             | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 2245 | Hóa học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong | Nguyễn Thị Thiên  | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2246 | Hóa học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi         | Kiểu Công         | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 2247 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Bùi Đỗ Tấn        | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 2248 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Bùi Thị Kim       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | BA   |
| 2249 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Vũ Đoàn Thanh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 2250 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định             | Hoàng Xuân        | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 2251 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định             | Đỗ Minh           | Triết  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | BA   |
| 2252 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Phan Đình         | Trung  |    | Thừa Thiên - Huế      | 7    | 2     | 2003 | BA   |
| 2253 | Hóa học chuyên | THPT Gia Định             | Nguyễn Ngọc Cẩm   | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | BA   |
| 2254 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Trương Đình Anh   | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 3     | 2003 | BA   |
| 2255 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Lâm Nguyễn Quang  | Tuệ    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 2256 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Huỳnh Ngọc Thanh  | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 2257 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Dương Trọng       | Vân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2258 | Hóa học chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Phạm Hoàng Yến    | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 2259 | Lịch sử        | THPT Đào Sơn Tây          | Bùi Nguyễn Tuyết  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 2260 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Trần Phạm Đình    | Đức    |    | Đắk Lắk               | 2    | 1     | 2003 | BA   |
| 2261 | Lịch sử        | THPT Hiệp Bình            | Nguyễn Huỳnh Thùy | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 6     | 2003 | BA   |
| 2262 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ      | Phạm Mai Nam      | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 2     | 2003 | BA   |
| 2263 | Lịch sử        | THPT Võ Thị Sáu           | Nguyễn Phương     | Hoàng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | BA   |
| 2264 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Đoàn Ngọc Quỳnh   | Hương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | BA   |
| 2265 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu        | Nguyễn Thy        | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | BA   |
| 2266 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Phạm Thanh        | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | BA   |
| 2267 | Lịch sử        | THPT Hoàng Hoa Thám       | Huỳnh Viễn        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | BA   |
| 2268 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Công Trứ      | Mai Nguyễn Bảo    | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | BA   |
| 2269 | Lịch sử        | THPT Phan Đăng Lưu        | Trần Ngọc Quỳnh   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | BA   |
| 2270 | Lịch sử        | THPT Hoàng Hoa Thám       | Nguyễn Phan Thành | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | BA   |
| 2271 | Lịch sử        | THPT Trần Hưng Đạo        | Châu Nhật         | Thanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 2272 | Lịch sử        | THPT Đào Sơn Tây          | Dương Phú         | Thịnh  |    | Quảng Trị             | 8    | 9     | 2003 | BA   |
| 2273 | Lịch sử        | THPT Gia Định             | Nguyễn Ngọc Minh  | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2274 | Lịch sử        | THPT Hoàng Hoa Thám       | Vũ Ngọc Anh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | BA   |
| 2275 | Lịch sử        | THPT Trần Văn Giàu        | Lương Ngọc        | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 2276 | Lịch sử        | THPT Gò Vấp               | Phạm Huyền        | Trân   | X  | Hải Dương             | 10   | 3     | 2003 | BA   |
| 2277 | Lịch sử        | THPT Hoàng Hoa Thám       | Trần Hương        | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 2278 | Lịch sử        | THPT Hiệp Bình            | Lư Triệu          | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | BA   |
| 2279 | Lịch sử        | THPT Gò Vấp               | Phan Thanh        | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | BA   |
| 2280 | Lịch sử        | THPT Tây Thạnh            | Trần Ngọc Uyên    | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 2281 | Lịch sử        | THCS và THPT Trần Cao Vân | Đoàn Văn          | Thiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 7     | 2003 | BA   |
| 2282 | Lịch sử        | THPT Tân Bình             | Tô Ngọc           | Thương | X  | Bến Tre               | 12   | 3     | 2003 | BA   |
| 2283 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Lê Nguyễn Việt    | Tiến   |    | Bình Định             | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 2284 | Lịch sử        | THCS và THPT Ngôi Sao     | Đỗ Thị Hương      | Trâm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 12    | 2003 | BA   |
| 2285 | Lịch sử        | THPT Tây Thạnh            | Đinh Thị Đoàn     | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | BA   |
| 2286 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Trần Hoàng Phương | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | BA   |
| 2287 | Lịch sử        | THPT An Lạc               | Dương Thúy        | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | BA   |
| 2288 | Lịch sử        | THPT Tân Bình             | Lê Hoàng Thúy     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 10    | 2003 | BA   |
| 2289 | Lịch sử        | THPT Nguyễn Thái Bình     | Huỳnh Lê Bảo      | Yên    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 2290 | Lịch sử        | THPT Vĩnh Lộc             | Nguyễn Hoàng      | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 2291 | Lịch sử        | THCS và THPT Trần Cao Vân | Vương Mỹ          | Bình   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                       | Họ                  | Tên   | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|------------------------------|---------------------|-------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2292 | Lịch sử | THPT Bình Tân                | Lê Phụng            | Giao  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 2293 | Lịch sử | THPT Tân Bình                | Nguyễn Ngọc Bảo     | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | BA   |
| 2294 | Lịch sử | THCS và THPT Phan Châu Trinh | Kiều Quý Công       | Hào   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | BA   |
| 2295 | Lịch sử | THPT Trần Phú                | Nguyễn Ngọc Minh    | Hậu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 2296 | Lịch sử | THPT Nguyễn Thái Bình        | Nguyễn Thị Mai      | Hoa   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 2297 | Lịch sử | THPT Bình Tân                | Lê Thị Thuý         | Huyền | X  | Nam Định              | 12   | 2     | 2003 | BA   |
| 2298 | Lịch sử | THPT Bình Tân                | Nguyễn Thị Kim      | Huyền | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | BA   |
| 2299 | Lịch sử | THPT Trần Phú                | Trần Anh            | Kiệt  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 7     | 2003 | BA   |
| 2300 | Lịch sử | THPT Tân Bình                | Nguyễn Thị Hoàng    | Kim   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 2301 | Lịch sử | THCS và THPT Phan Châu Trinh | Nguyễn Trần Thanh   | Nga   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 3     | 2003 | BA   |
| 2302 | Lịch sử | THPT Nguyễn Thượng Hiền      | Nguyễn Minh         | Ngọc  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 2303 | Lịch sử | THPT Trần Phú                | Đỗ Thị Tuyết        | Như   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | BA   |
| 2304 | Lịch sử | THPT Võ Văn Kiệt             | Tất Gia             | Ân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 3     | 2003 | BA   |
| 2305 | Lịch sử | THPT Nguyễn Văn Linh         | Bùi Quỳnh           | Anh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 2306 | Lịch sử | THPT Tạ Quang Bửu            | Mai Đặng Đông       | Anh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | BA   |
| 2307 | Lịch sử | THPT Lê Minh Xuân            | Nguyễn Phương Thành | Công  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | BA   |
| 2308 | Lịch sử | THPT Nguyễn Du               | Nguyễn Minh         | Cường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | BA   |
| 2309 | Lịch sử | THPT Tân Túc                 | Nguyễn Minh         | Đạt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | BA   |
| 2310 | Lịch sử | THPT Nguyễn Tất Thành        | Nguyễn Minh         | Đức   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 2311 | Lịch sử | THPT Tạ Quang Bửu            | Diệp Mai Gia        | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | BA   |
| 2312 | Lịch sử | THPT Nguyễn Du               | Lê Trần Bảo         | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2313 | Lịch sử | THPT Mạc Đĩnh Chi            | Tăng Gia            | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 5     | 2003 | BA   |
| 2314 | Lịch sử | THPT Mạc Đĩnh Chi            | Trần Nhật           | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 2315 | Lịch sử | THPT Lương Văn Can           | Thiều Tuấn          | Khang |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 10    | 2003 | BA   |
| 2316 | Lịch sử | THPT Lê Minh Xuân            | Hứa Trần Mai        | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 2317 | Lịch sử | THPT Nguyễn Du               | Nguyễn Thụy Khánh   | Linh  | X  | An Giang              | 26   | 9     | 2003 | BA   |
| 2318 | Lịch sử | THPT Mạc Đĩnh Chi            | Phùng Lê Phương     | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 4     | 2003 | BA   |
| 2319 | Lịch sử | THCS và THPT Diên Hồng       | Nguyễn Lê Duy       | Long  |    | Quảng Ngãi            | 14   | 6     | 2003 | BA   |
| 2320 | Lịch sử | THPT Mạc Đĩnh Chi            | Huỳnh Ngọc Kim      | Lý    | X  | Tiền Giang            | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 2321 | Lịch sử | THPT Lương Văn Can           | Phan Nguyễn Quý     | Mùi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 5     | 2003 | BA   |
| 2322 | Lịch sử | THPT Bình Phú                | Chê Lồng            | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | BA   |
| 2323 | Lịch sử | THPT Võ Văn Kiệt             | Lê Trương Ngọc      | Phụng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | BA   |
| 2324 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hiền             | Trần Thị Kim        | Phụng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 2325 | Lịch sử | THPT Bình Chánh              | Lại Ngọc Anh        | Thư   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 10    | 2003 | BA   |
| 2326 | Lịch sử | THPT Nguyễn Du               | Nguyễn Ngọc Anh     | Thư   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | BA   |
| 2327 | Lịch sử | THPT Tạ Quang Bửu            | Nguyễn Ngọc Anh     | Thư   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | BA   |
| 2328 | Lịch sử | THPT Lương Văn Can           | Nguyễn Hồng Nhã     | Thy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | BA   |
| 2329 | Lịch sử | THPT Bình Phú                | Lâm Võ Thị Thủy     | Tiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | BA   |
| 2330 | Lịch sử | THPT Lê Minh Xuân            | Phạm Hoàng Diệp     | Tiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | BA   |
| 2331 | Lịch sử | THPT Võ Văn Kiệt             | Võ Thị Cẩm          | Tiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | BA   |
| 2332 | Lịch sử | THPT Lương Văn Can           | Trần Ngọc Bảo       | Trần  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 6     | 2003 | BA   |
| 2333 | Lịch sử | THPT Tạ Quang Bửu            | Nguyễn Thị Phương   | Uyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | BA   |
| 2334 | Lịch sử | THPT Bình Chánh              | Châu Nguyễn Như     | Ý     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | BA   |
| 2335 | Lịch sử | THPT Lương Văn Can           | Nguyễn Hoàng Kim    | Yến   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 11    | 2003 | BA   |
| 2336 | Lịch sử | THPT Nam Sài Gòn             | Nguyễn Mỹ           | Anh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 7     | 2003 | BA   |
| 2337 | Lịch sử | THCS và THPT Đinh Thiện Lý   | Nguyễn Xuân         | Anh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | BA   |
| 2338 | Lịch sử | THPT Tân Phong               | Châu Ngọc           | Dàng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 2339 | Lịch sử | THPT Nguyễn Huệ              | Nguyễn Thành        | Đạt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 2340 | Lịch sử | THCS và THPT Đức Trí         | Đỗ Nguyễn Cát       | Du    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | BA   |
| 2341 | Lịch sử | THPT Cần Thạnh               | Trần Ngô Ngọc       | Hiếu  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 2342 | Lịch sử | THPT Nguyễn Huệ              | Nguyễn Đình         | Hoàng |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | BA   |
| 2343 | Lịch sử | THPT Nam Sài Gòn             | Lê Gia              | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | BA   |
| 2344 | Lịch sử | THPT Nguyễn Huệ              | Nguyễn Đăng         | Khoa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | BA   |
| 2345 | Lịch sử | THCS và THPT Đức Trí         | Trần Phạm Thủy      | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | BA   |
| 2346 | Lịch sử | THCS và THPT Đinh Thiện Lý   | Phạm Lê             | Minh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 3     | 2003 | BA   |
| 2347 | Lịch sử | THPT Nam Sài Gòn             | Lê Thảo             | My    | X  | Nghệ An               | 1    | 5     | 2003 | BA   |
| 2348 | Lịch sử | THPT Ngô Quyền               | Nguyễn Huỳnh Thuý   | Ngọc  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 2349 | Lịch sử | THPT Ngô Quyền               | Nguyễn Duy          | Phong |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 7     | 2003 | BA   |
| 2350 | Lịch sử | THCS và THPT Đinh Thiện Lý   | Ngô Việt            | Son   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 3     | 2003 | BA   |
| 2351 | Lịch sử | THPT Bình Khánh              | Huỳnh Thị Ngọc      | Thảo  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | BA   |
| 2352 | Lịch sử | THPT Phước Kiển              | Nguyễn Thị          | Thảo  | X  | Hải Dương             | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 2353 | Lịch sử | THPT Bình Khánh              | Nguyễn Thị Bảo      | Trần  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                          | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|---------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2354 | Lịch sử | THCS và THPT Đức Trí            | Bùi Lê Phúc       | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | BA   |
| 2355 | Lịch sử | THCS và THPT Đình Thiện Lý      | Lư Đình Mỹ        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 3     | 2003 | BA   |
| 2356 | Lịch sử | THPT Nguyễn Văn Cừ              | Bùi Ngọc          | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | BA   |
| 2357 | Lịch sử | THPT An Nhơn Tây                | Lê Thị Tú         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | BA   |
| 2358 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Trần Huy          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | BA   |
| 2359 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Thái Khánh | Bằng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2360 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Nguyễn Song Cẩm   | Cát    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | BA   |
| 2361 | Lịch sử | THPT Trung Lập                  | Lê Thị Hồng       | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 2362 | Lịch sử | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Ngọc       | Diễm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 2363 | Lịch sử | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Lê Thùy    | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 1     | 2003 | BA   |
| 2364 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Kim        | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 2365 | Lịch sử | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Minh       | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2366 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hữu Tiến            | Trịnh Anh Tuấn    | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | BA   |
| 2367 | Lịch sử | THPT Bà Điểm                    | Nguyễn Vũ Trúc    | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | BA   |
| 2368 | Lịch sử | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Đặng Uyển  | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | BA   |
| 2369 | Lịch sử | THPT Trường Chinh               | Phùng Diễm Hải    | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | BA   |
| 2370 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Huỳnh Diệu        | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 2371 | Lịch sử | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Đức        | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | BA   |
| 2372 | Lịch sử | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Phạm Quốc  | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | BA   |
| 2373 | Lịch sử | THPT Cù Chi                     | Lê Nguyễn Minh    | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 2374 | Lịch sử | THPT Cù Chi                     | Lê Đình           | Trí    |    | Long An               | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 2375 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Đặng Kiều         | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 2376 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Võ Hoàng Mỹ       | Trình  | X  | Đồng Nai              | 2    | 11    | 2003 | BA   |
| 2377 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Hồ Linh           | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | BA   |
| 2378 | Lịch sử | THPT An Nhơn Tây                | Lê Thị Cẩm        | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | BA   |
| 2379 | Lịch sử | THPT Phạm Văn Sáng              | Đoàn Thu          | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | BA   |
| 2380 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Đại Phương | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2381 | Lịch sử | THPT Lương Thế Vinh             | Hồ Minh Uyên      | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 5     | 2003 | BA   |
| 2382 | Lịch sử | THPT Trưng Vương                | Trần Ngọc Phương  | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 3     | 2003 | BA   |
| 2383 | Lịch sử | THPT Marie Curie                | Trần Duy          | Tôn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | BA   |
| 2384 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên           | Lê Thị Ngọc       | Trâm   | X  | Bến Tre               | 15   | 6     | 2003 | BA   |
| 2385 | Lịch sử | THPT Lê Quý Đôn                 | Nguyễn Văn Thành  | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 2386 | Lịch sử | THPT Ten Lơ Man                 | Nguyễn Thị Kiều   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 2387 | Lịch sử | THPT Ten Lơ Man                 | Lê                | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 2388 | Lịch sử | THPT Hùng Vương                 | Phùng Thị Kim     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | BA   |
| 2389 | Lịch sử | THPT Lương Thế Vinh             | Liêu Gia          | Cầm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | BA   |
| 2390 | Lịch sử | THPT Giồng Ông Tố               | Phạm Ngọc Bảo     | Châu   | X  | Khánh Hòa             | 25   | 5     | 2003 | BA   |
| 2391 | Lịch sử | THPT Hùng Vương                 | Lê Thị Ngọc       | Giàu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 10    | 2003 | BA   |
| 2392 | Lịch sử | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Hoàng Bích Ngân   | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | BA   |
| 2393 | Lịch sử | THPT Lương Thế Vinh             | Nguyễn Ngọc Gia   | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | BA   |
| 2394 | Lịch sử | THPT Lương Thế Vinh             | Nguyễn Thị Xuân   | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 2395 | Lịch sử | THPT Trưng Vương                | Trần Quỳnh        | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | BA   |
| 2396 | Lịch sử | THPT Trưng Vương                | Hứa Bảo           | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2001 | BA   |
| 2397 | Lịch sử | THPT Nguyễn Thị Diệu            | Hà Bảo            | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | BA   |
| 2398 | Lịch sử | THPT Trần Hữu Trang             | Nguyễn Mai Hồng   | Nghĩa  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | BA   |
| 2399 | Lịch sử | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Trần Quốc Sỹ      | Nguyên |    | Đắk Lắk               | 24   | 4     | 2003 | BA   |
| 2400 | Lịch sử | THPT Nguyễn Thị Diệu            | Tào Mẫn           | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 7     | 2003 | BA   |
| 2401 | Lịch sử | THPT Nguyễn Hữu Thọ             | Trần Cao Ái       | Nhi    | X  | Ninh Thuận            | 23   | 10    | 2003 | BA   |
| 2402 | Lịch sử | THPT Hùng Vương                 | Nguyễn Hồ Minh    | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | BA   |
| 2403 | Lịch sử | THPT Lương Thế Vinh             | Trần Ngọc         | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 2404 | Lịch sử | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Bùi Thị Cẩm       | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | BA   |
| 2405 | Lịch sử | THPT Trần Khai Nguyên           | Đào Hoàng         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 10    | 2003 | BA   |
| 2406 | Lịch sử | THPT Lương Thế Vinh             | Mai Thế Gia       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | BA   |
| 2407 | Lịch sử | THPT Ten Lơ Man                 | Lý Quốc           | Thái   |    | Vĩnh Long             | 27   | 1     | 2003 | BA   |
| 2408 | Lịch sử | Trung học thực hành Sài Gòn     | Vô Thị Thiên      | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | BA   |
| 2409 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu              | Đỗ Thu Trâm       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | BA   |
| 2410 | Ngữ văn | THPT Trần Hưng Đạo              | Nguyễn Hà         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 2411 | Ngữ văn | THPT Hoàng Hoa Thám             | Nguyễn Ngọc Mai   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | BA   |
| 2412 | Ngữ văn | THPT Gò Vấp                     | Nguyễn Ngọc Tú    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | BA   |
| 2413 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Trung Trực          | Phạm Vãn          | Anh    | X  | Cần Thơ               | 27   | 10    | 2003 | BA   |
| 2414 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận                  | Nguyễn Gia        | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 2415 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ            | Hồ Ngọc Trúc      | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 10    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                    | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|---------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2416 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu           | Nguyễn Bích         | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2417 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Quốc Tế  | Nguyễn Huỳnh Nguyệt | Hà     | X  | Lâm Đồng              | 2    | 1     | 2003 | BA   |
| 2418 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ      | Nguyễn Dương Kiều   | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | BA   |
| 2419 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức              | Hồ Ngọc             | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 6     | 2003 | BA   |
| 2420 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Phạm Lê             | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 2     | 2003 | BA   |
| 2421 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ      | Nguyễn Quang        | Khái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 8     | 2003 | BA   |
| 2422 | Ngữ văn | THPT Tam Phú              | Nguyễn Dương Thụy   | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | BA   |
| 2423 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận            | Nguyễn Đỗ Duy       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | BA   |
| 2424 | Ngữ văn | THCS và THPT Hồng Hà      | Hoàng               | Lan    | X  | Hà Nam                | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2425 | Ngữ văn | THPT Phan Đăng Lưu        | Đặng Thùy           | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 2426 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận            | Vũ Thụy Phương      | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | BA   |
| 2427 | Ngữ văn | THPT Hiệp Bình            | Nguyễn Thị          | Mai    | X  | Thái Bình             | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 2428 | Ngữ văn | THPT Gò Vấp               | Trần La Tuệ         | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | BA   |
| 2429 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Huân      | Nguyễn Hoàng Kim    | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 12    | 2003 | BA   |
| 2430 | Ngữ văn | THPT Phú Nhuận            | Đỗ Băng             | Nguyệt | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 1     | 2003 | BA   |
| 2431 | Ngữ văn | THPT Gò Vấp               | Cao Ngọc            | Nhạn   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | BA   |
| 2432 | Ngữ văn | THPT Hoàng Hoa Thám       | Lê Ngọc Yến         | Nhi    | X  | Đồng Nai              | 12   | 3     | 2003 | BA   |
| 2433 | Ngữ văn | THPT Tam Phú              | Phạm Nguyễn Yến     | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | BA   |
| 2434 | Ngữ văn | THPT Hiệp Bình            | Nguyễn Lê Quỳnh     | Như    | X  | Bình Định             | 6    | 4     | 2003 | BA   |
| 2435 | Ngữ văn | THPT Gia Định             | Nguyễn Trần Khánh   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | BA   |
| 2436 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ      | Lê Nguyễn Nam       | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 2003 | BA   |
| 2437 | Ngữ văn | THPT Linh Trung           | Nguyễn Ngọc Minh    | Phương | X  | Bến Tre               | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 2438 | Ngữ văn | THCS và THPT Hồng Hà      | Trần Khánh          | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | BA   |
| 2439 | Ngữ văn | THPT Gia Định             | Nguyễn Anh          | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | BA   |
| 2440 | Ngữ văn | THPT Hàn Thuyên           | Nguyễn Ngọc         | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | BA   |
| 2441 | Ngữ văn | THPT Linh Trung           | Nguyễn Diễm         | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 2442 | Ngữ văn | THPT Gò Vấp               | Nguyễn Lã Nhật      | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | BA   |
| 2443 | Ngữ văn | THPT Đồng Dương           | Nguyễn Ngọc Như     | Quỳnh  | X  | Quảng Trị             | 28   | 8     | 2003 | BA   |
| 2444 | Ngữ văn | THPT Trần Văn Giàu        | Phạm Lê Như         | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 3     | 2003 | BA   |
| 2445 | Ngữ văn | THPT Tam Phú              | Trần Thị Thảo       | Quỳnh  | X  | Nam Định              | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 2446 | Ngữ văn | THPT Tam Phú              | Nguyễn Vũ Anh       | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | BA   |
| 2447 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ      | Nguyễn Ngọc Quỳnh   | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 7     | 2003 | BA   |
| 2448 | Ngữ văn | THPT Thanh Đa             | Hà Phương           | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | BA   |
| 2449 | Ngữ văn | THPT Tam Phú              | Ngô Thị Bích        | Thảo   | X  | Quảng Ngãi            | 16   | 3     | 2003 | BA   |
| 2450 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Trung Trực    | Võ Thanh            | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 7     | 2003 | BA   |
| 2451 | Ngữ văn | THPT Võ Thị Sáu           | Lê Phan Kỳ          | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 5     | 2003 | BA   |
| 2452 | Ngữ văn | THPT An Dương Vương       | Phạm Anh            | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | BA   |
| 2453 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức              | Phạm Nguyễn Minh    | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 2454 | Ngữ văn | THPT An Dương Vương       | Vũ Ngọc Minh        | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | BA   |
| 2455 | Ngữ văn | TH, THCS và THPT Việt Anh | Vũ Đức Ninh         | Thuận  |    | Bình Dương            | 23   | 10    | 2003 | BA   |
| 2456 | Ngữ văn | THPT Linh Trung           | Nguyễn Thị Cẩm      | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 3     | 2003 | BA   |
| 2457 | Ngữ văn | THPT Hoàng Hoa Thám       | Nguyễn Ngọc         | Trâm   | X  | Gia Lai               | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 2458 | Ngữ văn | THPT Tam Phú              | Lê Nguyễn Bảo       | Trân   | X  | Bình Dương            | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 2459 | Ngữ văn | THPT Gia Định             | Nguyễn Lê Bảo       | Trân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 2460 | Ngữ văn | THPT Gò Vấp               | Đặng Thị Huyền      | Trang  | X  | Hải Dương             | 11   | 3     | 2003 | BA   |
| 2461 | Ngữ văn | THCS và THPT Hồng Hà      | Huỳnh Ngọc Thùy     | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2462 | Ngữ văn | THPT Hàn Thuyên           | Trần Ngọc Phương    | Trình  | X  | Đồng Tháp             | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 2463 | Ngữ văn | THPT Hoàng Hoa Thám       | Nguyễn Anh          | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 2464 | Ngữ văn | THPT Thủ Đức              | Đoàn Nguyễn Thanh   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | BA   |
| 2465 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Công Trứ      | Nguyễn Thanh        | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 7     | 2003 | BA   |
| 2466 | Ngữ văn | THPT An Lạc               | Nguyễn Thị Thu      | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 2467 | Ngữ văn | THCS và THPT Trí Đức      | Trần Thị Vân        | Anh    | X  | Lâm Đồng              | 29   | 5     | 2003 | BA   |
| 2468 | Ngữ văn | THPT Vĩnh Lộc             | Nguyễn Thị Hồng     | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 8     | 2003 | BA   |
| 2469 | Ngữ văn | THPT Bình Hưng Hòa        | Trương Ngọc         | Hạnh   | X  | Đắk Lắk               | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 2470 | Ngữ văn | THPT Bình Hưng Hòa        | Ngô Thị Thu         | Hiền   | X  | Bắc Ninh              | 11   | 3     | 2003 | BA   |
| 2471 | Ngữ văn | THPT Tân Bình             | Huỳnh Thị Bích      | Huệ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | BA   |
| 2472 | Ngữ văn | THPT Vĩnh Viễn            | Nguyễn Thị Mai      | Hương  | X  | Thái Bình             | 8    | 7     | 2003 | BA   |
| 2473 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh            | Đặng Thị Thanh      | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 10    | 2003 | BA   |
| 2474 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thượng Hiền   | Đinh Ngọc           | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 2475 | Ngữ văn | THCS và THPT Hồng Đức     | Hà Thu              | Huyền  | X  | Đồng Nai              | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 2476 | Ngữ văn | THCS và THPT Hồng Đức     | Vũ Khánh            | Huyền  | X  | Sơn La                | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 2477 | Ngữ văn | THPT Bình Hưng Hòa        | Nguyễn Kim Hồng     | Liên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                              | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|-------------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2478 | Ngữ văn | THCS và THPT Trí Đức                | Đào Nguyễn Hồng    | Linh   | X  | Bình Định             | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 2479 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thượng Hiền             | Trần Gia           | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | BA   |
| 2480 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Bảo         | Ly     | X  | Bình Định             | 10   | 8     | 2003 | BA   |
| 2481 | Ngữ văn | THPT An Lạc                         | Nguyễn Huỳnh       | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 2482 | Ngữ văn | THPT Vĩnh Lộc                       | Vũ Lê Thanh        | Mai    | X  | Cà Mau                | 12   | 3     | 2003 | BA   |
| 2483 | Ngữ văn | THCS và THPT Thái Bình              | Hoàng Ngọc Bình    | Minh   |    | Đồng Nai              | 24   | 1     | 2003 | BA   |
| 2484 | Ngữ văn | THPT Lê Trọng Tấn                   | Nguyễn Song Bảo    | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 9     | 2003 | BA   |
| 2485 | Ngữ văn | THCS và THPT Thái Bình              | Phan Hoàng Bảo     | Ngọc   | X  | An Giang              | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2486 | Ngữ văn | THCS và THPT Trần Cao Vân           | Quách Bích         | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 2487 | Ngữ văn | THPT An Lạc                         | Trang Kim          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | BA   |
| 2488 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cánh                | Lê Thị Yến         | Nhi    | X  | Bình Định             | 8    | 6     | 2003 | BA   |
| 2489 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh                      | Thị Thị Hồng       | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 7     | 2003 | BA   |
| 2490 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Chí Thanh               | Trần Thiên         | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | BA   |
| 2491 | Ngữ văn | THCS và THPT Phan Châu Trinh        | Lê Thảo            | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 6     | 2003 | BA   |
| 2492 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                       | Lê Vũ Tâm          | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 5     | 2003 | BA   |
| 2493 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Thị Nam     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | BA   |
| 2494 | Ngữ văn | THCS và THPT Phan Châu Trinh        | Trương Thúy        | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | BA   |
| 2495 | Ngữ văn | THPT Nhân Việt                      | Trần Nguyễn Thanh  | Son    |    | Ninh Bình             | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 2496 | Ngữ văn | THPT Bình Tân                       | Trần Nhật Thiên    | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 7     | 2003 | BA   |
| 2497 | Ngữ văn | THCS và THPT Trần Cao Vân           | Châu Ngọc Hạnh     | Thảo   | X  | Vĩnh Long             | 17   | 11    | 2003 | BA   |
| 2498 | Ngữ văn | THPT Trần Phú                       | Phạm Phương        | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 2499 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Chí Thanh               | Đào Huy            | Thông  |    | Hà Tây                | 15   | 12    | 2003 | BA   |
| 2500 | Ngữ văn | THCS và THPT Nhân Văn               | Nguyễn Ngọc Anh    | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 2501 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cánh                | Hồ Công            | Thuận  |    | Quảng Ngãi            | 26   | 9     | 2003 | BA   |
| 2502 | Ngữ văn | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Ngọc Phương | Thúy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 2503 | Ngữ văn | THPT Bình Hưng Hòa                  | Chương Phi         | Thúy   | X  | Đồng Nai              | 13   | 1     | 2003 | BA   |
| 2504 | Ngữ văn | THPT An Lạc                         | Võ Hoàng Mỹ        | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 4     | 2003 | BA   |
| 2505 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                       | Lê Hoàng Uyên      | Trần   | X  | Quảng Nam             | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 2506 | Ngữ văn | THCS và THPT Thái Bình              | Nguyễn Quỳnh       | Trang  | X  | Hà Nội                | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 2507 | Ngữ văn | THPT Bình Hưng Hòa                  | Đặng Thị           | Trúc   | X  | Quảng Nam             | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 2508 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thượng Hiền             | Nguyễn Ngọc Thanh  | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 2509 | Ngữ văn | THPT Tân Bình                       | Đặng Nguyễn        | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 2510 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Thượng Hiền             | Hồ Ngọc Thúy       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | BA   |
| 2511 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Du                      | Bùi Nguyễn Trâm    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 5     | 2003 | BA   |
| 2512 | Ngữ văn | THPT Nguyễn An Ninh                 | Tạ Thị Văn         | Anh    | X  | Hà Tây                | 29   | 1     | 2003 | BA   |
| 2513 | Ngữ văn | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Trần Ngọc Văn      | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2514 | Ngữ văn | THPT Tạ Quang Bửu                   | Nguyễn Thị Hồng    | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | BA   |
| 2515 | Ngữ văn | THPT Bình Phú                       | Lê Minh            | Đề     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | BA   |
| 2516 | Ngữ văn | THPT NK TDTT Huyện Bình Chánh       | Trần Thị Phước     | Hào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 2517 | Ngữ văn | THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Nguyễn Trung       | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 5     | 2003 | BA   |
| 2518 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt                    | Trần Kim           | Hồng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | BA   |
| 2519 | Ngữ văn | THCS và THPT Diên Hồng              | Dương Đức          | Huệ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | BA   |
| 2520 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt                    | Phạm Thị Thu       | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | BA   |
| 2521 | Ngữ văn | THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Bùi Quang          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 2     | 2003 | BA   |
| 2522 | Ngữ văn | THPT Lê Minh Xuân                   | Nguyễn Ngọc Bảo    | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 2523 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt                    | Châu Trọng         | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 7     | 2003 | BA   |
| 2524 | Ngữ văn | THPT Phạm Phú Thứ                   | Nguyễn Trần Thiên  | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | BA   |
| 2525 | Ngữ văn | THPT Lê Minh Xuân                   | Nguyễn Trần Thạch  | Lam    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 2526 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Linh                | Nguyễn Cẩm         | Ly     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | BA   |
| 2527 | Ngữ văn | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa              | Trần Yến           | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2002 | BA   |
| 2528 | Ngữ văn | THPT Phạm Phú Thứ                   | Đào Thu            | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2529 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Khuyến                  | Đào Trần Uyên      | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | BA   |
| 2530 | Ngữ văn | THPT Tân Túc                        | Nguyễn Lê Tú       | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 2531 | Ngữ văn | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa              | Trần Thụy Phương   | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | BA   |
| 2532 | Ngữ văn | THPT Bình Chánh                     | Lê Nguyễn Xuân     | Thu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 6     | 2003 | BA   |
| 2533 | Ngữ văn | THPT Bình Chánh                     | Võ Ngọc Minh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | BA   |
| 2534 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Du                      | Trần Nguyễn Trúc   | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 5     | 2003 | BA   |
| 2535 | Ngữ văn | THPT Bình Phú                       | Trần Quốc          | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | BA   |
| 2536 | Ngữ văn | THPT Lê Minh Xuân                   | Thiều Nguyễn Thu   | Trâm   | X  | Tây Ninh              | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 2537 | Ngữ văn | THPT Võ Văn Kiệt                    | Lê Nguyễn Huyền    | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 6     | 2003 | BA   |
| 2538 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Khuyến                  | Lý Lê Minh         | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 2539 | Ngữ văn | THPT Lương Văn Can                  | Hồ Nguyễn Ngọc     | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                 | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2540 | Ngữ văn | THPT Tạ Quang Bửu      | Nguyễn Thị Nhã    | Trúc   | X  | Tiền Giang            | 1    | 9     | 2003 | BA   |
| 2541 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Tất Thành  | Hồ Thị Cẩm        | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | BA   |
| 2542 | Ngữ văn | THPT Nguyễn An Ninh    | Ngô Thanh         | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 2543 | Ngữ văn | THCS và THPT Diên Hồng | Nguyễn Thảo       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | BA   |
| 2544 | Ngữ văn | THPT Cần Thạnh         | Ngô Minh          | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 5     | 2003 | BA   |
| 2545 | Ngữ văn | THPT An Nghĩa          | Ngô Thị Ngọc      | Diễm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | BA   |
| 2546 | Ngữ văn | THPT An Nghĩa          | Phạm Thị Thùy     | Diệu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | BA   |
| 2547 | Ngữ văn | THPT Phước Long        | Lê Thị Phương     | Dung   | X  | Cần Thơ               | 2    | 9     | 2003 | BA   |
| 2548 | Ngữ văn | THCS và THPT Đức Trí   | Nguyễn Thụy Quỳnh | Giao   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 2549 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Tăng   | Lê Thị Việt       | Hà     | X  | Nghệ An               | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 2550 | Ngữ văn | THPT Cần Thạnh         | Nguyễn Thị Ngọc   | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | BA   |
| 2551 | Ngữ văn | THPT An Nghĩa          | Huỳnh Thị         | Hiền   | X  | Khánh Hòa             | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 2552 | Ngữ văn | THPT Phước Long        | Nguyễn Duy        | Hiền   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 8     | 2003 | BA   |
| 2553 | Ngữ văn | THPT Bình Khánh        | Nguyễn Bùi Thiên  | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | BA   |
| 2554 | Ngữ văn | THPT Ngô Quyền         | Cao Thị Phương    | Linh   | X  | Hải Phòng             | 25   | 12    | 2003 | BA   |
| 2555 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Huệ        | Lê Nguyễn Thủy    | Linh   | X  | Lâm Đồng              | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 2556 | Ngữ văn | THPT Lê Thánh Tôn      | Mai Thái          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | BA   |
| 2557 | Ngữ văn | THCS và THPT Hoa Sen   | Trần Phương Lan   | Nhi    | X  | Bình Dương            | 4    | 1     | 2003 | BA   |
| 2558 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Tăng   | Nguyễn Thị Xuân   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 2559 | Ngữ văn | THPT Cần Thạnh         | Nguyễn Phụng      | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 7     | 2003 | BA   |
| 2560 | Ngữ văn | THPT Long Thới         | Trần Thị Mai      | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 2561 | Ngữ văn | THPT Lê Thánh Tôn      | Nguyễn Phương     | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | BA   |
| 2562 | Ngữ văn | THPT Long Trường       | Vũ Bùi Minh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | BA   |
| 2563 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Tăng   | Phạm Thị Minh     | Trang  | X  | Hải Dương             | 4    | 10    | 2003 | BA   |
| 2564 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Tăng   | Phạm Hồng         | Trình  | X  | Quảng Bình            | 5    | 1     | 2003 | BA   |
| 2565 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Huệ        | Đặng Phạm Tường   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2002 | BA   |
| 2566 | Ngữ văn | THCS và THPT Đức Trí   | Lê Huỳnh Phương   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | BA   |
| 2567 | Ngữ văn | THPT Long Thới         | Thạch Ngọc Tường  | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | BA   |
| 2568 | Ngữ văn | THPT Ngô Quyền         | Nguyễn Thị Kim    | Xuyến  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 2569 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Tăng   | Trần Thị Như      | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | BA   |
| 2570 | Ngữ văn | THPT Lê Thánh Tôn      | Đặng Nguyễn Thanh | Yên    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | BA   |
| 2571 | Ngữ văn | THPT Ngô Quyền         | Phan Thị Kim      | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 2572 | Ngữ văn | THCS và THPT Hoa Sen   | Nguyễn Phạm Nhã   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | BA   |
| 2573 | Ngữ văn | THPT Phước Long        | Nguyễn Thị Thanh  | Bình   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 2574 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cẩu    | Bùi Thị Kim       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 5     | 2003 | BA   |
| 2575 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Văn Cừ     | Lê Thị Hà         | Anh    | X  | Thanh Hoá             | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 2576 | Ngữ văn | THPT Trung Phú         | Trần Ngọc Mai     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 6     | 2003 | BA   |
| 2577 | Ngữ văn | THPT Võ Trường Toản    | Nguyễn Đào Quý    | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | BA   |
| 2578 | Ngữ văn | THPT Phú Hòa           | Võ Thị Bảo        | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2579 | Ngữ văn | THPT Bà Điểm           | Hồ Thị Ngọc       | Diệu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 2     | 2003 | BA   |
| 2580 | Ngữ văn | THPT Võ Trường Toản    | Nguyễn Thị Hoàng  | Địu    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | BA   |
| 2581 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cẩu    | Nguyễn Hữu        | Dự     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 12    | 2003 | BA   |
| 2582 | Ngữ văn | THPT Bà Điểm           | Nguyễn Thị Kim    | Dung   | X  | Hà Nam                | 14   | 10    | 2003 | BA   |
| 2583 | Ngữ văn | THPT Bà Điểm           | Lê Anh            | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 10    | 2003 | BA   |
| 2584 | Ngữ văn | THPT Trường Chinh      | Lê Mai            | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | BA   |
| 2585 | Ngữ văn | THPT Trung Phú         | Trần Ngọc Bảo     | Hân    | X  | Bình Dương            | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 2586 | Ngữ văn | THPT Phạm Văn Sáng     | Lương Mỹ          | Hoa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 2587 | Ngữ văn | THPT Võ Trường Toản    | Đặng Huy          | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | BA   |
| 2588 | Ngữ văn | THPT Thạnh Lộc         | Trần Mỹ           | Hồng   | X  | Bình Dương            | 14   | 4     | 2003 | BA   |
| 2589 | Ngữ văn | THPT Việt Âu           | Đỗ Nguyễn Cao     | Huy    |    | Đồng Nai              | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 2590 | Ngữ văn | THPT Quang Trung       | Nguyễn Tấn Trung  | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 2591 | Ngữ văn | THPT Củ Chi            | Nguyễn Sơn        | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 2592 | Ngữ văn | THPT Lý Thường Kiệt    | Đỗ Hoàng Ánh      | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | BA   |
| 2593 | Ngữ văn | THPT Phạm Văn Sáng     | Lâm Thị Tuyết     | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | BA   |
| 2594 | Ngữ văn | THPT Củ Chi            | Lý Trần Thanh     | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | BA   |
| 2595 | Ngữ văn | THPT Trung Lập         | Nguyễn Thị Thanh  | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |
| 2596 | Ngữ văn | THPT Võ Trường Toản    | Nguyễn Thị Thúy   | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | BA   |
| 2597 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cẩu    | Trần Nguyễn Khánh | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 2598 | Ngữ văn | THPT Nguyễn Hữu Cẩu    | Trương Thiên Kim  | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | BA   |
| 2599 | Ngữ văn | THPT An Nhơn Tây       | Nguyễn Thị Thiện  | Nhàn   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | BA   |
| 2600 | Ngữ văn | THPT Bà Điểm           | Trương Huỳnh      | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 2601 | Ngữ văn | THPT Thạnh Lộc         | Nguyễn Thị Lâm    | Oanh   | X  | Nam Định              | 5    | 4     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi        | Trường                          | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|---------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2602 | Ngữ văn        | THPT Bà Điểm                    | Nguyễn Ngọc Yến    | Phương | X  | Cần Thơ               | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 2603 | Ngữ văn        | THPT Phú Hòa                    | Nguyễn Trần Kim    | Quý    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | BA   |
| 2604 | Ngữ văn        | THPT Quang Trung                | Dương Nguyễn Bảo   | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | BA   |
| 2605 | Ngữ văn        | THPT Trung Phú                  | Lê Đỗ Hoài         | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | BA   |
| 2606 | Ngữ văn        | THPT Trung Lập                  | Nguyễn Công        | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | BA   |
| 2607 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Văn Cừ              | Hồ Anh             | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | BA   |
| 2608 | Ngữ văn        | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Vũ Anh      | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 9     | 2003 | BA   |
| 2609 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Chung Nguyễn Thanh | Thủy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | BA   |
| 2610 | Ngữ văn        | THPT Phú Hòa                    | Võ Ngọc Sơn        | Trà    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | BA   |
| 2611 | Ngữ văn        | THPT Cù Chi                     | Lương Tô           | Trình  | X  | Thừa Thiên - Huế      | 30   | 6     | 2003 | BA   |
| 2612 | Ngữ văn        | THPT Bà Điểm                    | Phạm Ngọc          | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 2613 | Ngữ văn        | THPT Trung Phú                  | Võ Như             | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 2614 | Ngữ văn        | THPT Ten Lơ Man                 | Trần Nhân          | Ái     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 2615 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie                | Nguyễn Nguyễn Hoài | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | BA   |
| 2616 | Ngữ văn        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Lê Đào Tuyết       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 5     | 2003 | BA   |
| 2617 | Ngữ văn        | THPT Ten Lơ Man                 | Ngô Châu Phương    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | BA   |
| 2618 | Ngữ văn        | THPT Thủ Thiêm                  | Nguyễn Hà Quỳnh    | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 2619 | Ngữ văn        | THPT Hùng Vương                 | Nguyễn Hoàng Minh  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 7     | 2003 | BA   |
| 2620 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Nguyễn Ngọc        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 3     | 2003 | BA   |
| 2621 | Ngữ văn        | THPT Ten Lơ Man                 | Nguyễn Võ Gia      | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | BA   |
| 2622 | Ngữ văn        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Trần Đồng Bảo      | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | BA   |
| 2623 | Ngữ văn        | THPT Lương Thế Vinh             | Bùi Ngọc Phương    | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 9     | 2003 | BA   |
| 2624 | Ngữ văn        | THPT Thủ Thiêm                  | Trịnh Tuyết        | Hòa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | BA   |
| 2625 | Ngữ văn        | THPT Giồng Ông Tố               | Trương Lê Mỹ       | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 2626 | Ngữ văn        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Nguyễn Đỗ Văn      | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | BA   |
| 2627 | Ngữ văn        | THPT Lê Quý Đôn                 | Phạm Nguyễn Khánh  | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 2628 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Lâm Vũ Gia         | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | BA   |
| 2629 | Ngữ văn        | THPT Lương Thế Vinh             | Nguyễn Trần Trà    | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 2630 | Ngữ văn        | THPT Giồng Ông Tố               | Phạm Ngọc Kiều     | My     | X  | Cà Mau                | 9    | 1     | 2003 | BA   |
| 2631 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Huỳnh Cao Ngọc     | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | BA   |
| 2632 | Ngữ văn        | THPT Hùng Vương                 | Lê Kim             | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 2633 | Ngữ văn        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Lưu Thanh          | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 2634 | Ngữ văn        | THPT Giồng Ông Tố               | Huỳnh Nguyễn Xuân  | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 6     | 2003 | BA   |
| 2635 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Đặng Nguyễn        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 2636 | Ngữ văn        | THPT Hùng Vương                 | Nguyễn Huỳnh Minh  | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 2637 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Đăng Kỳ     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 9     | 2003 | BA   |
| 2638 | Ngữ văn        | THPT Trưng Vương                | Nguyễn Phạm Minh   | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | BA   |
| 2639 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Đỗ Phạm Hoàng      | Quân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 2640 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Lê Thanh           | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | BA   |
| 2641 | Ngữ văn        | THPT Ten Lơ Man                 | Quách Kim          | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 2     | 2003 | BA   |
| 2642 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Lê Phương          | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | BA   |
| 2643 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie                | Nguyễn Dương Thanh | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 2644 | Ngữ văn        | THPT Lương Thế Vinh             | Hoàng Trí          | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | BA   |
| 2645 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Hồ Thị Minh        | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 7     | 2003 | BA   |
| 2646 | Ngữ văn        | THPT Hùng Vương                 | Nguyễn Đoàn Thanh  | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 12    | 2003 | BA   |
| 2647 | Ngữ văn        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM  | Võ Thanh           | Thương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | BA   |
| 2648 | Ngữ văn        | THPT Bùi Thị Xuân               | Huỳnh Ngọc Thủy    | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 2649 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Minh Hương  | Trà    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | BA   |
| 2650 | Ngữ văn        | THPT Trưng Vương                | Hoàng Châu Bảo     | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 2651 | Ngữ văn        | THPT Giồng Ông Tố               | Phạm Thị Thanh     | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 2652 | Ngữ văn        | THPT Lê Quý Đôn                 | Đinh Thị Thanh     | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 2653 | Ngữ văn        | THPT Thủ Thiêm                  | Nguyễn Thị Cát     | Tuyền  | X  | Cà Mau                | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 2654 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Đỗ Nguyễn Khánh    | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | BA   |
| 2655 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Trần Hải    | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 2656 | Ngữ văn        | THPT Marie Curie                | Dương Tú           | Vy     | X  | Long An               | 25   | 11    | 2003 | BA   |
| 2657 | Ngữ văn        | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Lại Hoàng Khánh    | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 2658 | Ngữ văn        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Nguyễn Hoàng Khánh | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 2659 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Trần Thị Hải       | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | BA   |
| 2660 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                   | Đào Phương         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 7     | 2003 | BA   |
| 2661 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                   | Đỗ Thị Lan         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 9     | 2003 | BA   |
| 2662 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Mai Vũ Trâm        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2663 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Ngô Ngọc           | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 6     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi        | Trường                         | Họ                    | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|--------------------------------|-----------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2664 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Tuyết          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 12    | 2003 | BA   |
| 2665 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Phan Nguyễn Quỳnh     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | BA   |
| 2666 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trương Quỳnh          | Anh    | X  | Khánh Hòa             | 11   | 8     | 2003 | BA   |
| 2667 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Ngọc Thùy      | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | BA   |
| 2668 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Quý Hoàn           | Mỹ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | BA   |
| 2669 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trần Như              | Mỹ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | BA   |
| 2670 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Đặng Tường Kim        | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 9     | 2003 | BA   |
| 2671 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phan Phương           | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | BA   |
| 2672 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Thị Kim        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 12    | 2003 | BA   |
| 2673 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phạm Thị Mỹ           | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 6     | 2003 | BA   |
| 2674 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Bảo              | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 2675 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Tường Bảo             | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | BA   |
| 2676 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Vũ Trần Anh           | Nguyễn | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | BA   |
| 2677 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Trương Uyên           | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | BA   |
| 2678 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đỗ Ngọc Yến           | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 2679 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Nguyễn Quỳnh       | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | BA   |
| 2680 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Trương Thảo    | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | BA   |
| 2681 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Trương Thiệu   | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | BA   |
| 2682 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Tạ Khánh Linh         | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 2683 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trương Khắc Trang     | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 2684 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Huỳnh     | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 6     | 2003 | BA   |
| 2685 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Phạm Quỳnh            | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 2     | 2003 | BA   |
| 2686 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Phan Nguyễn Quỳnh     | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 2687 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Ngọc Diễm      | Phúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 2688 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Thị Ngọc       | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 2689 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Thị Nguyệt       | Quý    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | BA   |
| 2690 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đinh Ngọc Diễm        | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 2691 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Hoàng Khánh    | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | BA   |
| 2692 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Lê Trúc        | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | BA   |
| 2693 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phạm Diễm             | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 2694 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Trần Ngọc Như         | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 5     | 2003 | BA   |
| 2695 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Xuân             | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 7     | 2003 | BA   |
| 2696 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Thị Thanh      | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 5     | 2003 | BA   |
| 2697 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lý Kim                | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | BA   |
| 2698 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Thị Minh       | Thơ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 5     | 2003 | BA   |
| 2699 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Minh Hương       | Thơ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | BA   |
| 2700 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đoàn Dương Minh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 2701 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Trần Anh           | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 2702 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Cao Thị Hoài          | Thương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | BA   |
| 2703 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Bùi Thị Minh          | Thúy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 2704 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Ngọc Thanh     | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 2705 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Thị Thanh      | Thùy   | X  | Bắc Ninh              | 3    | 2     | 2003 | BA   |
| 2706 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Hoàng Gia             | Thuyền | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 1     | 2003 | BA   |
| 2707 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Trần Thùy Cát         | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | BA   |
| 2708 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Tạ Nguyễn Bảo         | Trân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2709 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Lê Quỳnh       | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | BA   |
| 2710 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Đào Thanh             | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 12    | 2003 | BA   |
| 2711 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Ngô Thảo              | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 6     | 2003 | BA   |
| 2712 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Nguyễn Phương         | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | BA   |
| 2713 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trương Hoàng Phương   | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 2714 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Hồ Hoàng              | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 2715 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc Tường     | Vy     | X  | Quảng Ngãi            | 8    | 4     | 2003 | BA   |
| 2716 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Thanh Tường    | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | BA   |
| 2717 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Khánh            | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2718 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Võ Khai               | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | BA   |
| 2719 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Phi            | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 2720 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Lê Tâm                | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 3     | 2003 | BA   |
| 2721 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trịnh Thiên Quý Huyền | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | BA   |
| 2722 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trần Thụy Phương      | Đông   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 1     | 2003 | BA   |
| 2723 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Thanh           | Dung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | BA   |
| 2724 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Huỳnh Lê Thùy         | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | BA   |
| 2725 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Trần Minh             | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi        | Trường                         | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|--------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2726 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trương Nguyệt     | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 9     | 2003 | BA   |
| 2727 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Ngô Huệ           | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | BA   |
| 2728 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Ngọc       | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | BA   |
| 2729 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Đinh Nhật         | Hạnh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | BA   |
| 2730 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Bùi Thúy          | Hiển   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 6     | 2003 | BA   |
| 2731 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Bùi Thị Xuân      | Hoa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | BA   |
| 2732 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đoàn Minh         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 2733 | Ngữ văn chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lê Diệu           | Huyền  | X  | Quảng Trị             | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 2734 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Hoàng      | Lan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | BA   |
| 2735 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Ngô Ngọc          | Liên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 4     | 2003 | BA   |
| 2736 | Ngữ văn chuyên | THPT Gia Định                  | Lê Vũ Nhã         | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 4     | 2003 | BA   |
| 2737 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lương Hoàng Khánh | Linh   | X  | An Giang              | 2    | 5     | 2003 | BA   |
| 2738 | Ngữ văn chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Hoàng Diệu | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | BA   |
| 2739 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Nguyễn Ngọc       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | BA   |
| 2740 | Ngữ văn chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Phạm Hà           | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 2741 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Hoàng Thị Tuyết   | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 12    | 2003 | BA   |
| 2742 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phạm Thị Ngọc     | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | BA   |
| 2743 | Ngữ văn chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phan Nguyễn Thanh | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2744 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Lương Thế         | Minh   |    | Hà Nội                | 19   | 12    | 2003 | BA   |
| 2745 | Ngữ văn chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Quang      | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 1     | 2003 | BA   |
| 2746 | Sinh học       | THPT Nguyễn Trung Trực         | Mai Hồng          | Anh    | X  | Ninh Bình             | 27   | 1     | 2003 | BA   |
| 2747 | Sinh học       | THPT Trần Văn Giàu             | Nguyễn Ngọc Văn   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 12    | 2003 | BA   |
| 2748 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Văn Thành  | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | BA   |
| 2749 | Sinh học       | THPT An Dương Vương            | Hà Thị Huế        | Dương  | X  | Bình Dương            | 2    | 4     | 2003 | BA   |
| 2750 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Lê Phạm Thanh     | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 2751 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Hoàng Ngọc | Hân    | X  | Trà Vinh              | 10   | 12    | 2003 | BA   |
| 2752 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Lê Khánh     | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 2753 | Sinh học       | THPT Tam Phú                   | Hà Hải Hiền       | Hào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 12    | 2003 | BA   |
| 2754 | Sinh học       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Nguyễn Thị Thu    | Hiển   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 2     | 2003 | BA   |
| 2755 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Lê Hồng           | Hiệu   |    | Ninh Bình             | 5    | 1     | 2003 | BA   |
| 2756 | Sinh học       | THPT Gia Định                  | Ngô Thị Thu       | Hoài   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | BA   |
| 2757 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Hoàng Minh        | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 8     | 2003 | BA   |
| 2758 | Sinh học       | THPT Võ Thị Sáu                | Nguyễn Thái       | Huyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 2759 | Sinh học       | THPT Linh Trung                | Trần Thiện        | Khiêm  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 2760 | Sinh học       | THPT An Dương Vương            | Trương Quý        | Khoa   | X  | Đồng Nai              | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 2761 | Sinh học       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Minh       | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | BA   |
| 2762 | Sinh học       | THPT Võ Thị Sáu                | Mai Trịnh Vĩnh    | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 2763 | Sinh học       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Hưng       | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | BA   |
| 2764 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Bùi Anh           | Minh   |    | Bình Phước            | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 2765 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Ngọc Nguyễn    | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 2766 | Sinh học       | THPT Thủ Đức                   | Nguyễn Khắc Dương | Nam    |    | Hà Tĩnh               | 18   | 10    | 2003 | BA   |
| 2767 | Sinh học       | THPT Nguyễn Trung Trực         | Nguyễn Trọng      | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | BA   |
| 2768 | Sinh học       | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Hồ Hồng           | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 11    | 2003 | BA   |
| 2769 | Sinh học       | THPT Nguyễn Trung Trực         | Nguyễn Đặng Hồng  | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2000 | BA   |
| 2770 | Sinh học       | THPT Trần Văn Giàu             | Dư Phúc           | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | BA   |
| 2771 | Sinh học       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Trần Cao Quang    | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 1     | 2003 | BA   |
| 2772 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Anh        | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 9     | 2003 | BA   |
| 2773 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Dương Uyên | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 6     | 2003 | BA   |
| 2774 | Sinh học       | THPT Tam Phú                   | Nguyễn Bích Kiều  | Oanh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | BA   |
| 2775 | Sinh học       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Vũ Thuận          | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | BA   |
| 2776 | Sinh học       | THPT Võ Thị Sáu                | Nguyễn Trần Hồng  | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 2777 | Sinh học       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Ngọc       | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 10    | 2003 | BA   |
| 2778 | Sinh học       | THCS và THPT Hồng Hà           | Quách Thị Bích    | Phương | X  | Kon Tum               | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 2779 | Sinh học       | THPT Thanh Đa                  | Trần Ngọc Minh    | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 1     | 2003 | BA   |
| 2780 | Sinh học       | THPT Hoàng Hoa Thám            | Trần Minh         | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | BA   |
| 2781 | Sinh học       | THPT Tam Phú                   | Nguyễn Thị Như    | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | BA   |
| 2782 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Nguyễn Ngọc Minh  | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | BA   |
| 2783 | Sinh học       | THPT Gò Vấp                    | Nguyễn Đình       | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 12    | 2003 | BA   |
| 2784 | Sinh học       | THPT Nguyễn Công Trứ           | Phạm Minh         | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | BA   |
| 2785 | Sinh học       | THPT Phú Nhuận                 | Đinh Thu          | Thủy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 2786 | Sinh học       | THPT Trần Văn Giàu             | Phạm Gia          | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | BA   |
| 2787 | Sinh học       | THPT Trần Văn Giàu             | Lê Ngọc Bảo       | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi  | Trường                          | Họ                     | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------|---------------------------------|------------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2788 | Sinh học | THPT Trần Văn Giàu              | Nguyễn Minh            | Tuyết  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 2789 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Trần Kim        | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 2790 | Sinh học | THPT Gia Định                   | Phạm Kiệt              | Văn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 2     | 2003 | BA   |
| 2791 | Sinh học | THPT Võ Thị Sáu                 | Đỗ Vũ Phương           | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 2792 | Sinh học | THPT Nguyễn Công Trứ            | Cao Đình Bảo           | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | BA   |
| 2793 | Sinh học | THPT Trần Hưng Đạo              | Lê Thảo                | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 2794 | Sinh học | THPT Tây Thạnh                  | Trịnh Tâm              | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 7     | 2003 | BA   |
| 2795 | Sinh học | THCS và THPT Trí Đức            | Lai Gia                | Phúc   |    | Bến Tre               | 8    | 6     | 2003 | BA   |
| 2796 | Sinh học | THPT Tây Thạnh                  | Tôn Nữ Kim             | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 2797 | Sinh học | THPT Tây Thạnh                  | Lê Thị Ngọc            | Phượng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 2798 | Sinh học | THPT Nguyễn Thái Bình           | Phạm Anh               | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | BA   |
| 2799 | Sinh học | THPT An Lạc                     | Nguyễn Trung           | Thạch  |    | Quảng Ngãi            | 13   | 5     | 2003 | BA   |
| 2800 | Sinh học | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Trương Hoàng Vũ Tiểu   | Thơ    | X  | Tiền Giang            | 31   | 10    | 2003 | BA   |
| 2801 | Sinh học | THPT Tây Thạnh                  | Lại Thị Minh           | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 2802 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Trương Nguyễn Minh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | BA   |
| 2803 | Sinh học | THPT Tân Bình                   | Phạm Ngọc Khánh        | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | BA   |
| 2804 | Sinh học | THPT An Lạc                     | Nguyễn Lê Phương       | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 2805 | Sinh học | THPT An Lạc                     | Phạm Trần Hồng         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | BA   |
| 2806 | Sinh học | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Đào Xuân               | Cường  |    | Nghệ An               | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 2807 | Sinh học | THPT Nguyễn Thái Bình           | Hà Khang               | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 2808 | Sinh học | THCS và THPT Trí Đức            | Lê Kim Khánh           | Duy    |    | Tiền Giang            | 20   | 3     | 2003 | BA   |
| 2809 | Sinh học | THPT Tân Bình                   | Trần Thu               | Hương  | X  | Nam Định              | 28   | 9     | 2003 | BA   |
| 2810 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cánh            | Hoàng Thị Thủy         | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 8     | 2003 | BA   |
| 2811 | Sinh học | THCS và THPT Ngôi Sao           | Trần Đăng Mỹ           | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 2812 | Sinh học | THPT Tân Bình                   | Lê Thành               | Nam    |    | Quảng Ngãi            | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 2813 | Sinh học | THPT Lê Trọng Tấn               | Võ Thúy                | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | BA   |
| 2814 | Sinh học | THPT Lê Trọng Tấn               | Nguyễn Phạm Bảo        | Ngọc   | X  | Quảng Ngãi            | 23   | 2     | 2003 | BA   |
| 2815 | Sinh học | THPT Tân Bình                   | Nguyễn Quỳnh Bảo       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 2     | 2003 | BA   |
| 2816 | Sinh học | THPT Tây Thạnh                  | Nguyễn Thị Kim         | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | BA   |
| 2817 | Sinh học | THPT Trần Phú                   | Trần Hoàng Minh        | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 4     | 2003 | BA   |
| 2818 | Sinh học | THCS và THPT Ngôi Sao           | Trương Nguyễn Kim Ngọc | Nhi    | X  | Tỉnh An Giang         | 23   | 2     | 2003 | BA   |
| 2819 | Sinh học | THPT Tân Bình                   | Bùi Lê Quỳnh           | Như    | X  | Thừa Thiên - Huế      | 9    | 6     | 2003 | BA   |
| 2820 | Sinh học | THPT Bình Hưng Hòa              | Nguyễn Võ Quỳnh        | Như    | X  | Quảng Nam             | 15   | 3     | 2003 | BA   |
| 2821 | Sinh học | THPT Phạm Phú Thứ               | Phan Lý Khánh          | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 2822 | Sinh học | THPT Bình Phú                   | Võ Thị Thảo            | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 8     | 2003 | BA   |
| 2823 | Sinh học | THPT Bình Chánh                 | Dương Ngọc Kiều        | Loan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 2824 | Sinh học | THPT Võ Văn Kiệt                | Trần Huỳnh             | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | BA   |
| 2825 | Sinh học | THPT Nguyễn Hiền                | Phạm Gia               | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | BA   |
| 2826 | Sinh học | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Khuất Nguyễn Thiên     | Lý     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | BA   |
| 2827 | Sinh học | THPT Nguyễn Hiền                | Lê Huệ                 | Mẫn    | X  | Sóc Trăng             | 4    | 8     | 2003 | BA   |
| 2828 | Sinh học | THPT Lê Minh Xuân               | Nguyễn Kim             | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 2829 | Sinh học | THPT Võ Văn Kiệt                | Phạm Vũ Kim            | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 1     | 2003 | BA   |
| 2830 | Sinh học | THPT Nguyễn Du                  | Nguyễn Hoàng Hồng      | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | BA   |
| 2831 | Sinh học | THPT Lê Minh Xuân               | Dương Thị Kim          | Oanh   | X  | Lâm Đồng              | 9    | 2     | 2003 | BA   |
| 2832 | Sinh học | THPT Tạ Quang Bửu               | Nguyễn Thị             | Oanh   | X  | Nam Định              | 30   | 6     | 2002 | BA   |
| 2833 | Sinh học | THPT Nguyễn Hiền                | Thái Nguyễn            | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 8     | 2003 | BA   |
| 2834 | Sinh học | THPT Võ Văn Kiệt                | Trần Huỳnh             | Phước  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | BA   |
| 2835 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến              | Nguyễn Vũ Tổ           | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 2836 | Sinh học | THPT NK TDTT Huyện Bình Chánh   | Đỗ Phương              | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | BA   |
| 2837 | Sinh học | THPT Nguyễn Tất Thành           | Nguyễn Trâm Như        | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 2838 | Sinh học | THPT Lê Minh Xuân               | Lê Hồ Thị Ngọc         | Sáng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 3     | 2003 | BA   |
| 2839 | Sinh học | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký | Nguyễn Phương          | Tâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | BA   |
| 2840 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến              | Lê Đạt                 | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | BA   |
| 2841 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Huỳnh Nhâ              | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 10    | 2003 | BA   |
| 2842 | Sinh học | THPT Đa Phước                   | Nguyễn Anh             | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 2843 | Sinh học | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Ngọc Minh       | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | BA   |
| 2844 | Sinh học | THPT Võ Văn Kiệt                | Nguyễn Ngọc Phương     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |
| 2845 | Sinh học | THPT Bình Phú                   | Huỳnh Mỹ               | Trân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 4     | 2003 | BA   |
| 2846 | Sinh học | THPT Bình Phú                   | Hà Nguyễn Huyền        | Trang  | X  | Gia Lai               | 12   | 12    | 2003 | BA   |
| 2847 | Sinh học | TH, THCS và THPT Việt Úc        | Nguyễn Phạm Công       | Trí    |    | Khánh Hòa             | 7    | 1     | 2003 | BA   |
| 2848 | Sinh học | THPT Lê Minh Xuân               | Nguyễn Lê Thanh        | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 2849 | Sinh học | TH, THCS và THPT Việt Úc        | Diệp Mỹ                | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi  | Trường                          | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------|---------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2850 | Sinh học | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Nguyễn Trần Trường | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | BA   |
| 2851 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến              | Phạm Khánh         | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | BA   |
| 2852 | Sinh học | THPT Trần Quang Khải            | Phan Ngọc Như      | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 2853 | Sinh học | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký | Nguyễn Vũ Phan     | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |
| 2854 | Sinh học | THPT Bình Phú                   | Tiểu Nhật          | Anh    |    | Cà Mau                | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 2855 | Sinh học | THPT Nguyễn Du                  | Lê Thiên           | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 2856 | Sinh học | THPT Bình Phú                   | Huỳnh Phát         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | BA   |
| 2857 | Sinh học | THPT Nguyễn Khuyến              | Trịnh Khải         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | BA   |
| 2858 | Sinh học | THPT Võ Văn Kiệt                | Trịnh Duy          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 8     | 2003 | BA   |
| 2859 | Sinh học | THPT Nam Sài Gòn                | Nguyễn Song Quỳnh  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 12    | 2002 | BA   |
| 2860 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                  | Lê Văn             | Đông   |    | Hà Tĩnh               | 24   | 4     | 2003 | BA   |
| 2861 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                  | Lê Đức Thái        | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 7     | 2003 | BA   |
| 2862 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                  | Nguyễn Khánh       | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | BA   |
| 2863 | Sinh học | THPT Nguyễn Huệ                 | Trần Thị Tuyết     | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 2864 | Sinh học | THPT Lê Thánh Tôn               | Nguyễn Thị Kim     | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 7     | 2003 | BA   |
| 2865 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                  | Nguyễn Quang       | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 2866 | Sinh học | THPT Phước Long                 | Nguyễn Trần Khánh  | Linh   | X  | Khánh Hòa             | 16   | 2     | 2003 | BA   |
| 2867 | Sinh học | THPT Nam Sài Gòn                | Nguyễn Đức         | Lợi    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | BA   |
| 2868 | Sinh học | THPT Nguyễn Huệ                 | Trịnh Ngọc         | Mai    | X  | Thái Bình             | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 2869 | Sinh học | THCS và THPT Đức Trí            | Vũ Ngọc            | Mai    | X  | Thái Bình             | 13   | 11    | 2003 | BA   |
| 2870 | Sinh học | THPT Nam Sài Gòn                | Nguyễn Quang       | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 1     | 2003 | BA   |
| 2871 | Sinh học | THCS và THPT Đức Trí            | Nguyễn Thái Tường  | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 2872 | Sinh học | THPT Nam Sài Gòn                | Nguyễn Thị Hồng    | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 3     | 2003 | BA   |
| 2873 | Sinh học | THCS và THPT Đức Trí            | Nguyễn Minh        | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | BA   |
| 2874 | Sinh học | THCS và THPT Đức Trí            | Nguyễn Văn         | Quyển  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | BA   |
| 2875 | Sinh học | THPT An Nghĩa                   | Lê Thị Mỹ          | Thanh  | X  | Tiền Giang            | 22   | 11    | 2003 | BA   |
| 2876 | Sinh học | THPT Long Thới                  | Lê Đăng Phương     | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 7     | 2003 | BA   |
| 2877 | Sinh học | THPT An Nghĩa                   | Nguyễn Thị Minh    | Thiện  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | BA   |
| 2878 | Sinh học | THPT Long Trường                | Phạm Nhật Đan      | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 2879 | Sinh học | THPT Bình Khánh                 | Trần Khánh         | Tường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 2880 | Sinh học | THCS và THPT Đinh Thiện Lý      | Nguyễn Hồng Thảo   | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | BA   |
| 2881 | Sinh học | THCS và THPT Đức Trí            | Nguyễn Mai Yến     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | BA   |
| 2882 | Sinh học | THPT Ngô Quyền                  | Trần Thị Thanh     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 2883 | Sinh học | THPT An Nghĩa                   | Nguyễn Thị Hải     | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 2884 | Sinh học | THPT Tân Thông Hội              | Lê Thế             | Bảo    |    | Quảng Bình            | 25   | 12    | 2003 | BA   |
| 2885 | Sinh học | THPT Việt Âu                    | Vương Thái         | Bình   | X  | Bình Dương            | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 2886 | Sinh học | THPT Bà Điểm                    | Huỳnh Đỗ Anh       | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 2887 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Tiến            | Đinh Thành         | Đạt    |    | Ninh Bình             | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 2888 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản             | Đinh Lệ            | Diễm   | X  | Hà Tây                | 30   | 12    | 2003 | BA   |
| 2889 | Sinh học | THPT Củ Chi                     | Phạm Thủy Mỹ       | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 2890 | Sinh học | THPT Lý Thường Kiệt             | Nguyễn Thị Hồng    | Hà     | X  | Thừa Thiên - Huế      | 30   | 7     | 2003 | BA   |
| 2891 | Sinh học | THPT Củ Chi                     | Nguyễn Ngọc Mai    | Hân    | X  | Cần Thơ               | 8    | 1     | 2003 | BA   |
| 2892 | Sinh học | THPT Trường Chinh               | Lê Thái            | Học    |    | Hà Tây                | 18   | 12    | 2003 | BA   |
| 2893 | Sinh học | THPT Củ Chi                     | Lê Minh            | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 5     | 1999 | BA   |
| 2894 | Sinh học | THPT Bà Điểm                    | Lý Thanh           | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 11    | 2003 | BA   |
| 2895 | Sinh học | THPT Thạnh Lộc                  | Dương Diễm         | Lệ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 10    | 2003 | BA   |
| 2896 | Sinh học | THPT Phạm Văn Sáng              | Trần Văn           | Lộc    |    | Hà Nội                | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 2897 | Sinh học | THPT Lý Thường Kiệt             | Huỳnh Trần Yến     | Ly     | X  | Lâm Đồng              | 25   | 8     | 2003 | BA   |
| 2898 | Sinh học | THPT Lý Thường Kiệt             | Phan Minh Trúc     | Ly     | X  | Quảng Nam             | 15   | 11    | 2003 | BA   |
| 2899 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Văn         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 2900 | Sinh học | THPT Trường Chinh               | Nguyễn Trà         | My     | X  | Hà Tây                | 29   | 11    | 2003 | BA   |
| 2901 | Sinh học | THPT Việt Âu                    | Phạm Hà            | Nam    |    | Bình Dương            | 6    | 10    | 2003 | BA   |
| 2902 | Sinh học | THPT Củ Chi                     | Lâm Huỳnh Kim      | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | BA   |
| 2903 | Sinh học | THPT Trung Phú                  | Lê Thị Thanh       | Nhân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2002 | BA   |
| 2904 | Sinh học | THPT Trường Chinh               | Phạm Xuân Uyển     | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | BA   |
| 2905 | Sinh học | THPT Bà Điểm                    | Đặng Võ Bình       | Nhu    | X  | Vĩnh Long             | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 2906 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Lê Phạm Quỳnh      | Như    | X  | Đà Nẵng               | 9    | 12    | 2003 | BA   |
| 2907 | Sinh học | THPT Tân Thông Hội              | Khưu Thị Hoài      | Nhung  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 2908 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Tiến            | Nguyễn Minh        | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 10    | 2003 | BA   |
| 2909 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Vũ Trần Quang      | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 2910 | Sinh học | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Hữu         | Thọ    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 1     | 2003 | BA   |
| 2911 | Sinh học | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Phan Lê Minh       | Thùy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 1     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi         | Trường                     | Họ                   | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-----------------|----------------------------|----------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2912 | Sinh học        | THPT Trung Phú             | Nguyễn Gia           | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 8     | 2003 | BA   |
| 2913 | Sinh học        | THPT Tân Thông Hội         | Huỳnh Thanh          | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 2914 | Sinh học        | THPT Củ Chi                | Biện Đoàn Yến        | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 5     | 2003 | BA   |
| 2915 | Sinh học        | THPT Nguyễn Hữu Tiến       | Nguyễn Đỗ Như        | Ý      | X  | Đồng Tháp             | 31   | 7     | 2003 | BA   |
| 2916 | Sinh học        | THPT Marie Curie           | Nguyễn Trường        | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | BA   |
| 2917 | Sinh học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Nguyễn Quỳnh         | Anh    | X  | Hải Phòng             | 7    | 12    | 2003 | BA   |
| 2918 | Sinh học        | THPT Lê Quý Đôn            | Vũ Thy               | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | BA   |
| 2919 | Sinh học        | THPT Nguyễn Hữu Thọ        | Trương Hữu           | Bằng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | BA   |
| 2920 | Sinh học        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Lê Tôn               | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2921 | Sinh học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Lê Thị Hồng          | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 2922 | Sinh học        | THPT Giồng Ông Tố          | Nguyễn Lân           | Đinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | BA   |
| 2923 | Sinh học        | THPT Nguyễn Hữu Thọ        | Lê Minh              | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 2924 | Sinh học        | THPT Trần Khai Nguyên      | Lương Kim            | Hiền   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2002 | BA   |
| 2925 | Sinh học        | THPT Giồng Ông Tố          | Lê Trần Đại          | Hiệp   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | BA   |
| 2926 | Sinh học        | THPT Trần Khai Nguyên      | Dương Minh           | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 6     | 2003 | BA   |
| 2927 | Sinh học        | THPT Lương Thế Vinh        | Nguyễn Trung         | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | BA   |
| 2928 | Sinh học        | THPT Giồng Ông Tố          | Lê Đức               | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | BA   |
| 2929 | Sinh học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Nguyễn Hồng          | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | BA   |
| 2930 | Sinh học        | THPT Lương Thế Vinh        | Vương Tiến           | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 8     | 2003 | BA   |
| 2931 | Sinh học        | THPT Bùi Thị Xuân          | Trương Phạm Trang    | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 2932 | Sinh học        | THPT Lê Quý Đôn            | Hà Mai               | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 2933 | Sinh học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Bùi Nguyễn Hoàng     | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 2     | 2003 | BA   |
| 2934 | Sinh học        | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Thị Thúy      | Quỳnh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | BA   |
| 2935 | Sinh học        | THPT Trưng Vương           | Nguyễn Thanh         | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 2936 | Sinh học        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai  | Nguyễn Hoàng Phương  | Uyên   | X  | Bến Tre               | 24   | 3     | 2003 | BA   |
| 2937 | Sinh học        | THPT Giồng Ông Tố          | Trương Ngọc Ái       | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | BA   |
| 2938 | Sinh học        | THPT Hùng Vương            | Lương Thư            | Vinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2939 | Sinh học        | THPT Lương Thế Vinh        | Trần Kim             | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2940 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Nguyễn Hồng Minh     | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 2941 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Ngọc Hồng     | Anh    | X  | Thừa Thiên - Huế      | 18   | 10    | 2003 | BA   |
| 2942 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Thị Phương    | Anh    | X  | Hà Tây                | 14   | 4     | 2003 | BA   |
| 2943 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Trần Duy Mai         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 2944 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Hà Tùng       | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 1     | 2003 | BA   |
| 2945 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Tô Quỳnh             | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 2946 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Ngọc Xuân     | Đào    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 3     | 2003 | BA   |
| 2947 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Ngô Triều            | Đồng   |    | Bạc Liêu              | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 2948 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Trần Tấn             | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | BA   |
| 2949 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Phạm Đặng Phương     | Dung   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | BA   |
| 2950 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lê Công              | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 2951 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Phạm Minh       | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | BA   |
| 2952 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Đăng          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 5     | 2003 | BA   |
| 2953 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Âu Vinh              | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 7     | 2003 | BA   |
| 2954 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Trần Trung           | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 5     | 2003 | BA   |
| 2955 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Huỳnh Hồng Thiên     | Kim    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | BA   |
| 2956 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Hoàng         | Lân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 6     | 2003 | BA   |
| 2957 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Bừu Nguyễn Phúc Vinh | Lập    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 2958 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Huỳnh Thúy           | Liễu   | X  | Bến Tre               | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 2959 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Hồ Thị Thùy          | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 2960 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Ngô Thành     | Long   |    | Đồng Nai              | 11   | 1     | 2003 | BA   |
| 2961 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Văn Trà              | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 1     | 2003 | BA   |
| 2962 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Bùi Hải              | Ngân   | X  | Bến Tre               | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 2963 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Phạm Ngọc Đồng       | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | BA   |
| 2964 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Quách Bích           | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | BA   |
| 2965 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Võ Trần Đông         | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 2966 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lâm Ngọc Quỳnh       | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 2967 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Tổng An              | Nhiên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 2968 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Hùng                 | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 3     | 2003 | BA   |
| 2969 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Nguyễn Thụy Huỳnh    | Phước  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 12    | 2003 | BA   |
| 2970 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Đỗ Mai               | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | BA   |
| 2971 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Hà Hồng       | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 10    | 2003 | BA   |
| 2972 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Trần Trọng           | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | BA   |
| 2973 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Lữ Tú                | Quyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi         | Trường                     | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-----------------|----------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 2974 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Hoàng Thảo          | Quỳnh  | X  | Nghe An               | 20   | 3     | 2003 | BA   |
| 2975 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Lê Huỳnh Y          | Thùy   | X  | Thừa Thiên - Huế      | 11   | 9     | 2003 | BA   |
| 2976 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Mã Thiên            | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | BA   |
| 2977 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Bạch         | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | BA   |
| 2978 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Phan Nguyễn Anh     | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 2979 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Trần Thanh          | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 4     | 2003 | BA   |
| 2980 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Chu Thế             | Tùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 2981 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Lê Đỗ Thụy          | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 2982 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Ngọc Phương  | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 2     | 2003 | BA   |
| 2983 | Sinh học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Hồ Bùi Ngọc         | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | BA   |
| 2984 | Sinh học chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Phạm Quang          | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 2985 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Khúc Ngọc Khánh     | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 2986 | Sinh học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Phạm Ngọc Thiên     | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | BA   |
| 2987 | Tiếng Anh       | THPT An Dương Vương        | Nguyễn Ngọc         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 5     | 2003 | BA   |
| 2988 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định              | Nguyễn Nhật         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 2989 | Tiếng Anh       | THPT Thủ Đức               | Nguyễn Như Kim      | Anh    | X  | Tây Ninh              | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 2990 | Tiếng Anh       | THPT Tam Phú               | Phạm Duy            | Bình   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 6     | 2003 | BA   |
| 2991 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định              | Ngô Hùng            | Cường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | BA   |
| 2992 | Tiếng Anh       | THPT Trần Văn Giàu         | Đỗ Thành            | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 7     | 2003 | BA   |
| 2993 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận             | Trần Anh            | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | BA   |
| 2994 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận             | Vũ Văn              | Giang  | X  | Hà Nội                | 8    | 10    | 2003 | BA   |
| 2995 | Tiếng Anh       | THPT Trần Văn Giàu         | Nguyễn Huy          | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | BA   |
| 2996 | Tiếng Anh       | THPT Trần Hưng Đạo         | Đỗ Minh             | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | BA   |
| 2997 | Tiếng Anh       | THPT Hàn Thuyên            | Nguyễn Đình Minh    | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | BA   |
| 2998 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Công Trứ       | Phạm Hoàng          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | BA   |
| 2999 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Công Trứ       | Võ Nguyễn Minh      | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 3000 | Tiếng Anh       | THPT Gò Vấp                | Đỗ Thanh            | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | BA   |
| 3001 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định              | La Nghiêm Bảo       | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 3002 | Tiếng Anh       | THPT Thủ Đức               | Triệu Hoàng Phương  | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 4     | 2003 | BA   |
| 3003 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Trần Hoàng   | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 7     | 2003 | BA   |
| 3004 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định              | Lưu Ngọc            | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 3005 | Tiếng Anh       | TH, THCS và THPT Việt Anh  | Phạm Võ Anh         | Minh   | X  | Cà Mau                | 7    | 2     | 2003 | BA   |
| 3006 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Ngọc         | My     | X  | Bình Dương            | 14   | 2     | 2003 | BA   |
| 3007 | Tiếng Anh       | THCS và THPT Hồng Hà       | Liêu Nguyễn Trung   | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | BA   |
| 3008 | Tiếng Anh       | THPT Tam Phú               | Bùi Minh            | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 3009 | Tiếng Anh       | THPT Trần Văn Giàu         | Đặng Đỗ Minh        | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | BA   |
| 3010 | Tiếng Anh       | THPT Thủ Đức               | Nguyễn Trung Anh    | Quân   |    | Bến Tre               | 7    | 10    | 2003 | BA   |
| 3011 | Tiếng Anh       | THPT An Dương Vương        | Phạm Hoàng          | Tấn    |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3012 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận             | Khổng Huỳnh Anh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | BA   |
| 3013 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định              | Lê Minh             | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | BA   |
| 3014 | Tiếng Anh       | THPT Gia Định              | Vũ Diệp Minh        | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 7     | 2003 | BA   |
| 3015 | Tiếng Anh       | THPT Trần Hưng Đạo         | Nguyễn Hoàng Anh    | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 3016 | Tiếng Anh       | THCS và THPT Hồng Hà       | Lê Hoàng Bảo        | Trân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 6     | 2003 | BA   |
| 3017 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận             | Nguyễn Ngọc Văn     | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | BA   |
| 3018 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận             | Kiều Minh           | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 7     | 2003 | BA   |
| 3019 | Tiếng Anh       | THPT An Dương Vương        | Lương Vinh          | Tường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 12    | 2003 | BA   |
| 3020 | Tiếng Anh       | THPT Phú Nhuận             | Từ Nguyễn Thanh     | Vi     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 11    | 2003 | BA   |
| 3021 | Tiếng Anh       | THPT Trần Hưng Đạo         | Trương Phương       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 3022 | Tiếng Anh       | THPT Gò Vấp                | Nguyễn Xuân         | Vỹ     |    | Hà Tĩnh               | 23   | 12    | 2003 | BA   |
| 3023 | Tiếng Anh       | THPT Nhân Việt             | Nguyễn Trương Thiên | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 3024 | Tiếng Anh       | THPT Tân Bình              | Nguyễn Văn          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | BA   |
| 3025 | Tiếng Anh       | THPT Tân Bình              | Phùng Thị Linh      | Chi    | X  | Hà Tây                | 21   | 6     | 2003 | BA   |
| 3026 | Tiếng Anh       | THPT Trần Phú              | Quách Khải          | Duy    |    | Lâm Đồng              | 16   | 4     | 2003 | BA   |
| 3027 | Tiếng Anh       | THPT Tây Thạnh             | Tăng Hồ Gia         | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | BA   |
| 3028 | Tiếng Anh       | THPT Tân Bình              | Lâm Hoài            | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 3029 | Tiếng Anh       | THPT Trần Phú              | Trương Đăng         | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 3     | 2003 | BA   |
| 3030 | Tiếng Anh       | THPT Thủ Khoa Huân         | Lý Ngũ Anh          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 3031 | Tiếng Anh       | THPT Trần Phú              | Hoàng Thị Cẩm       | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 3032 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Nguyễn Phạm Hoàng   | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 5     | 2003 | BA   |
| 3033 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Hữu Cánh       | Lê Thanh            | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 5     | 2003 | BA   |
| 3034 | Tiếng Anh       | THPT Lê Trọng Tấn          | Trịnh Trần          | Nghị   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 9     | 2003 | BA   |
| 3035 | Tiếng Anh       | THPT Nguyễn Thái Bình      | Lê Hoàng Khôi       | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi   | Trường                          | Họ                  | Tên   | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-----------|---------------------------------|---------------------|-------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3036 | Tiếng Anh | THPT Nhân Việt                  | Vũ Tạ Minh          | Quang |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 3037 | Tiếng Anh | THCS và THPT Ngôi Sao           | Nguyễn Kim          | Tân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 2     | 2003 | BA   |
| 3038 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Nguyễn Phương       | Thảo  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 7     | 2003 | BA   |
| 3039 | Tiếng Anh | THCS và THPT Trí Đức            | Thượng Ngọc Thanh   | Trúc  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | BA   |
| 3040 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Hoàng Khánh Bảo     | Trung |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 3041 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Thái Bình           | Hồ Minh             | Tuấn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 12    | 2003 | BA   |
| 3042 | Tiếng Anh | THPT Trần Phú                   | Lê                  | Vinh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 2     | 2003 | BA   |
| 3043 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Chí Thanh           | Hoàng Lê Thanh      | Vy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 5     | 2003 | BA   |
| 3044 | Tiếng Anh | THPT Bình Phú                   | Trần Minh           | Đạt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 3045 | Tiếng Anh | THPT Lương Văn Can              | Đoàn Hữu            | Đức   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 4     | 2003 | BA   |
| 3046 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Khuyến              | Lê Gia              | Hân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 12    | 2003 | BA   |
| 3047 | Tiếng Anh | THPT Bình Phú                   | Lý Gia              | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | BA   |
| 3048 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Tất Thành           | Trần Nhật           | Huy   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 3     | 2003 | BA   |
| 3049 | Tiếng Anh | TH, THCS và THPT Việt Úc        | Trần Quốc           | Khang |    | Kiên Giang            | 27   | 3     | 2003 | BA   |
| 3050 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hiền                | Nguyễn Hồ Nguyên    | Khánh |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | BA   |
| 3051 | Tiếng Anh | THPT Phạm Phú Thứ               | Trần Đăng           | Khoa  |    | Đồng Nai              | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 3052 | Tiếng Anh | THPT Trần Quang Khải            | Võ Đăng             | Khoa  |    | Lâm Đồng              | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3053 | Tiếng Anh | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa          | Đặng Tuyết          | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | BA   |
| 3054 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Lê Tấn              | Long  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | BA   |
| 3055 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Hoàng Trúc   | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | BA   |
| 3056 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Khuyến              | Nguyễn Lâm Tâm      | Như   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 3057 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hiền                | Khoa Thuận          | Phong |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | BA   |
| 3058 | Tiếng Anh | THPT Lê Minh Xuân               | Lưu Thiện           | Phú   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 3     | 2003 | BA   |
| 3059 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Triệu Đào Văn       | Phú   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | BA   |
| 3060 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Ngô Hoàng           | Phúc  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | BA   |
| 3061 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Du                  | Đỗ Tạ Minh          | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 3     | 2003 | BA   |
| 3062 | Tiếng Anh | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký | Hoàng Minh          | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 11    | 2003 | BA   |
| 3063 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Khuyến              | Lâm Võ Minh         | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 2     | 2003 | BA   |
| 3064 | Tiếng Anh | THPT Lương Văn Can              | Nguyễn Võ Tấn       | Quang |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 3065 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Du                  | Võ Hoàng            | Quyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 6     | 2003 | BA   |
| 3066 | Tiếng Anh | THPT Trần Quang Khải            | Nguyễn Nhật         | Tài   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 3067 | Tiếng Anh | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Lê Quỳnh Anh        | Thy   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 3068 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Khuyến              | Lê Thanh            | Tuấn  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 3069 | Tiếng Anh | THPT Phước Long                 | Lê Hoàng Quân       | Bảo   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 3070 | Tiếng Anh | THCS và THPT Đức Trí            | Nguyễn Quang        | Bình  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 3071 | Tiếng Anh | THPT Lê Thánh Tôn               | Ma Xuân             | Đại   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 3072 | Tiếng Anh | THPT Lê Thánh Tôn               | Lê Nguyễn Phước     | Hưng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | BA   |
| 3073 | Tiếng Anh | THPT Phước Long                 | Nguyễn Quang        | Huy   |    | Lâm Đồng              | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 3074 | Tiếng Anh | THPT Bình Khánh                 | Huỳnh Thế           | Kiệt  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | BA   |
| 3075 | Tiếng Anh | THPT Phước Long                 | Bùi Minh Gia        | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 3076 | Tiếng Anh | THPT Lê Thánh Tôn               | Lê Ngọc Thu         | Ngân  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 3077 | Tiếng Anh | THPT Lê Thánh Tôn               | Nguyễn Đắc          | Trung |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3078 | Tiếng Anh | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Phương Thanh | An    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 10    | 2003 | BA   |
| 3079 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Trần Công Lâm       | Anh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 3     | 2003 | BA   |
| 3080 | Tiếng Anh | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Khánh        | Đan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |
| 3081 | Tiếng Anh | THPT Trường Chinh               | Lê Triều            | Dương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | BA   |
| 3082 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Lê Minh             | Hằng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 4     | 2003 | BA   |
| 3083 | Tiếng Anh | THPT Quang Trung                | Nguyễn Quang        | Hưng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3084 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Trần Thanh          | Huyền | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 3085 | Tiếng Anh | THPT An Nhơn Tây                | Dương Đức           | Khải  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 3086 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Cao Xuân            | Khang |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 12    | 2003 | BA   |
| 3087 | Tiếng Anh | THPT Trung Phú                  | Hoàng Công          | Khang |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 3088 | Tiếng Anh | THPT Võ Trường Toản             | Trang Tuấn          | Kiệt  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | BA   |
| 3089 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Ngọc Thư     | Kỳ    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 3090 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Trần Hoàng          | Lâm   |    | Cần Thơ               | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 3091 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Lê Khánh            | Linh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 3092 | Tiếng Anh | THPT Cù Chi                     | Trần Hà Minh        | Nhật  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3093 | Tiếng Anh | THPT Trường Chinh               | Đỗ Mai Uyên         | Nhi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | BA   |
| 3094 | Tiếng Anh | THCS và THPT Hoa Lư             | Ngô Quang           | Phúc  |    |                       | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 3095 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Hồ Trần Minh        | Quân  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 3096 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Bùi Quốc            | Thắng |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 5     | 2003 | BA   |
| 3097 | Tiếng Anh | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Lê Nguyễn Lan       | Thảo  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 2     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi          | Trường                                   | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|------------------|------------------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3098 | Tiếng Anh        | THPT Trung Phú                           | Lê Thanh          | Thảo   | X  | Bình Dương            | 5    | 4     | 2003 | BA   |
| 3099 | Tiếng Anh        | THPT Cù Chi                              | Nguyễn Minh       | Thường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 3100 | Tiếng Anh        | THPT Lý Thường Kiệt                      | Huỳnh Thanh       | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 3101 | Tiếng Anh        | THPT Bà Điểm                             | Trần Minh         | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 3102 | Tiếng Anh        | THPT Cù Chi                              | Nguyễn Thị Thảo   | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 5     | 2003 | BA   |
| 3103 | Tiếng Anh        | THPT Lý Thường Kiệt                      | Nguyễn Quốc       | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 4     | 2003 | BA   |
| 3104 | Tiếng Anh        | THPT Trường Chinh                        | Hoàng Thụy Mỹ     | Ý      | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 12    | 2003 | BA   |
| 3105 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                          | Trần Đình Kiến    | Quốc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 12    | 2003 | BA   |
| 3106 | Tiếng Anh        | THPT Trung Vương                         | Nguyễn Đức        | Ân     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | BA   |
| 3107 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Trãi                         | Nguyễn Trâm       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 3108 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                | Huỳnh Minh        | Châu   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | BA   |
| 3109 | Tiếng Anh        | THPT Trần Hữu Trang                      | Nguyễn Bảo        | Chương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 7     | 2003 | BA   |
| 3110 | Tiếng Anh        | TTGDKTTH-HN Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng G | Đinh Nguyễn Ngọc  | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 3111 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                | Nguyễn Ngọc       | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 3112 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                | Trịnh Thế         | Hào    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 3113 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM           | Nguyễn Khoa       | Huân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | BA   |
| 3114 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn              | Dư Tịnh           | Huê    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | BA   |
| 3115 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                        | Dương Hoàng Đăng  | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 3116 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                        | Nguyễn Hữu Đăng   | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 3117 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM           | Chu Minh          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 6     | 2003 | BA   |
| 3118 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM           | Nguyễn Hồng       | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 1     | 2003 | BA   |
| 3119 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa               | Hồ Minh           | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 6     | 2003 | BA   |
| 3120 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn              | Phạm Thị Hạnh     | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 3121 | Tiếng Anh        | THPT Lương Thế Vinh                      | Phạm Võ Trung     | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 3122 | Tiếng Anh        | Phổ Thông Năng Khiếu                     | Hồ Nguyễn Khánh   | Linh   | X  | Đắk Lắk               | 21   | 9     | 2003 | BA   |
| 3123 | Tiếng Anh        | THPT Trung Vương                         | Nguyễn Trần Tổ    | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | BA   |
| 3124 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn              | Đinh Gia          | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 3125 | Tiếng Anh        | THPT Thủ Thiêm                           | Hoàng Nguyễn Văn  | Minh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | BA   |
| 3126 | Tiếng Anh        | THPT Lê Quý Đôn                          | Nguyễn Anh        | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3127 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                | Nguyễn Hoàng Đức  | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 3128 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                        | Nguyễn Lữ Tú      | Minh   | X  | Phú Yên               | 24   | 8     | 2003 | BA   |
| 3129 | Tiếng Anh        | TTGDKTTH-HN Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng G | Nguyễn Quang      | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 1     | 2003 | BA   |
| 3130 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa               | Lê Nguyễn Hoàng   | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | BA   |
| 3131 | Tiếng Anh        | THPT Hùng Vương                          | Lý Khải           | Nghiep |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 8     | 2003 | BA   |
| 3132 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn              | Nguyễn Bảo        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 3133 | Tiếng Anh        | THPT Hùng Vương                          | Lý Ngọc           | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | BA   |
| 3134 | Tiếng Anh        | THPT Ten Lơ Man                          | Nguyễn Bảo        | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 3135 | Tiếng Anh        | THPT Giồng Ông Tố                        | Nguyễn Xuân       | Nhi    | X  | Hà Nội                | 10   | 12    | 2003 | BA   |
| 3136 | Tiếng Anh        | THPT Trung Vương                         | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 5     | 2003 | BA   |
| 3137 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu          | Lê Gia            | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 3138 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                | Nguyễn Châu       | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 3139 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Lê Hồng Phong                | Nguyễn Minh       | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 3140 | Tiếng Anh        | THPT Thủ Thiêm                           | Hoàng Nguyễn Anh  | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 8     | 2003 | BA   |
| 3141 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                | Trần Nguyễn Bảo   | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 3142 | Tiếng Anh        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu          | Nguyễn Đình Nhật  | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | BA   |
| 3143 | Tiếng Anh        | THPT Nguyễn Trãi                         | Nguyễn Minh       | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 4     | 2003 | BA   |
| 3144 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa               | Vương Minh        | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 3145 | Tiếng Anh        | THPT Bùi Thị Xuân                        | Đỗ Xuân           | Son    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 3146 | Tiếng Anh        | THPT Ten Lơ Man                          | Nguyễn Công       | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | BA   |
| 3147 | Tiếng Anh        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa               | Chu Thanh         | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 5     | 2003 | BA   |
| 3148 | Tiếng Anh        | THPT Lương Thế Vinh                      | Nguyễn Gia Vinh   | Thống  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 5     | 2003 | BA   |
| 3149 | Tiếng Anh        | THPT Ten Lơ Man                          | Lê Hoàng Minh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 7     | 2003 | BA   |
| 3150 | Tiếng Anh        | THPT Hùng Vương                          | Nguyễn Hoàng Cát  | Tiên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 3151 | Tiếng Anh        | THPT Ten Lơ Man                          | Võ Hoàng          | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | BA   |
| 3152 | Tiếng Anh        | Trung học thực hành Sài Gòn              | Nguyễn Huy        | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 3153 | Tiếng Anh        | THPT Lương Thế Vinh                      | Phạm Lê Khánh     | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 4     | 2003 | BA   |
| 3154 | Tiếng Anh        | TTGDKTTH-HN Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng G | Trương Đoàn Yến   | Xuân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 3155 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi                        | Nguyễn Đỗ Thiên   | Ân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 3156 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                | Bùi Nguyễn Minh   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | BA   |
| 3157 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                            | Huỳnh Ngọc Trâm   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 3158 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                | Nguyễn Minh       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 3     | 2003 | BA   |
| 3159 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong                | Nguyễn Ngọc Trúc  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi          | Trường                          | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|------------------|---------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3160 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Phi         | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 1     | 2003 | BA   |
| 3161 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Tôn Nữ Quỳnh       | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 2     | 2003 | BA   |
| 3162 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Trần Ngọc          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 10    | 2003 | BA   |
| 3163 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Trần Thúy          | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 9     | 2003 | BA   |
| 3164 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Lâm         | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | BA   |
| 3165 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Bùi Châu Khánh     | Đan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 3166 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Ngọc Minh   | Đấng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 3167 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Bạch Hoài   | Diễm   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | BA   |
| 3168 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Lương Hồ Khánh     | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | BA   |
| 3169 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Hương       | Duyên  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 3170 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Trần Lam           | Giang  | X  | Hà Nội                | 14   | 1     | 2003 | BA   |
| 3171 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Phạm Khánh         | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 6     | 2003 | BA   |
| 3172 | Tiếng Anh chuyên | Trung học thực hành ĐHSPT TPHCM | Bùi Ngọc Quỳnh     | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 4     | 2003 | BA   |
| 3173 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Ngô Gia            | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 12    | 2003 | BA   |
| 3174 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Trần Nguyễn Gia    | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 12    | 2003 | BA   |
| 3175 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Phan Trung         | Hậu    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 5     | 2003 | BA   |
| 3176 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Lê Thúy            | Hiển   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 3177 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Đỗ Thị Mỹ          | Hoa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 4     | 2003 | BA   |
| 3178 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Đồng Quốc          | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 3179 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Trần Gia           | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 3180 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Trần Mai    | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 3     | 2003 | BA   |
| 3181 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Nguyễn Quốc        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 3182 | Tiếng Anh chuyên | Trung học thực hành ĐHSPT TPHCM | Nguyễn Ngọc Mai    | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 2     | 2003 | BA   |
| 3183 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Phạm Gia           | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | BA   |
| 3184 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Trần Tuấn          | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 3185 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Huỳnh Ngọc Xuân    | Lan    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 9     | 2003 | BA   |
| 3186 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Nguyễn Hoàng Khánh | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 5     | 2003 | BA   |
| 3187 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Từ Ngọc Khánh      | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 8     | 2003 | BA   |
| 3188 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Bùi Thị Xuân       | Lương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | BA   |
| 3189 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Thảo        | Ly     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 3190 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Ngọc        | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | BA   |
| 3191 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Thị Phương  | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | BA   |
| 3192 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Ông Gia            | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 3     | 2003 | BA   |
| 3193 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Thái Gia           | Mẫn    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 3194 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Hoàng Nhật         | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 7     | 2003 | BA   |
| 3195 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Lê Quang           | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | BA   |
| 3196 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Trần Sơn           | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 2     | 2003 | BA   |
| 3197 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Tôn Nữ Thanh       | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 7     | 2003 | BA   |
| 3198 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Khoa        | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 3199 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Phan Trọng         | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 1     | 2003 | BA   |
| 3200 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Nguyễn Trần Thanh  | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 3201 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Châu Phạm Yên      | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | BA   |
| 3202 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Vũ Đông     | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 12    | 2003 | BA   |
| 3203 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Trần Nguyễn Hoàn   | Nhi    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | BA   |
| 3204 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 4     | 2003 | BA   |
| 3205 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                   | Đào Thị Cánh       | Phúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 4     | 2003 | BA   |
| 3206 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Trần Hoàng         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 3207 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Đỗ Minh            | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | BA   |
| 3208 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Đặng Phối          | Sang   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | BA   |
| 3209 | Tiếng Anh chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi               | Nguyễn Trường      | Sơn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 9     | 2003 | BA   |
| 3210 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Phạm Quang         | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 3211 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Gia Quốc    | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 1     | 2003 | BA   |
| 3212 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                   | Nguyễn Ngọc        | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 3213 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Ngọc Đan    | Thanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2003 | BA   |
| 3214 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền         | Phùng Hạnh         | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 5     | 2003 | BA   |
| 3215 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Liêu Chí    | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | BA   |
| 3216 | Tiếng Anh chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân            | Hà Đoàn Anh        | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | BA   |
| 3217 | Tiếng Anh chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Trần Đỗ Thanh      | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 3218 | Tiếng Anh chuyên | THPT Gia Định                   | Trần Phan Anh      | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | BA   |
| 3219 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Võ Nguyễn Minh     | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | BA   |
| 3220 | Tiếng Anh chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Trần Minh          | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 3221 | Tiếng Anh chuyên | Trung học thực hành ĐHSPT TPHCM | Trần Trung         | Tín    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi            | Trường                              | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|--------------------|-------------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3222 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Gia Định                       | Nguyễn Ngọc Thanh | Trần   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 6     | 2003 | BA   |
| 3223 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Nguyễn Huyền      | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 3224 | Tiếng Anh chuyên   | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM      | Nguyễn Phúc       | Trong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 3225 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Phan Hải Hồng     | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 3226 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Trần Nhã          | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3227 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Nguyễn An Phương  | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 7     | 2003 | BA   |
| 3228 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa          | Lê Trương Hải     | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | BA   |
| 3229 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Phạm Liễu Hồng    | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 3230 | Tiếng Anh chuyên   | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM      | Lương Nhã         | Vân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 2     | 2003 | BA   |
| 3231 | Tiếng Anh chuyên   | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Phùng Phước       | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | BA   |
| 3232 | Tiếng Anh chuyên   | THPT Gia Định                       | Trần Thị Mai      | Vy     | X  | Đắk Lắk               | 4    | 5     | 2003 | BA   |
| 3233 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                     | Nguyễn Nguyên     | Huy    |    | Ninh Thuận            | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 3234 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                     | Hà Vĩ             | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 3235 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                     | Nguyễn Thu        | Loan   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 7     | 2003 | BA   |
| 3236 | Tiếng Nhật         | THPT Marie Curie                    | Nguyễn Trần Sao   | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | BA   |
| 3237 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                     | Lý Linh           | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 3238 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                     | Trần Thiên Bảo    | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 1     | 2002 | BA   |
| 3239 | Tiếng Nhật         | THPT Trưng Vương                    | Hoàng Lê Uyên     | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 3240 | Tiếng Nhật         | THPT Lê Quý Đôn                     | Châu Mỹ           | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 9     | 2003 | BA   |
| 3241 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Trần Lê Văn       | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | BA   |
| 3242 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Phan Hoàng Thu    | Giang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 3243 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Trần Thị Kim      | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 3     | 2003 | BA   |
| 3244 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Đỗ Thị Bảo        | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 3245 | Tiếng Nhật chuyên  | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Dương Uy          | Quan   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 1     | 2003 | BA   |
| 3246 | Tiếng Pháp         | THPT Nguyễn Thị Minh Khai           | Nguyễn Gia        | Hân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 12    | 2003 | BA   |
| 3247 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Nguyễn Lê Khánh   | Nguyên | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 2     | 2003 | BA   |
| 3248 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Nguyễn Khả Ân     | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | BA   |
| 3249 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Phạm Thịnh        | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | BA   |
| 3250 | Tiếng Pháp         | THPT Nguyễn Thị Minh Khai           | Trần Xuân Diễm    | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 3251 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Huỳnh Ngọc Nhã    | Tâm    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 3252 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Võ Đăng Công      | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 11    | 2003 | BA   |
| 3253 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Nguyễn Thị Thanh  | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 3254 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Võ Lê Thanh       | Trúc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 5     | 2003 | BA   |
| 3255 | Tiếng Pháp         | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Huỳnh Thanh       | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 7     | 2003 | BA   |
| 3256 | Tiếng Trung        | THPT Phạm Phú Thứ                   | Tạ Huệ            | Sang   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | BA   |
| 3257 | Tiếng Trung        | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa              | Du Tú             | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | BA   |
| 3258 | Tiếng Trung        | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa              | Du Ngọc           | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 3259 | Tiếng Trung        | THPT Trần Quang Khải                | Vương Kim         | Yến    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | BA   |
| 3260 | Tiếng Trung        | TH, THCS và THPT Văn Lang           | Lâm Uyên          | Di     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | BA   |
| 3261 | Tiếng Trung        | THPT Hùng Vương                     | Bồ Huệ            | Dinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 3262 | Tiếng Trung        | THPT Bùi Thị Xuân                   | Lưu Mẫn           | Hoa    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 7     | 2003 | BA   |
| 3263 | Tiếng Trung        | THPT Trần Khai Nguyên               | Bồ Gia            | Kỳ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | BA   |
| 3264 | Tiếng Trung        | THPT Hùng Vương                     | Tô Phụng          | Mí     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 5     | 2003 | BA   |
| 3265 | Tiếng Trung        | THPT Trần Khai Nguyên               | Lý Quốc           | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | BA   |
| 3266 | Tiếng Trung        | THPT Hùng Vương                     | Trương Bảo        | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 8     | 2003 | BA   |
| 3267 | Tiếng Trung chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Lu Khải           | Ly     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 3     | 2003 | BA   |
| 3268 | Tiếng Trung chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Lưu Vinh          | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 7     | 2003 | BA   |
| 3269 | Tin học            | THPT Phú Nhuận                      | Đinh Thủy Hương   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 3270 | Tin học            | THPT Thủ Đức                        | Nguyễn Vũ Phương  | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 1     | 2003 | BA   |
| 3271 | Tin học            | THPT Phú Nhuận                      | Vũ Đức            | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 3272 | Tin học            | THPT Thủ Đức                        | Hồ Quang          | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | BA   |
| 3273 | Tin học            | THPT Nguyễn Công Trứ                | Lê Thanh          | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 10    | 2003 | BA   |
| 3274 | Tin học            | THPT Thủ Đức                        | Phạm Ngọc         | Trai   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 9     | 2003 | BA   |
| 3275 | Tin học            | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Tuấn       | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 3276 | Tin học            | THPT Nguyễn Thượng Hiền             | Tạ Ngọc           | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 3277 | Tin học            | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Hữu Minh   | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 10    | 2003 | BA   |
| 3278 | Tin học            | THPT Tây Thạnh                      | Trần Anh          | Tuấn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 3279 | Tin học            | TiH,THCS và THPT Tân Phú            | Nguyễn Phúc       | Văn    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 3280 | Tin học            | THPT Lê Minh Xuân                   | Lê Thành          | Ngân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | BA   |
| 3281 | Tin học            | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Trần Đại          | Niên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 3     | 2003 | BA   |
| 3282 | Tin học            | THPT Võ Văn Kiệt                    | Nguyễn Tấn        | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | BA   |
| 3283 | Tin học            | THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Nguyễn Thanh      | Phong  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 9     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi        | Trường                     | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|----------------|----------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3284 | Tin học        | THPT Ngô Quyền             | Phạm Tiến         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | BA   |
| 3285 | Tin học        | THPT Ngô Quyền             | Đỗ Tấn            | Lộc    |    | Gia Lai               | 7    | 11    | 2003 | BA   |
| 3286 | Tin học        | THPT Nguyễn Huệ            | Nguyễn Trần Hoàng | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 4     | 2003 | BA   |
| 3287 | Tin học        | THPT Ngô Quyền             | Lê Quốc           | Uy     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 7     | 2003 | BA   |
| 3288 | Tin học        | THPT Bà Điểm               | Phan Văn          | Đỗ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 12    | 2003 | BA   |
| 3289 | Tin học        | THPT Trần Khai Nguyên      | Mạc Tuấn          | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | BA   |
| 3290 | Tin học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Đăng       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 3291 | Tin học chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Chương     | Kỳ     |    | Hậu Giang             | 15   | 3     | 2003 | BA   |
| 3292 | Tin học chuyên | THPT Gia Định              | Bùi Nguyễn Nhật   | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 11    | 2003 | BA   |
| 3293 | Tin học chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Như Hoài   | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 12    | 2003 | BA   |
| 3294 | Tin học chuyên | THPT Gia Định              | Huỳnh Quốc        | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 3295 | Tin học chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Hải        | Thanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 3296 | Tin học chuyên | THPT Gia Định              | Hoàng Đức         | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 8     | 2003 | BA   |
| 3297 | Toán           | THPT Nguyễn Công Trứ       | Tô Quốc Tuấn      | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 3298 | Toán           | THPT Hoàng Hoa Thám        | Nguyễn Như Nguyệt | Cát    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 2     | 2003 | BA   |
| 3299 | Toán           | THPT Phú Nhuận             | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Chi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 9     | 2003 | BA   |
| 3300 | Toán           | THPT Hoàng Hoa Thám        | Nguyễn Gia        | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 4     | 2003 | BA   |
| 3301 | Toán           | THPT Thủ Đức               | Nguyễn Trung      | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 11    | 2003 | BA   |
| 3302 | Toán           | THPT An Dương Vương        | Lê Võ Đức         | Dũng   |    | Nha Trang             | 26   | 3     | 2003 | BA   |
| 3303 | Toán           | THPT Nguyễn Trung Trực     | Nguyễn Thị Hồng   | Hạnh   | X  | Ninh Bình             | 31   | 1     | 2003 | BA   |
| 3304 | Toán           | THPT Tam Phú               | Dương Minh        | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 12    | 2003 | BA   |
| 3305 | Toán           | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Phan Hoàng        | Khang  |    | Tiền Giang            | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 3306 | Toán           | THPT Đồng Dương            | Nguyễn Tường Trúc | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | BA   |
| 3307 | Toán           | THPT Phú Nhuận             | Nguyễn Minh       | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 5     | 2003 | BA   |
| 3308 | Toán           | THPT Hoàng Hoa Thám        | Trương Trọng      | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 2     | 2003 | BA   |
| 3309 | Toán           | THPT Nguyễn Công Trứ       | Võ Hoàng          | Nhật   |    | Bình Thuận            | 14   | 9     | 2003 | BA   |
| 3310 | Toán           | THPT Trần Văn Giàu         | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như    | X  | Lâm Đồng              | 2    | 11    | 2003 | BA   |
| 3311 | Toán           | THPT An Dương Vương        | Trần Hồ Nhựt      | Phát   |    | Đồng Nai              | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 3312 | Toán           | THPT Phan Đăng Lưu         | Nguyễn Đào Bích   | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 3313 | Toán           | THPT An Dương Vương        | Phạm Thị Hà       | Phương | X  | Bình Dương            | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 3314 | Toán           | TH, THCS và THPT Việt Anh  | Nguyễn Lê Tiểu    | Quỳnh  | X  | Đắk Lắk               | 25   | 5     | 2003 | BA   |
| 3315 | Toán           | THPT Gia Định              | Trương Minh       | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3316 | Toán           | THPT Nguyễn Công Trứ       | Đào Lê Anh        | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 11    | 2003 | BA   |
| 3317 | Toán           | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Lê Duy            | Thức   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | BA   |
| 3318 | Toán           | THPT Hoàng Hoa Thám        | Phạm Hải          | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 3319 | Toán           | THPT An Dương Vương        | Lê Thị Thủy       | Tiên   | X  | Bình Định             | 18   | 6     | 2003 | BA   |
| 3320 | Toán           | THPT Gia Định              | Nguyễn Thu        | Trang  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 3321 | Toán           | THPT Phú Nhuận             | Hoàng Phạm Minh   | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 11    | 2003 | BA   |
| 3322 | Toán           | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Thành      | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 3323 | Toán           | THPT Lê Trọng Tấn          | Lê Quốc           | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 2     | 2003 | BA   |
| 3324 | Toán           | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Lê Đức            | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 3325 | Toán           | THCS và THPT Trần Cao Vân  | Nguyễn Hoàng      | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | BA   |
| 3326 | Toán           | THPT Tân Bình              | Lê Hoàng          | Bảo    |    | Lâm Đồng              | 19   | 8     | 2003 | BA   |
| 3327 | Toán           | THCS và THPT Nguyễn Khuyến | Mai Hoàng Gia     | Bảo    | X  | Đồng Nai              | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3328 | Toán           | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Thái       | Diễn   |    | Tiền Giang            | 1    | 3     | 2003 | BA   |
| 3329 | Toán           | THCS và THPT Việt Thanh    | Đoàn Đình         | Diệu   |    | Phường Hội Phú        | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 3330 | Toán           | THPT Nguyễn Thái Bình      | Nguyễn Hữu        | Dương  |    | Nghệ An               | 2    | 11    | 2003 | BA   |
| 3331 | Toán           | THCS và THPT Việt Thanh    | Nguyễn Hoàng      | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | BA   |
| 3332 | Toán           | THPT Trần Phú              | Trần Huệ          | Giang  | X  | Quảng Ngãi            | 24   | 8     | 2003 | BA   |
| 3333 | Toán           | THPT Tân Bình              | Đào Ngọc          | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 2     | 2003 | BA   |
| 3334 | Toán           | THPT Nguyễn Chí Thanh      | Nguyễn Đức        | Hải    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 7     | 2003 | BA   |
| 3335 | Toán           | THPT Tân Bình              | Mai Vinh          | Hiển   |    | Vĩnh Long             | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 3336 | Toán           | THPT Trần Phú              | Phan Quốc         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 1     | 2003 | BA   |
| 3337 | Toán           | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Trịnh Gia         | Khiêm  |    | Long An               | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 3338 | Toán           | THPT Nguyễn Hữu Cánh       | Đỗ Đăng           | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 3339 | Toán           | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Trần Tùng         | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 2     | 2003 | BA   |
| 3340 | Toán           | THPT Bình Hưng Hòa         | Nguyễn Ngọc Huyền | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 10    | 2003 | BA   |
| 3341 | Toán           | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Mai Nguyễn        | Luân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 3342 | Toán           | THCS và THPT Nguyễn Khuyến | Lê Hiếu           | Nghĩa  | X  | Nghệ An               | 11   | 6     | 2003 | BA   |
| 3343 | Toán           | THCS và THPT Trần Cao Vân  | Lê Thanh          | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 9     | 2003 | BA   |
| 3344 | Toán           | THCS và THPT Ngôi Sao      | Phạm Hiền         | Nhân   |    | Tỉnh An Giang         | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 3345 | Toán           | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Lê Thị Quỳnh      | Như    | X  | Lâm Đồng              | 29   | 12    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi     | Trường                              | Họ                  | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-------------|-------------------------------------|---------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3346 | Toán        | THPT Trần Phú                       | Lê Minh             | Quý    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 6     | 2003 | BA   |
| 3347 | Toán        | THCS và THPT Trần Cao Vân           | Đoàn Thị Lệ         | Thì    | X  | Lâm Đồng              | 29   | 11    | 2003 | BA   |
| 3348 | Toán        | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Minh         | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | BA   |
| 3349 | Toán        | THPT Tây Thạnh                      | Nguyễn Lương        | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | BA   |
| 3350 | Toán        | THPT Nguyễn Chí Thanh               | Phạm Minh           | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 3351 | Toán        | THPT Tân Bình                       | Phạm Quang          | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 11    | 2003 | BA   |
| 3352 | Toán        | THPT Võ Văn Kiệt                    | Trần Minh           | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 7     | 2003 | BA   |
| 3353 | Toán        | THPT Võ Văn Kiệt                    | Trương Lê Minh      | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 3354 | Toán        | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Nguyễn Gia          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | BA   |
| 3355 | Toán        | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký     | Trần Tấn            | Phát   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | BA   |
| 3356 | Toán        | THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Nguyễn Thanh        | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 3357 | Toán        | THPT Võ Văn Kiệt                    | Kha Kim             | Thùy   | X  | An Giang              | 12   | 7     | 2003 | BA   |
| 3358 | Toán        | THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Đoàn Trần Quốc      | Toàn   |    | Quảng Ngãi            | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 3359 | Toán        | THPT Nguyễn Khuyến                  | Quách Vương         | Tuyền  | X  | Tây Ninh              | 21   | 4     | 2003 | BA   |
| 3360 | Toán        | THPT Nam Sài Gòn                    | Nguyễn Văn Đức      | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 8     | 2003 | BA   |
| 3361 | Toán        | THPT Ngô Quyền                      | Nguyễn Nhật         | Phi    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 3362 | Toán        | THPT Ngô Quyền                      | Nguyễn Tấn          | Thành  |    | Nha Trang             | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 3363 | Toán        | THPT Nguyễn Huệ                     | Cao Thị Diễm        | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 3364 | Toán        | THPT Lý Thường Kiệt                 | Hồ Minh             | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | BA   |
| 3365 | Toán        | THPT Cù Chi                         | Nguyễn Thanh        | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | BA   |
| 3366 | Toán        | THPT Võ Trường Toản                 | Phan Mỹ             | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | BA   |
| 3367 | Toán        | THPT Nguyễn Hữu Cẩu                 | Phan Phước Hải      | Nam    |    | Quảng Nam             | 13   | 3     | 2003 | BA   |
| 3368 | Toán        | THPT Cù Chi                         | Đinh Trung          | Nguyên |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 3     | 2003 | BA   |
| 3369 | Toán        | THPT An Nhơn Tây                    | Nguyễn Thị Huyền    | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | BA   |
| 3370 | Toán        | THPT Trung Phú                      | Lê Thành            | Phong  |    | Bình Dương            | 28   | 8     | 2003 | BA   |
| 3371 | Toán        | THPT Bà Điểm                        | Lê Hoài             | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | BA   |
| 3372 | Toán        | THPT Nguyễn Hữu Cẩu                 | Nguyễn Đăng Minh    | Trực   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 3     | 2003 | BA   |
| 3373 | Toán        | THPT Trung Phú                      | Lê Ngọc             | Tuyền  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 8     | 2003 | BA   |
| 3374 | Toán        | THPT Lương Thế Vinh                 | Vô Trần Như         | Ái     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | BA   |
| 3375 | Toán        | THPT Hùng Vương                     | Phạm Trường         | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 9     | 2003 | BA   |
| 3376 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Nguyễn Hồng         | Hạnh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 10    | 2003 | BA   |
| 3377 | Toán        | THPT Trần Khai Nguyên               | Đinh Bá             | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 12    | 2003 | BA   |
| 3378 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Nguyễn Trung        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 3379 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Trần Nhân           | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 3380 | Toán        | Trung học thực hành DHSP TPHCM      | Dương Thành         | Lâm    |    | Bến Tre               | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 3381 | Toán        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai           | Nguyễn Đức          | Long   |    | Hà Nội                | 29   | 9     | 2003 | BA   |
| 3382 | Toán        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai           | Trương Khánh        | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 4     | 2003 | BA   |
| 3383 | Toán        | THPT Trần Khai Nguyên               | Đỗ Thị Kim          | Ngân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 3384 | Toán        | THPT Nguyễn Thị Diệu                | Trần Triều          | Nghi   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | BA   |
| 3385 | Toán        | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Vũ Hoàng            | Nguyễn |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 3386 | Toán        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai           | Đào Quang           | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 3387 | Toán        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa          | Hoàng Dương Minh    | Phú    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 7     | 2003 | BA   |
| 3388 | Toán        | THPT Lương Thế Vinh                 | Văn Huỳnh Công      | Thanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | BA   |
| 3389 | Toán        | THPT Lương Thế Vinh                 | Lưu Chí             | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 10    | 2003 | BA   |
| 3390 | Toán        | THPT Hùng Vương                     | Tô Dương Hưng       | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 3391 | Toán        | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa          | Vô Minh             | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3392 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Nguyễn Văn Bảo      | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 11    | 2003 | BA   |
| 3393 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân                | Phan Thúy           | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 3394 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                | Trần Song Hà        | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 4     | 2003 | BA   |
| 3395 | Toán chuyên | THPT Gia Định                       | Nguyễn Minh         | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 8     | 2003 | BA   |
| 3396 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                | Cao Phúc Khải       | Hoàn   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 2     | 2003 | BA   |
| 3397 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân                | Trần Đăng           | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 11    | 2003 | BA   |
| 3398 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Hà Quốc             | Hùng   |    | Đắk Lắk               | 1    | 1     | 2003 | BA   |
| 3399 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu                | Trần Nguyễn Nam     | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 3     | 2003 | BA   |
| 3400 | Toán chuyên | THPT Gia Định                       | Đỗ Minh             | Huy    |    | Khánh Hòa             | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 3401 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Lê Nguyễn Gia       | Huy    |    | Trà Vinh              | 3    | 11    | 2003 | BA   |
| 3402 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân                | Tạ Ngọc Gia         | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 3403 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân                | Đinh Vĩnh Huy       | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 7     | 2003 | BA   |
| 3404 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi                   | Vũ Bảo              | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 10    | 2003 | BA   |
| 3405 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân                | Vũ Hoàng            | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 6     | 2003 | BA   |
| 3406 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong           | Vũ Như              | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 4     | 2003 | BA   |
| 3407 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền             | Nguyễn Huỳnh Phương | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 3     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi     | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|-------------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3408 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Trần Hoàng Bảo     | Khánh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | BA   |
| 3409 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Vinh Bảo Đăng      | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | BA   |
| 3410 | Toán chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa     | Hoàng Huy Minh     | Khôi   |    | Gia Lai               | 26   | 10    | 2003 | BA   |
| 3411 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Minh            | Khôi   |    | Hải Phòng             | 13   | 8     | 2003 | BA   |
| 3412 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Minh          | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 3     | 2003 | BA   |
| 3413 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Vô Anh             | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 11    | 2003 | BA   |
| 3414 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Trương Đăng Minh   | Khuê   |    | Tây Ninh              | 4    | 2     | 2003 | BA   |
| 3415 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Đỗ Minh            | Khương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 1     | 2003 | BA   |
| 3416 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Lê Nguyễn Thanh    | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 1     | 2003 | BA   |
| 3417 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Trần Thùy       | Linh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 10    | 2003 | BA   |
| 3418 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Mã Quang           | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 3419 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đăng Ngọc Phương   | Nam    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 3     | 2003 | BA   |
| 3420 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Hoàng Thiên | Nga    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3421 | Toán chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đỗ Thế             | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 1     | 2003 | BA   |
| 3422 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Vũ Hồng            | Nhung  | X  | Bình Dương            | 6    | 7     | 2003 | BA   |
| 3423 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Hà Hữu             | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 6     | 2003 | BA   |
| 3424 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Ngô Thái           | Phụng  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 3425 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Phan Thanh  | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 1     | 2003 | BA   |
| 3426 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Dương Đồng         | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 3     | 2003 | BA   |
| 3427 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Nguyễn Minh     | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 3428 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Thái Ngọc          | Rạng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 3     | 2003 | BA   |
| 3429 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Lê Minh            | Sang   |    | Quảng Trị             | 17   | 9     | 2003 | BA   |
| 3430 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Ngọc            | Thạch  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 8     | 2003 | BA   |
| 3431 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Vô Hoàng           | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 3432 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Ngọc        | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 3433 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Trịnh Tuấn         | Thành  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 1     | 2003 | BA   |
| 3434 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Quang       | Thiện  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 6     | 2003 | BA   |
| 3435 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Trần Minh          | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 4     | 2003 | BA   |
| 3436 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Trương Hương       | Trà    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 3437 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Thụy Bảo      | Trân   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 3438 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Hoàng Minh  | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3439 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Nguyễn Phạm Minh   | Trí    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 12    | 2003 | BA   |
| 3440 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Hà Mai Phương      | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2003 | BA   |
| 3441 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền        | Trần Thị Thanh     | Vân    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 8     | 2003 | BA   |
| 3442 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Lê Ngọc Khả        | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 3     | 2003 | BA   |
| 3443 | Toán chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Phan Thúy          | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 1     | 2003 | BA   |
| 3444 | Toán chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong      | Trần Quốc          | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 11    | 2003 | BA   |
| 3445 | Toán chuyên | Trung học thực hành ĐHSP TPHCM | Nguyễn Phước       | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 1     | 2003 | BA   |
| 3446 | Toán chuyên | Phổ Thông Năng khiếu           | Nguyễn Minh        | Đức    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 3     | 2003 | BA   |
| 3447 | Toán chuyên | THPT Gia Định                  | Hoàng Xuân         | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 4     | 2003 | BA   |
| 3448 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Đỗ Quốc            | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 4     | 2003 | BA   |
| 3449 | Vật lý      | THPT Võ Thị Sáu                | Vô Đăng            | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 3450 | Vật lý      | THPT Đào Sơn Tây               | Nguyễn Hồng        | Son    |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 21   | 7     | 2003 | BA   |
| 3451 | Vật lý      | THPT An Dương Vương            | Đặng               | Thanh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 12    | 2003 | BA   |
| 3452 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Dương Nguyễn Hoàng | Thị    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 7     | 2003 | BA   |
| 3453 | Vật lý      | THPT Gia Định                  | Nguyễn Huỳnh Phúc  | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 5     | 2003 | BA   |
| 3454 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Hoàng Uyên      | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 3455 | Vật lý      | THPT Trần Văn Giàu             | Nguyễn Minh        | Thuận  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 4     | 2003 | BA   |
| 3456 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Phạm Phú           | Toàn   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 7     | 2003 | BA   |
| 3457 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Nguyễn Ngọc Lan    | Trình  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 10    | 2003 | BA   |
| 3458 | Vật lý      | THPT Trần Văn Giàu             | Hoàng Hữu          | Tú     |    | Thừa Thiên - Huế      | 9    | 10    | 2003 | BA   |
| 3459 | Vật lý      | THPT Đồng Đô                   | Phạm Đường Minh    | Tú     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 12    | 2003 | BA   |
| 3460 | Vật lý      | THPT Thủ Đức                   | Phan Ngọc Thảo     | Vy     | X  | Khánh Hòa             | 18   | 9     | 2003 | BA   |
| 3461 | Vật lý      | THPT Nguyễn Công Trứ           | Trần Ngọc Minh     | Ánh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 5     | 2003 | BA   |
| 3462 | Vật lý      | THPT Trần Văn Giàu             | Nguyễn Nhựt        | Đăng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 3     | 2002 | BA   |
| 3463 | Vật lý      | THPT Hoàng Hoa Thám            | Nguyễn Lê Thành    | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 5     | 2003 | BA   |
| 3464 | Vật lý      | THPT Đào Sơn Tây               | Lê                 | Dũng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 3465 | Vật lý      | THPT Trần Văn Giàu             | Nguyễn Minh        | Dũng   |    | Hung Yên              | 15   | 7     | 2003 | BA   |
| 3466 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Trần Thái          | Dương  |    | Hải Phòng             | 22   | 10    | 2003 | BA   |
| 3467 | Vật lý      | THPT Nguyễn Hữu Huân           | Lê Nguyễn Tuấn     | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 1     | 2003 | BA   |
| 3468 | Vật lý      | THPT Gò Vấp                    | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | Hương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | BA   |
| 3469 | Vật lý      | THPT Đào Sơn Tây               | Lương Văn          | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 3     | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi | Trường                         | Họ                 | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------|--------------------------------|--------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3470 | Vật lý  | THPT Gia Định                  | Lê Nguyễn Bảo      | Khanh  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 3471 | Vật lý  | THPT Gia Định                  | Nguyễn Diệu Cao    | Long   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 11   | 10    | 2003 | BA   |
| 3472 | Vật lý  | THPT Trần Văn Giàu             | Bùi Đức            | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 12    | 2003 | BA   |
| 3473 | Vật lý  | THPT Tam Phú                   | Huỳnh Nhật Thảo    | Nhi    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 10    | 2003 | BA   |
| 3474 | Vật lý  | THPT Hiệp Bình                 | Phạm Thiên         | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 3475 | Vật lý  | THPT Tân Bình                  | Trần Quang         | Anh    |    | Hải Phòng             | 1    | 7     | 2003 | BA   |
| 3476 | Vật lý  | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Vũ Hoàng           | Anh    |    | Nam Định              | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 3477 | Vật lý  | THCS và THPT Hồng Đức          | Nguyễn Trần Quốc   | Bảo    |    | Đồng Nai              | 27   | 12    | 2003 | BA   |
| 3478 | Vật lý  | THCS và THPT Ngôi Sao          | Trương Quang       | Bảo    |    | Khánh Hòa             | 10   | 2     | 2003 | BA   |
| 3479 | Vật lý  | THPT An Lạc                    | Trần Thành         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 3480 | Vật lý  | THPT Bình Hưng Hòa             | Huỳnh Anh          | Dương  |    | Quảng Ngãi            | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 3481 | Vật lý  | THPT Tây Thạnh                 | Lê                 | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 10    | 2003 | BA   |
| 3482 | Vật lý  | THPT An Lạc                    | Trương Minh        | Hiếu   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 8     | 2003 | BA   |
| 3483 | Vật lý  | TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông | Đậu Đức Huy        | Hoàng  |    | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 27   | 8     | 2003 | BA   |
| 3484 | Vật lý  | THPT Tây Thạnh                 | Dương Phú          | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 7     | 2003 | BA   |
| 3485 | Vật lý  | THPT Trần Phú                  | Bạch Gia           | Huy    |    | Quảng Nam             | 27   | 9     | 2003 | BA   |
| 3486 | Vật lý  | THCS và THPT Trí Đức           | Nguyễn Lê Minh     | Kha    |    | Bình Thuận            | 18   | 9     | 2003 | BA   |
| 3487 | Vật lý  | THCS và THPT Ngôi Sao          | Nguyễn Tuấn        | Khái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 7     | 2003 | BA   |
| 3488 | Vật lý  | THCS và THPT Ngôi Sao          | Hồ Hoàng Hữu       | Lộc    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 3489 | Vật lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh          | Phan Thiên         | Long   |    | Quảng Trị             | 11   | 2     | 2003 | BA   |
| 3490 | Vật lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh          | Nguyễn Ngọc Hoàng  | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 3491 | Vật lý  | THPT Vĩnh Lộc                  | Nguyễn Thị Như     | Ngọc   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 6     | 2003 | BA   |
| 3492 | Vật lý  | THCS và THPT Trí Đức           | Phạm Hùng          | Phong  | X  | Kiên Giang            | 20   | 3     | 2003 | BA   |
| 3493 | Vật lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh          | Nguyễn Nhật        | Phương | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 6     | 2003 | BA   |
| 3494 | Vật lý  | THPT An Lạc                    | Trần Ngọc Vinh     | Quyển  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 3495 | Vật lý  | THPT Nguyễn Chí Thanh          | Trần Nguyễn Phương | Tây    | X  | Đắk Lắk               | 11   | 9     | 2003 | BA   |
| 3496 | Vật lý  | THCS và THPT Trí Đức           | Đoàn Vũ Hoàng      | Thái   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 12    | 2003 | BA   |
| 3497 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hữu Cánh           | Trần Phương        | Thảo   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 12    | 2003 | BA   |
| 3498 | Vật lý  | THPT Tân Bình                  | Phạm Thị Ngọc      | Thủy   | X  | Quảng Ngãi            | 22   | 1     | 2003 | BA   |
| 3499 | Vật lý  | THPT Lê Trọng Tấn              | Lê Vinh Trung      | Tín    |    | Bình Thuận            | 14   | 12    | 2003 | BA   |
| 3500 | Vật lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Đỗ Thành           | Công   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 3     | 2003 | BA   |
| 3501 | Vật lý  | THPT Nguyễn Tất Thành          | Đỗ Thành           | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 9     | 2003 | BA   |
| 3502 | Vật lý  | THPT Nguyễn An Ninh            | Nguyễn Thị Thùy    | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 1     | 2003 | BA   |
| 3503 | Vật lý  | THPT Nguyễn Khuyến             | Phạm Hà Minh       | Hạnh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 1     | 2003 | BA   |
| 3504 | Vật lý  | THPT Nguyễn Khuyến             | Nguyễn Xuân        | Hoàng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 9     | 2003 | BA   |
| 3505 | Vật lý  | THPT Nguyễn Hiền               | Vũ Anh             | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 3     | 2003 | BA   |
| 3506 | Vật lý  | THPT Bình Phú                  | Trần Bạch Ngọc     | Khuê   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 3     | 2003 | BA   |
| 3507 | Vật lý  | THPT Nguyễn Khuyến             | Nguyễn Dư          | Khương |    | Bến Tre               | 15   | 2     | 2003 | BA   |
| 3508 | Vật lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Tuấn        | Kiệt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 5     | 2003 | BA   |
| 3509 | Vật lý  | THPT Tạ Quang Bửu              | Nguyễn Minh        | Luân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 10    | 2003 | BA   |
| 3510 | Vật lý  | THPT Bình Phú                  | Lý Kiệt            | Mỹ     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 3     | 2003 | BA   |
| 3511 | Vật lý  | THPT Lương Văn Can             | Nguyễn Tấn Chánh   | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 10    | 2003 | BA   |
| 3512 | Vật lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Lâm Hoàng          | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 6     | 2003 | BA   |
| 3513 | Vật lý  | THPT Nguyễn Du                 | Trương Hồng        | Son    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 9     | 2003 | BA   |
| 3514 | Vật lý  | THPT Nguyễn An Ninh            | Đào Đăng Anh       | Tài    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 5     | 2003 | BA   |
| 3515 | Vật lý  | THPT Bình Chánh                | Lê Xuân            | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 10    | 2003 | BA   |
| 3516 | Vật lý  | THPT Nguyễn Tất Thành          | Phan Trần Bảo      | Thiên  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 12    | 2003 | BA   |
| 3517 | Vật lý  | THPT Mạc Đĩnh Chi              | Nguyễn Cường       | Thịnh  |    | Hàn Quốc              | 12   | 11    | 2003 | BA   |
| 3518 | Vật lý  | THPT Nguyễn Khuyến             | Vương Hoàng        | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 14   | 7     | 2003 | BA   |
| 3519 | Vật lý  | THPT Lương Văn Can             | Nguyễn Trọng       | Tiến   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | BA   |
| 3520 | Vật lý  | THPT Bình Phú                  | Lâm Thế            | Vinh   |    | Trà Vinh              | 15   | 7     | 2003 | BA   |
| 3521 | Vật lý  | THPT Lê Minh Xuân              | Phạm Lê Tường      | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 11    | 2003 | BA   |
| 3522 | Vật lý  | THPT Lê Thánh Tôn              | Nguyễn Quốc        | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | BA   |
| 3523 | Vật lý  | THPT Long Thới                 | Nguyễn Trung       | Khôi   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 4     | 2003 | BA   |
| 3524 | Vật lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Lê Thanh           | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 12    | 2003 | BA   |
| 3525 | Vật lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Ngô Trọng          | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 4     | 2003 | BA   |
| 3526 | Vật lý  | THPT Phước Long                | Lưu Đào Thảo       | Nguyên | X  | Bình Định             | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 3527 | Vật lý  | THPT Nam Sài Gòn               | Đàm Tá Minh        | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 1     | 2003 | BA   |
| 3528 | Vật lý  | THPT Phước Long                | Thạch Như          | Quỳnh  | X  | Hà Nội                | 10   | 1     | 2003 | BA   |
| 3529 | Vật lý  | THPT Ngô Quyền                 | Lê Quốc            | Sang   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 9     | 2003 | BA   |
| 3530 | Vật lý  | THPT Nguyễn Huệ                | Phạm Trung         | Thắng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 7     | 2003 | BA   |
| 3531 | Vật lý  | THPT Phước Long                | Bùi Minh           | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 10    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi       | Trường                          | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------------|---------------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3532 | Vật lý        | THPT Nam Sài Gòn                | Nhan Tô Hoàng     | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 10    | 2003 | BA   |
| 3533 | Vật lý        | THPT Nguyễn Huệ                 | Nguyễn Thảo       | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | BA   |
| 3534 | Vật lý        | THPT Quang Trung                | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 10    | 2003 | BA   |
| 3535 | Vật lý        | THPT Trung Phú                  | Ong Dương Gia     | Bảo    |    | Bình Dương            | 30   | 4     | 2003 | BA   |
| 3536 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Đặng Công         | Cường  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 4     | 2003 | BA   |
| 3537 | Vật lý        | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Thị Thùy   | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 9     | 2003 | BA   |
| 3538 | Vật lý        | THPT Lý Thường Kiệt             | Nguyễn Thuý Thuý  | Dương  | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 8     | 2003 | BA   |
| 3539 | Vật lý        | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Thị Chúc   | Hà     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 21   | 8     | 2003 | BA   |
| 3540 | Vật lý        | THPT Trung Phú                  | Hồ Quốc           | Hùng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 6     | 2003 | BA   |
| 3541 | Vật lý        | THPT Việt Âu                    | Bùi Quang         | Huy    |    | Đắk Lắk               | 27   | 1     | 2003 | BA   |
| 3542 | Vật lý        | THPT Quang Trung                | Trần Đức          | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 6     | 2003 | BA   |
| 3543 | Vật lý        | THPT Võ Trường Toản             | Vũ Anh            | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 2    | 12    | 2002 | BA   |
| 3544 | Vật lý        | THPT Phạm Văn Sáng              | Nguyễn Sứ         | Liên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 30   | 1     | 2003 | BA   |
| 3545 | Vật lý        | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Bình       | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 8     | 2003 | BA   |
| 3546 | Vật lý        | THPT Lý Thường Kiệt             | Nguyễn Khoa Hải   | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 11    | 2003 | BA   |
| 3547 | Vật lý        | THPT Cù Chi                     | Nguyễn Thị Trà    | My     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 12    | 2003 | BA   |
| 3548 | Vật lý        | THPT Việt Âu                    | Nguyễn Thiệu Thái | Nghi   | X  | Bà Rịa - Vũng Tàu     | 9    | 8     | 2003 | BA   |
| 3549 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Huỳnh Tấn         | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 2     | 2003 | BA   |
| 3550 | Vật lý        | THPT Trường Chinh               | Lê Dung           | Nhi    | X  | Lâm Đồng              | 15   | 8     | 2003 | BA   |
| 3551 | Vật lý        | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Duy        | Tân    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 3552 | Vật lý        | THPT Nguyễn Hữu Cầu             | Nguyễn Đăng Trọng | Thanh  |    | Lâm Đồng              | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 3553 | Vật lý        | THPT Cù Chi                     | Ngô Thị           | Thảo   | X  | Hà Nội                | 5    | 3     | 2003 | BA   |
| 3554 | Vật lý        | THPT Bà Điểm                    | Trần Hoàng        | Thịnh  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 10   | 6     | 2003 | BA   |
| 3555 | Vật lý        | THPT Trung Phú                  | Nguyễn Hoàng      | Thông  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 7     | 2003 | BA   |
| 3556 | Vật lý        | THPT Cù Chi                     | Mai Đức           | Trọng  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 2     | 2003 | BA   |
| 3557 | Vật lý        | THPT Bà Điểm                    | Cù Đức            | Trường |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 7     | 2003 | BA   |
| 3558 | Vật lý        | THPT Võ Trường Toản             | Nguyễn Minh       | Vũ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 29   | 8     | 2003 | BA   |
| 3559 | Vật lý        | THPT Trung Phú                  | Đặng Thanh        | Vy     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 8     | 2003 | BA   |
| 3560 | Vật lý        | THPT Trần Khai Nguyên           | Trần Hồng Quý     | An     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 4     | 2003 | BA   |
| 3561 | Vật lý        | Trung học thực hành DHSP TPHCM  | Tôn Hoàng Quỳnh   | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 27   | 11    | 2003 | BA   |
| 3562 | Vật lý        | THPT Trần Khai Nguyên           | Trần Gia          | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | BA   |
| 3563 | Vật lý        | THPT Giồng Ông Tố               | Trần Huỳnh Thành  | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 9     | 2003 | BA   |
| 3564 | Vật lý        | Trung học thực hành DHSP TPHCM  | Triệu Trí         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 3     | 2003 | BA   |
| 3565 | Vật lý        | THPT Lê Quý Đôn                 | Dương Phúc Nhã    | Đinh   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 17   | 6     | 2003 | BA   |
| 3566 | Vật lý        | THPT Lê Quý Đôn                 | Vũ Minh           | Đức    |    | Hà Nội                | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3567 | Vật lý        | THPT Lê Quý Đôn                 | Nguyễn Bảo        | Giang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 3568 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Lương Quang       | Huy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 11    | 2003 | BA   |
| 3569 | Vật lý        | THPT Marie Curie                | Bùi Quý           | Hỷ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 8     | 2003 | BA   |
| 3570 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thị Diệu            | Trương Thịnh      | Khang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 11    | 2003 | BA   |
| 3571 | Vật lý        | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       | Vũ Quốc           | Khánh  |    | Đồng Nai              | 7    | 7     | 2003 | BA   |
| 3572 | Vật lý        | THPT Trưng Vương                | Vũ Ngọc Cao       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 2     | 2003 | BA   |
| 3573 | Vật lý        | THPT Hùng Vương                 | Vũ Hữu            | Linh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 11    | 2003 | BA   |
| 3574 | Vật lý        | THPT Giồng Ông Tố               | Nguyễn Quốc       | Minh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 10    | 2003 | BA   |
| 3575 | Vật lý        | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phạm Lê           | Nguyễn |    | Tiền Giang            | 1    | 7     | 2003 | BA   |
| 3576 | Vật lý        | Trung học thực hành DHSP TPHCM  | Phạm Trí          | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 1     | 2003 | BA   |
| 3577 | Vật lý        | THPT Marie Curie                | Thân Đức Minh     | Nhân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | BA   |
| 3578 | Vật lý        | THPT Trưng Vương                | Nguyễn Đoàn Hoàng | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | BA   |
| 3579 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân               | Lê Trần Nhật      | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 20   | 10    | 2003 | BA   |
| 3580 | Vật lý        | THPT Marie Curie                | Nguyễn Quang      | Trí    |    | Đà Nẵng               | 24   | 9     | 2003 | BA   |
| 3581 | Vật lý        | THPT Hùng Vương                 | Phạm Ngọc Minh    | Tú     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 9     | 2003 | BA   |
| 3582 | Vật lý        | THPT Bùi Thị Xuân               | Nguyễn Bảo        | Việt   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 11    | 2003 | BA   |
| 3583 | Vật lý        | THPT Nguyễn Trãi                | Tạ Nguyễn Hữu     | Vinh   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 1     | 2003 | BA   |
| 3584 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Huỳnh Gia         | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 10    | 2003 | BA   |
| 3585 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Nguyễn Khánh      | An     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 12    | 2003 | BA   |
| 3586 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                   | Phạm Trần Hồng    | Ân     | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 10    | 2003 | BA   |
| 3587 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Tăng Minh         | Anh    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 8    | 5     | 2003 | BA   |
| 3588 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                   | Trần Tuấn         | Anh    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 3589 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Dương Danh Gia    | Bảo    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 11    | 2003 | BA   |
| 3590 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      | Nguyễn Minh       | Đặng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 10    | 2003 | BA   |
| 3591 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong       | Phạm Hoàng        | Đặng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 11    | 2003 | BA   |
| 3592 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định                   | Huỳnh Tấn         | Đạt    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 11    | 2003 | BA   |
| 3593 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu            | Đào Thái          | Dương  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 26   | 11    | 2003 | BA   |

| STT  | Môn thi       | Trường                     | Họ                | Tên    | Nữ | Nơi sinh              | Ngày | tháng | Năm  | Giải |
|------|---------------|----------------------------|-------------------|--------|----|-----------------------|------|-------|------|------|
| 3594 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định              | Hồ Hoàng Xuân     | Duy    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 9     | 2003 | BA   |
| 3595 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Phan Trường       | Giang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 18   | 2     | 2003 | BA   |
| 3596 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Thị Thanh  | Hồng   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 3     | 2003 | BA   |
| 3597 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Phạm Hữu          | Huệ    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 4     | 2003 | BA   |
| 3598 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định              | Trần Phúc         | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 12    | 2003 | BA   |
| 3599 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Trịnh Quang       | Hưng   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 7     | 2003 | BA   |
| 3600 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Trịnh Quang       | Huy    |    | Bình Định             | 9    | 11    | 2003 | BA   |
| 3601 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Doãn Anh          | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 6    | 8     | 2003 | BA   |
| 3602 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Nguyễn Hà Tuấn    | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 13   | 2     | 2003 | BA   |
| 3603 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Tuấn       | Khoa   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 3    | 8     | 2003 | BA   |
| 3604 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Nguyễn Trung      | Kiên   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 15   | 1     | 2003 | BA   |
| 3605 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Văn        | Kiệt   |    | Quảng Ngãi            | 31   | 8     | 2003 | BA   |
| 3606 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Hồng Minh         | Kỳ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 3607 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Phạm Hoàng        | Lâm    |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 22   | 5     | 2003 | BA   |
| 3608 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Quang Nhất | Linh   |    | Cà Mau                | 18   | 2     | 2003 | BA   |
| 3609 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định              | Nguyễn Lê Nam     | Long   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 6     | 2003 | BA   |
| 3610 | Vật lý chuyên | Phổ Thông Năng khiếu       | Nguyễn Bùi Thanh  | Mai    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 5    | 12    | 2003 | BA   |
| 3611 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Thị Tuyết  | Ngân   | X  | Đắk Lắk               | 8    | 2     | 2003 | BA   |
| 3612 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Hữu        | Nghĩa  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | BA   |
| 3613 | Vật lý chuyên | THPT Mạc Đĩnh Chi          | Lâm Thy           | Nhã    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 19   | 9     | 2003 | BA   |
| 3614 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Nguyễn Lê Quỳnh   | Như    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 9    | 4     | 2003 | BA   |
| 3615 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Lưu Huỳnh Minh    | Nhật   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 12   | 9     | 2003 | BA   |
| 3616 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Chung Ngọc        | Phúc   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 16   | 11    | 2003 | BA   |
| 3617 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Hoàng Hải         | Phương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 7    | 11    | 2003 | BA   |
| 3618 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Ngô Văn Duy       | Phương |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 24   | 3     | 2003 | BA   |
| 3619 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Dương Nguyễn Mỹ   | Phượng | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 10    | 2003 | BA   |
| 3620 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Đào Anh           | Quân   |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 28   | 10    | 2003 | BA   |
| 3621 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | Vũ Châu Duy       | Quang  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 31   | 3     | 2003 | BA   |
| 3622 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Văn          | Sỹ     |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 23   | 1     | 2003 | BA   |
| 3623 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Nguyễn Đình       | Thắng  |    | Bình Dương            | 31   | 1     | 2003 | BA   |
| 3624 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Lê Trần Minh      | Thư    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 25   | 8     | 2003 | BA   |
| 3625 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Thượng Hiền    | Lê Phạm Yến       | Thy    | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 4    | 9     | 2003 | BA   |
| 3626 | Vật lý chuyên | THPT Nguyễn Hữu Huân       | Trần Quốc         | Trung  |    | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 1     | 2003 | BA   |
| 3627 | Vật lý chuyên | THPT Gia Định              | Lê Thái           | Uyên   | X  | Thành phố Hồ Chí Minh | 1    | 9     | 2003 | BA   |
| 3628 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Trần Quốc         | Việt   |    | Hà Nam                | 23   | 8     | 2003 | BA   |
| 3629 | Vật lý chuyên | THPT chuyên Lê Hồng Phong  | Đặng Trần         | Vinh   |    | Bình Định             | 30   | 12    | 2003 | BA   |

Tổng cộng danh sách có 3629 học sinh đạt giải.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu